

DANH SÁCH

Học viên được công nhận cấp chứng chỉ Kỹ năng xã hội

(Kèm theo quyết định số: 275/QĐ-ĐHTDM ngày 05 tháng 3 năm 2019 của

Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Chú thích

- 01 KN Học tập bậc đại học. KN01
- 02 KN Giao Tiếp Thành Công Nơi Công Sở KN02
- 03. KN Tổ Chức Sự Kiện KN03
- 04 KN Giải Quyết Vấn Đề Và Ra Quyết Định KN04
- 05 KN Thuyết Trình, Trình Bày: KN05

- 06 KN Làm Việc Nhóm Hiệu Suất Cao KN06
- 07 KN Đặt Mục Tiêu, Lập Kế Hoạch, Quản Lý Thời Gian KN07
- 08 KN Khám Phá Và Phát Triển Bản Thân KN08
- 09 KN Xây Dựng Hình Ảnh và Tác Phong Chuyên Nghiệp KN09
- 10. KN Tìm Việc, Viết CV Và Trả Lời Phỏng Vấn. KN10

Trong đó

- Loại Xuất sắc có 184 học viên, chiếm 13,3% trên tổng số.
- Loại Giỏi có 967 học viên, chiếm 69,7% trên tổng số.
- Loại Khá có 232 học viên, chiếm 16,7% trên tổng số
- Loại Trung bình khá có 4 học viên, chiếm 0,3% trên tổng số
- Loại Trung bình có 0 học viên, chiếm 0,0% trên tổng số

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1	1511402010067	Đoàn Thị An	Nữ	14/04/1997	Quảng Nam	KN01 7,5	KN02 7,0	KN04: 7,5	KN05 6,0	KN06 9,0	7,5	Khá
2	1521402020264	Bùi Thị Mỹ An	Nữ	18/12/1996	Bình Dương	KN01 7,5	KN02: 7,0	KN06 8,0	KN09 9,5	KN10 9,0	8,0	Giỏi
3	1522202010105	Hồ Thái An	Nam	16/12/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 8,0	KN03: 9,0	KN07. 7,5	KN10 8,5	8,0	Giỏi
4	1523801010249	Nguyễn Thị Thúy An	Nữ	11/12/1997	Đồng Tháp	KN01. 6,5	KN02 9,0	KN06: 8,5	KN08 8,5	KN09 9,5	8,5	Giỏi
5	1524403010100	Phan Manh An	Nam	18/07/1997	Quảng Bình	KN01 10,0	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN07 8,5	KN10 9,5	9,0	Xuất sắc
6	1524801030031	Hồ Thái An	Nam	16/10/1997	Bình Dương	KN01 6,5	KN02. 8,0	KN07. 8,0	KN08. 8,5	KN10. 10,0	8,0	Giỏi
7	1525202010001	Ta Hoàng An	Nam	03/10/1997	Cà Mau	KN01. 7,5	KN02. 8,0	KN05: 8,5	KN06. 8,0	KN08 10,0	8,5	Giỏi
8	1527601010009	Nguyễn Lâm Thuý An	Nữ	14/10/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02: 7,0	KN05 7,0	KN08 8,5	KN09: 8,0	7,5	Khá
9	1527601010028	Nguyễn Tấn An	Nam	10/11/1997	Bình Dương	KN01. 9,0	KN02. 10,0	KN03 9,0	KN06. 9,0	KN08 9,0	9,0	Xuất sắc
10	1623801010002	Đoàn Văn An	Nam	02/02/1998	Bình Dương	KN02. 7,0	KN05 8,5	KN06: 8,0	KN08 10,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
11	1623801010005	Vũ Thị An	Nữ	03/07/1998	Bình Phước	KN02 7,5	KN06 9,0	KN07: 8,0	KN08. 7,5	KN10 9,5	8,5	Giỏi

(Chữ ký)

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
12	1625106010002	Nguyễn Hoàng Thùy An	Nữ	29/12/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
13	1521401010008	Đỗ Huỳnh Thế Anh	Nam	03/03/1996	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
14	1521401010016	Nguyễn Thị Trâm Anh	Nữ	21/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	7,5	Khá
15	1521401010021	Lê Thị Vân Anh	Nữ	19/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN04: 7,0	KN06: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
16	1521401010038	Huỳnh Thị Cúc Anh	Nữ	15/08/1996	Sông Bé	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 9,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
17	1521402010097	Đào Thị Lan Anh	Nữ	17/09/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
18	1521402010133	Nguyễn Thị Minh Anh	Nữ	09/12/1997	Thanh Hóa	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN06: 9,5	KN07: 6,0	8,0	Giỏi
19	1521402010186	Vũ Thị Vân Anh	Nữ	17/12/1997	Bình Phước	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
20	1521402170012	Lê Đường Trâm Anh	Nữ	02/10/1995	Ninh Thuận	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN09: 9,5	8,0	Giỏi
21	1521402180095	Hà Thị Cẩm Anh	Nữ	22/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 7,0	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
22	1523402010116	Trần Trâm Anh	Nữ	01/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
23	1523403010194	Hà Thị Phương Anh	Nữ	06/01/1997	Thanh Hóa	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
24	1523801010320	Liên Thị Lan Anh	Nữ	11/07/1996	Đồng Nai	KN01: 6,5	KN02: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
25	1524403010096	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	30/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
26	1524801040078	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	10/10/1996	Quảng Ngãi	KN01: 9,0	KN02: 6,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
27	1525802080046	Trương Hoàng Anh	Nam	27/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN05: 6,0	KN06: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
28	1621402010005	Lê Thị Tú Anh	Nữ	29/08/1998	Nghệ An	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 10,0	KN08: 10,0	KN10: 8,5	9,0	Xuất sắc
29	1621402020003	Bùi Thị Ngọc Anh	Nữ	09/03/1998	Nam Định	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 8,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
30	1621402170001	Trần Thị Hải Anh	Nữ	19/05/1998	Thanh Hóa	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
31	1622202010015	Trần Thị Vân Anh	Nữ	01/08/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 6,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
32	1622202010016	Vân Vân Anh	Nữ	05/08/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN03: 10,0	KN06: 6,0	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi

Handwritten signature/initials

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
33	1623102050001	Võ Thị Kim Anh	Nữ	08/08/1997	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
34	1623401010003	Lâm Quang Hoàng Anh	Nam	20/04/1998	Long An	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
35	1623401010008	Trần Thị Lan Anh	Nữ	30/06/1998	Nam Định	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 7,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
36	1623402010004	Chu Thụy Lan Anh	Nữ	17/09/1998	Thái Bình	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 8,5	7,5	Khá
37	1623801010007	Hồ Ngọc Anh	Nữ	17/10/1995	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
38	1623801010010	Nguyễn Bình Phương Anh	Nữ	13/01/1998	Long An	KN02: 5,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 7,5	KN10: 10,0	7,5	Khá
39	1623801010014	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	22/02/1998	Phú Yên	KN02: 8,0	KN07: 7,5	KN08: 6,5	KN09: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
40	1623801010458	Đặng Phạm Hữu Anh	Nam	2/6/1998	Phú Yên	KN02: 7,0	KN06: 7,0	KN08: 6,0	KN09: 9,0	KN10: 9,5	7,5	Khá
41	1624401120003	Đinh Thị Phương Anh	Nữ	29/11/1998	Hà Tây	KN02: 7,5	KN07: 9,0	KN08: 8,0	KN09: 10,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
42	1624401120004	Đỗ Đức Anh	Nam	02/02/1998	Nam Định	KN02: 5,0	KN07: 8,5	KN08: 7,0	KN09: 9,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
43	1624601010001	Vũ Thị Mai Anh	Nữ	18/08/1998	Bắc Giang	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
44	1625106010003	Hoàng Thị Kim Anh	Nữ	16/01/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 9,5	KN06: 9,5	KN08: 8,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
45	1625106010008	Phạm Thị Vân Anh	Nữ	25/08/1997	Nam Định	KN02: 7,5	KN05: 9,5	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
46	1625202010007	Tạ Quang Anh	Nam	15/07/1998	Hà Nội	KN02: 8,0	KN07: 7,0	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
47	1628501010004	Phạm Thị Phương Anh	Nữ	09/06/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
48	1623801010019	Võ Ngọc Ánh	Nữ	02/06/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
49	1521402180044	Lê Thị Hồng Ánh	Nữ	13/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN07: 7,5	KN08: 7,5	7,5	Khá
50	1523801010002	Phạm Thị Mỹ Ánh	Nữ	06/11/1997	Bình Thuận	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 8,0	8,5	Giỏi
51	1523801010213	Nguyễn Thị Ánh	Nữ	08/03/1997	Hà Tĩnh	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN08: 7,5	KN09: 7,5	8,0	Giỏi
52	1621402010009	Phan Thị Ngọc Ánh	Nữ	03/07/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN05: 6,0	KN08: 7,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	7,5	Khá
53	1621402180005	Vương Thị Ngọc Ánh	Nữ	12/05/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 5,0	7,5	Khá

AN

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
54	1622202010020	Trịnh Thị Nguyệt Ánh	Nữ	21/02/1998	Tây Ninh	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
55	1623801010021	Hồ Thị Minh Ánh	Nữ	23/10/1997	Tây Ninh	KN02: 5,0	KN05: 6,5	KN06: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	7,0	Khá
56	1623403010012	Lê Thị Ngọc Ân	Nữ	03/04/1998	Đồng Nai	KN02: 7,5	KN03: 10,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
57	1522202010254	Nguyễn Đình Bảo	Nam	10/03/1997	Nghe An	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN06: 9,5	KN08: 8,5	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
58	1523801010044	Trần Trí Bảo	Nam	09/05/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN08: 7,0	8,0	Giỏi
59	1524801040031	Trần Quốc Bảo	Nam	15/11/1997	Bình Phước	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN08: 6,0	KN09: 5,0	KN10: 8,0	6,5	Trung bình khá
60	1622202010023	Nguyễn Nguyên Bảo	Nam	01/01/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN08: 9,5	KN09: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
61	1622202010024	Trần Minh Bảo	Nam	18/04/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
62	1623801010027	Nguyễn Gia Bảo	Nam	31/12/1998	Bến Tre	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN07: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
63	1623801010030	Trần Thái Bảo	Nam	25/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
64	1523401010205	Luyện Văn Bắc	Nam	01/12/1997	Bắc Giang	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN06: 7,0	KN07: 6,0	KN10: 8,0	7,0	Khá
65	1623801010031	Nguyễn Hữu Công Bằng	Nam	02/09/1998	Hà Nam	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 7,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
66	1625202010016	Nguyễn Thiên Bé	Nam	26/09/1998	Bình Phước	KN02: 7,5	KN06: 9,5	KN08: 7,5	KN09: 7,0	KN10: 6,0	7,5	Khá
67	1524403010206	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	25/09/1997	Tây Ninh	KN01: 7,0	KN02: 6,0	KN03: 7,0	KN06: 7,5	KN08: 8,0	7,0	Khá
68	1621402180008	Dương Thị Ngọc Bích	Nữ	19/04/1997	Ninh Thuận	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 7,5	KN10: 6,5	8,0	Giỏi
69	1523401010155	Bạch Thanh Bình	Nam	21/02/1997	Hà Tĩnh	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
70	1524401120115	Dương Thị Bình	Nữ	27/05/1997	Thái Nguyên	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 9,0	8,0	Giỏi
71	1524801030016	Lê Quang Bình	Nam	19/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	7,5	Khá
72	1525202010058	Nguyễn Thanh Bình	Nam	31/05/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN03: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
73	1623401010013	Vũ Thanh Bình	Nam	21/10/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN08: 10,0	KN09: 10,0	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
74	1624401020003	Trần Thanh Bình	Nam	09/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi

A

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
75	1625202010022	Nguyễn Thanh Cang	Nam	11/08/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
76	1524801030055	Nguyễn Minh Cảnh	Nam	06/10/1997	Tây Ninh	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN07: 9,0	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
77	1524801030077	Châu Duy Cảnh	Nam	08/12/1997	Quảng Ngãi	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN05: 8,5	KN06: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
78	1623102050004	Triều Minh Cảnh	Nam	06/10/1995	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
79	1525202010078	Nguyễn Văn Công	Nam	20/08/1995	Thanh Hóa	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN05: 7,0	KN08: 10,0	8,0	Giỏi
80	1623801010035	Nguyễn Thành Công	Nam	06/12/1998	Đàklak	KN02: 7,5	KN07: 9,0	KN08: 7,0	KN09: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
81	1311402110002	Trần Hải Cơ	Nam	24/04/1995	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
82	1523401010202	Nguyễn Thị Thu Cúc	Nữ	08/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 8,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
83	1621402020020	Vũ Thị Cúc	Nữ	08/01/1996	Đàklak	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
84	1623403010016	Lê Thị Lí Cúc	Nữ	08/05/1998	Hà Tĩnh	KN02: 8,5	KN03: 10,0	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
85	1524801040046	Phạm Thị Cường	Nữ	04/10/1997	Bến Tre	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN04: 7,0	KN06: 8,0	KN10: 6,5	7,5	Khá
86	1521402020034	Thạch Gia Cường	Nam	21/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN04: 7,0	KN05: 8,0	KN07: 7,5	7,5	Khá
87	1523801010032	Trần Văn Cường	Nam	17/07/1997	Đồng Nai	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN05: 6,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
88	1621401010061	Nguyễn Hùng Cường	Nam	5/12/1997	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN07: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
89	1621402180010	Nguyễn Tấn Cường	Nam	15/10/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN06: 7,5	KN08: 7,5	KN09: 8,5	KN10: 5,5	7,5	Khá
90	1623801010037	Lê Văn Cường	Nam	12/02/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
91	1623801010040	Nguyễn Trọng Cường	Nam	21/07/1998	Quảng Bình	KN02: 6,5	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 9,0	7,5	Khá
92	1624801030012	Trần Tiến Cường	Nam	20/12/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 7,5	KN07: 10,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
93	1624801040004	Ngô Bá Cường	Nam	09/06/1998	Hà Nam	KN02: 6,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
94	1621402010012	Phan Thị Thúy Chân	Nữ	19/06/1998	Gia Lai	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi

Handwritten signature

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
95	1621402010267	Nguyễn Thị Ngọc Châu	Nữ	12/10/1997	Bình Dương	KN02: 8,5	KN05: 8,5	KN06: 9,5	KN08: 9,5	KN10: 8,0	9,0	Xuất sắc
96	1623102050007	Nguyễn Bảo Châu	Nữ	28/10/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN09: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
97	1623403010018	Cao Thị Diễm Châu	Nữ	24/06/1998	Đồng Nai	KN02: 7,5	KN03: 10,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
98	1624403010006	Nguyễn Thị Kim Châu	Nữ	18/06/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN05: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
99	1521401010028	Cao Thị Lê Chi	Nữ	12/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
100	1521402010189	Trần Nguyên Khánh Chi	Nữ	25/05/1997	Quảng Nam	KN01: 6,5	KN02: 7,5	KN05: 6,5	KN06: 9,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
101	1525801050060	Cao Kim Chi	Nữ	24/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN05: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
102	1621402010014	Đỗ Thị Lan Chi	Nữ	01/06/1998	Nam Định	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN06: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
103	1623102050009	Lê Thị Bích Chi	Nữ	27/07/1997	Bến Tre	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 7,5	KN09: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
104	1523401010035	Nguyễn Hữu Danh	Nam	17/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN06: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
105	1525801020024	Trần Vinh Danh	Nam	26/02/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
106	1623401010024	Nguyễn Đức Danh	Nam	24/06/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
107	1623401010025	Nguyễn Thành Danh	Nam	21/11/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 9,5	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
108	1421401010003	Bùi Công Dân	Nam		Bình Dương	KN02: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
109	1621402170005	Ka Diem	Nữ	19/10/1998	Lâm Đồng	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
110	1623401010026	Lê Thị Diễm	Nữ	19/10/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN05: 9,0	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
111	1521401010011	Hoàng Thị Diễm	Nữ	28/12/1995	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
112	1521402020066	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Nữ	11/04/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN09: 9,5	8,5	Giỏi
113	1521402020133	Lê Thị Diễm	Nữ	17/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN07: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
114	1521402170161	Huỳnh Thị Hồng Diễm	Nữ	20/03/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN05: 9,0	KN07: 7,0	KN10: 7,0	7,5	Khá

Av

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
115	1525106010104	Trần Thị Kiều Diễm	Nữ	10/12/1997	Tiền Giang	KN01 6,5	KN02 7,0	KN05 6,5	KN08 9,0	KN10 9,0	7,5	Khá
116	1621402010016	Huỳnh Thị Kiều Diễm	Nữ	23/02/1998	Quảng Ngãi	KN02 7,0	KN03 9,0	KN06 5,0	KN08 8,0	KN10 10,0	8,0	Giỏi
117	1624401120015	Lê Thị Thu Diễm	Nữ	05/02/1998	Bình Dương	KN02 8,5	KN03 9,0	KN05 9,0	KN08 9,0	KN10 6,0	8,5	Giỏi
118	1622202040009	Bùi Thị Ngọc Diệp	Nữ	25/07/1997	Ninh Bình	KN02 8,0	KN05 8,5	KN06 9,5	KN08 6,5	KN10 7,5	8,0	Giỏi
119	1623801010047	Đặng Thị Ngọc Diệp	Nữ	31/08/1998	Tây Ninh	KN02 9,0	KN05 8,0	KN08 8,0	KN09 9,5	KN10 8,0	8,5	Giỏi
120	1628501010138	Đặng Văn Bá Diệp	Nam	02/05/1998	Gia Lai	KN02 7,5	KN03 8,5	KN08 10,0	KN09 6,5	KN10 9,0	8,5	Giỏi
121	1621402010018	Võ Thị Thúy Diêu	Nữ	16/11/1998	Hà Tĩnh	KN02 8,0	KN03 8,0	KN05 8,5	KN08 7,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi
122	1623401010030	Võ Thị Diệu	Nữ	28/06/1998	Bình Dương	KN02 8,5	KN05 8,0	KN08 10,0	KN09 9,0	KN10 8,0	8,5	Giỏi
123	1623403010021	Hà Thị Diêu	Nữ	22/03/1998	Bình Dương	KN02 7,5	KN03 9,0	KN08 7,0	KN09 9,0	KN10 9,5	8,5	Giỏi
124	1521402010072	Nguyễn Thị Thuý Dung	Nữ	20/10/1997	Bình Dương	KN01 8,5	KN02 9,0	KN03 10,0	KN08 7,5	KN09 9,5	9,0	Xuất sắc
125	1521402170131	Nguyễn Thị Dung	Nữ	03/02/1997	Nghệ An	KN01 8,0	KN02 9,5	KN05 7,5	KN06 7,0	KN08 8,0	8,0	Giỏi
126	1521402180027	Đặng Thị Ngọc Dung	Nữ	18/03/1996	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 7,0	KN08 7,5	KN09 8,5	KN10 9,0	8,0	Giỏi
127	1523401010018	Phạm Thị Mỹ Dung	Nữ	12/03/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 6,5	KN03 8,0	KN09 8,0	KN10 9,0	8,0	Giỏi
128	1523401010069	Nguyễn Mỹ Dung	Nữ	22/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01 8,0	KN02 8,0	KN04 8,0	KN07 8,0	KN08 7,0	8,0	Giỏi
129	1523801010028	Trương Thị Phương Dung	Nữ	31/01/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 8,0	KN03 8,5	KN05 8,0	KN06 9,0	8,0	Giỏi
130	1524801040001	Đặng Thị Dung	Nữ	28/03/1996	Nghệ An	KN01 8,0	KN02 7,5	KN04 7,5	KN08 10,0	KN10 7,0	8,0	Giỏi
131	1528501010114	Nguyễn Vương Thùy Dung	Nữ	27/02/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 7,5	KN03 9,0	KN07 7,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi
132	1621401010005	Chiêm Ngọc Dung	Nữ	07/08/1998	Bình Dương	KN02 8,5	KN06 7,0	KN07 8,5	KN08 8,0	KN10 9,5	8,5	Giỏi
133	1621402010021	Đỗ Thị Kim Dung	Nữ	09/02/1997	Bình Dương	KN02 8,5	KN03 9,0	KN06 7,0	KN08 9,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
134	1621402020037	Trần Thị Dung	Nữ	06/08/1998	Hải Dương	KN02 8,5	KN05 7,0	KN06 9,0	KN08 7,0	KN10 8,0	8,0	Giỏi
135	1621402170009	Trần Thị Hoàng Dung	Nữ	03/02/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN06 8,5	KN07 9,0	KN08 9,5	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc

Ấu

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
136	1622202010035	Đoàn Thị Mỹ Dung	Nữ	16/04/1998	Ninh Thuận	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
137	1622202010036	Nguyễn Thị Dung	Nữ	02/09/1992	Nghê An	KN02: 6,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
138	1623401010032	Đào Thị Kim Dung	Nữ	01/02/1998	Tây Ninh	KN02: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
139	1623401010034	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Nữ	16/11/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN06: 9,0	KN07: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
140	1623403010025	Nguyễn Ngọc Dung	Nữ	15/06/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 6,0	KN06: 7,0	KN08: 7,0	KN10: 7,0	7,0	Khá
141	1623403010026	Nguyễn Thụy Phương Dung	Nữ	14/03/1998	Bình Thuận	KN02: 7,0	KN05: 6,0	KN07: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 6,5	7,0	Khá
142	1625106010018	Thái Thị Mỹ Dung	Nữ	02/11/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN09: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
143	1628501010017	Lê Thị Hồng Dung	Nữ	30/04/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN07: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
144	1525202010002	Nguyễn Văn Dũng	Nam	12/02/1997	Bình Định	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	8,0	Giỏi
145	1621402180012	Đỗ Minh Dũng	Nam	29/05/1995	Bình Dương	KN02: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
146	1623801010052	Nguyễn Tấn Dũng	Nam	14/02/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 6,5	KN08: 9,0	KN09: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
147	1522202010071	Phan Thị Thủy Duyệt	Nữ	04/01/1997	Bến Tre	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN06: 8,5	KN07: 7,5	7,5	Khá
148	1522202010172	Nguyễn Phạm Thủy Duyệt	Nữ	12/04/1995	An Giang	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 7,0	KN05: 7,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
149	1523801010224	Hoàng Duy	Nam	17/02/1997	Ninh Thuận	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN06: 8,5	KN09: 9,5	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
150	1524401120058	Đỗ Nguyễn Trường Duy	Nam	11/11/1996	Bình Dương	KN01: 10,0	KN02: 9,5	KN05: 10,0	KN08: 8,5	KN10: 10,0	9,5	Xuất sắc
151	1524801040022	Nguyễn Duy	Nam	27/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 6,0	KN08: 7,5	KN09: 5,0	KN10: 7,0	6,5	Trung bình khá
152	1524801040110	Vũ Đức Duy	Nam	03/02/1997	Đăklăk	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
153	1525802080015	Nguyễn Đăng Nhật Duy	Nam	17/10/1997	Tây Ninh	KN01: 8,0	KN02: 6,0	KN06: 7,0	KN08: 8,5	KN10: 6,5	7,0	Khá
154	1623401010037	Trương Khánh Duy	Nam	25/06/1997	Bình Dương	KN02: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
155	1624401120019	Lê Anh Duy	Nam	26/08/1998	Tp.Hcm	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
156	1625106010022	Nguyễn Minh Duy	Nam	08/10/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc

Ar

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
157	1521402010185	Đoàn Thị Kiều Duyên	Nữ	07/05/1995	Quảng Ngãi	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN04: 9,5	KN05: 7,0	KN06: 7,5	8,0	Giỏi
158	1522202040054	Ngô Mỹ Duyên	Nữ	15/08/1997	Bình Phước	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
159	1523401010194	Trương Thị Ngọc Duyên	Nữ	07/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN05: 8,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
160	1524801040069	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	02/03/1997	Bình Định	KN01: 8,0	KN02: 6,0	KN03: 9,0	KN06: 9,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
161	1621402010024	Mai Thị Duyên	Nữ	27/01/1998	Thái Bình	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 8,5	7,5	Khá
162	1621402010026	Nguyễn Thị Tú Duyên	Nữ	10/01/1998	Bình Thuận	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
163	1622202010044	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	09/02/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 6,5	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
164	1623401010040	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	05/04/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN08: 7,0	KN09: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
165	1623403010028	Bùi Thị Duyên	Nữ	27/01/1998	Hải Dương	KN02: 8,0	KN06: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
166	1623403010030	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	16/07/1998	Quảng Trị	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
167	1623403010031	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	07/01/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN04: 9,5	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
168	1624601010007	Lê Hà Mỹ Duyên	Nữ	21/06/1998	Tp Hồ Chí Minh	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
169	1624601010123	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	16/12/1998	Thanh Hóa	KN02: 7,0	KN07: 8,5	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
170	1521402020273	Đặng Thị Thùy Dương	Nữ	25/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 8,5	8,0	Giỏi
171	1522202010001	Trần Thị Thùy Dương	Nữ	06/01/1997	Bến Tre	KN01: 6,5	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
172	1522202010046	Vũ Thị Thùy Dương	Nữ	02/10/1997	Vũng Tàu	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN05: 7,5	KN06: 7,5	KN08: 9,5	8,5	Giỏi
173	1523801010004	Võ Thành Dương	Nam	16/02/1997	Bình Thuận	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN08: 9,5	8,5	Giỏi
174	1524401120099	Trương Thị Thùy Dương	Nữ	27/02/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
175	1524401120125	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	20/11/1997	Đồng Nai	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN06: 8,5	KN07: 9,0	KN08: 9,0	9,0	Xuất sắc
176	1525801020009	Vũ Hải Dương	Nam	07/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 10,0	KN03: 9,5	KN05: 6,5	KN06: 10,0	9,0	Xuất sắc
177	1621402010028	Nguyễn Thị Hải Dương	Nữ	15/11/1997	Daklak	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
178	1621402020047	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	19/12/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN09: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
179	1623401010366	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	01/06/1998	Bình Phước	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 10,0	KN08: 7,5	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
180	1623402010016	Chu Thị Thùy Dương	Nữ	31/10/1998	Hòa Bình	KN02: 9,0	KN03: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
181	1624401120020	Ngô Thị Thùy Dương	Nữ	24/06/1998	Tiền Giang	KN02: 7,0	KN07: 7,5	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
182	1624401120021	Trần Văn Dương	Nam	07/03/1998	Thái Bình	KN02: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 9,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
183	1625106010172	Phạm Thị Thùy Dương	Nữ	5/5/1997	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN09: 7,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
184	1627601010010	Võ Thị Thuý Dương	Nữ	16/12/1998	Quảng Ngãi	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
185	1521401010033	Phạm Thị Hồng Đào	Nữ	19/06/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
186	1523403010120	Trần Thị Bích Đào	Nữ	10/09/1997	Ninh Bình	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN07: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
187	1624401120022	Nguyễn Ngọc Kim Đào	Nữ	08/11/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
188	1523401010160	Nguyễn Thành Đạt	Nam	10/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN06: 7,5	KN08: 7,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
189	1523801010262	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	23/10/1997	Đăklăk	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN06: 6,0	KN09: 7,0	KN10: 9,0	7,5	Khá
190	1525202010057	Lương Quốc Đạt	Nam	23/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 6,0	KN03: 8,0	KN06: 7,5	KN07: 9,0	7,5	Khá
191	1527601010005	Nguyễn Quốc Đạt	Nam	18/04/1997	Quảng Nam	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 6,5	KN06: 7,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
192	1623801010066	Võ Tấn Đạt	Nam	14/06/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 6,5	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
193	1624801030021	Nguyễn Thành Đạt	Nam	29/09/1996	Nghệ An	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 7,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
194	1625802080026	Ninh Tiến Đạt	Nam	20/02/1998	Cần Mau	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN05: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
195	1524403010057	Nguyễn Hải Đăng	Nam	07/05/1996	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
196	1623801010464	K'sor Đăng	Nam	05/10/1996	Gia Lai	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
197	1523403010030	Vô Minh Ngọc Diệp	Nữ	02/12/1997	Bến Tre	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
198	1524403010116	Nguyễn Thanh Diệp	Nam	18/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
199	1624401020009	Phan Thị Diệp	Nữ	28/04/1997	Nam Định	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
200	1623102050018	Phan Thanh Đông	Nam	23/03/1997	Quảng Bình	KN02 8,0	KN03 9,5	KN05 7,0	KN08 9,5	KN10 9,5	8,5	Giỏi
201	1523402010181	Phạm Văn Đức	Nam	20/11/1997	Thanh Hóa	KN01 8,5	KN02 7,0	KN08 9,5	KN09 8,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
202	1523403010123	Trần Minh Đức	Nam	03/04/1996	Tp. Hồ Chí Minh	KN01 8,0	KN02 8,5	KN03 10,0	KN07 8,0	KN08 9,5	9,0	Xuất sắc
203	1523801010246	Huỳnh Công Đức	Nam	23/05/1997	Long An	KN01 8,5	KN02 9,0	KN04 7,5	KN06 8,0	KN07 10,0	8,5	Giỏi
204	1525802080027	Ma Văn Đức	Nam	10/08/1996	Tuyên Quang	KN01 7,5	KN02 8,0	KN05 7,0	KN08 7,5	KN10 10,0	8,0	Giỏi
205	1521402010087	Lê Thị Hương Giang	Nữ	01/12/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 8,0	KN08 9,5	KN09 9,0	KN10 9,5	9,0	Xuất sắc
206	1521402010172	Nguyễn Thị Thanh Giang	Nữ	20/07/1997	Hồ Chí Minh	KN01 5,0	KN02 7,5	KN05 8,0	KN06 7,0	KN09 10,0	7,5	Khá
207	1521402170058	Nông Thị Hàn Giang	Nữ	15/10/1997	Đồng Nai	KN01 6,0	KN02 8,0	KN03 8,0	KN04 7,5	KN06 8,5	7,5	Khá
208	1621402010031	Cao Thị Thu Giang	Nữ	17/04/1998	Thanh Hóa	KN02 8,5	KN03 10,0	KN06 8,5	KN08 9,0	KN10 9,5	9,0	Xuất sắc
209	1621402020053	Nguyễn Thị Lệ Giang	Nữ	05/10/1998	Thanh Hóa	KN02 8,5	KN05 7,0	KN06 9,0	KN08 7,0	KN10 9,0	8,0	Giỏi
210	1621402020361	Trần Thị Hương Giang	Nữ	03/05/1998	Daklak	KN02 7,0	KN06 6,5	KN07 7,0	KN08 9,0	KN10 8,0	7,5	Khá
211	1621402170016	Nguyễn Thị Kiều Giang	Nữ	27/05/1998	Bình Dương	KN02 7,5	KN03 10,0	KN05 8,0	KN08 8,0	KN10 8,0	8,5	Giỏi
212	1621402170017	Phạm Thị Hương Giang	Nữ	31/07/1997	Bình Dương	KN02 7,5	KN05 7,5	KN08 7,0	KN09 8,0	KN10 9,0	8,0	Giỏi
213	1623402010019	Trần Thị Hương Giang	Nữ	09/02/1997	Vĩnh Phúc	KN02 7,0	KN05 7,0	KN06 8,0	KN08 8,5	KN10 10,0	8,0	Giỏi
214	1624202030002	Lý Hoàng Giáp	Nam	15/11/1998	Bình Dương	KN02 7,0	KN07 8,0	KN08 7,0	KN09 8,0	KN10 6,5	7,5	Khá
215	1521402010039	Trần Thị Thu Hà	Nữ	12/08/1997	Bình Dương	KN01 7,5	KN02 7,0	KN06 8,5	KN07 7,5	KN09 9,5	8,0	Giỏi
216	1521402010054	Quách Thị Hải Hà	Nữ	22/03/1996	Bình Dương	KN01 6,0	KN02 9,0	KN08 10,0	KN09 9,0	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
217	1521402020002	Đoàn Thị Hà	Nữ	13/11/1996	Gia Lai	KN01 8,0	KN02 7,0	KN03 8,5	KN06 9,0	KN10 9,5	8,5	Giỏi
218	1521402170181	Dương Thị Thu Hà	Nữ	30/11/1997	Hồ Chí Minh	KN01 8,0	KN02 7,0	KN05 9,0	KN07 7,0	KN10 6,0	7,5	Khá
219	1522202010228	Lê Thị Bảo Hà	Nữ	07/09/1997	Tp Hồ Chí Minh	KN01 7,0	KN02 9,0	KN03 6,0	KN09 9,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi

Handwritten signature

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
220	1523401010179	Trần Thị Thu Hà	Nữ	07/09/1996	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN04: 8,5	KN08: 8,5	8,0	Giỏi
221	1523402010189	Hoàng Thị Hà	Nữ	01/12/1997	Bình Phước	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN09: 7,5	8,0	Giỏi
222	1523403010077	Trần Thị Cẩm Hà	Nữ	01/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 10,0	KN05: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
223	1524403010112	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	17/10/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
224	1524801030017	Lý Trường Hà	Nam	04/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN07: 7,5	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
225	1527601010041	Đặng Nhật Hà	Nữ	05/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
226	1621401010010	Nguyễn Lê Khánh Hà	Nữ	25/07/1998	Tp Hồ Chí Minh	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
227	1621402010036	Nguyễn Thị Hà	Nữ	22/9/1997	Thanh Hóa	KN02: 6,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
228	1621402020055	Đồng Thị Hà	Nữ	07/02/1998	Hải Dương	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
229	1621402020060	Phan Thị Thu Hà	Nữ	27/01/1998	Vĩnh Long	KN02: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
230	1621402170018	Nguyễn Thị Cẩm Hà	Nữ	20/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
231	1622202010060	Nguyễn Thị Như Hà	Nữ	30/06/1998	Bình Định	KN02: 7,0	KN06: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
232	1622202040096	Vũ Thị Hà	Nữ	16/6/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 10,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
233	1623401010373	Nguyễn Ngọc Hà	Nữ	12/05/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN06: 9,0	KN07: 10,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
234	1623402010021	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	24/09/1997	Bình Dương	KN02: 6,0	KN03: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
235	1623801010082	Lưu Thị Thu Hà	Nữ	16/01/1998	Thái Bình	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 6,5	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
236	1625106010034	Nguyễn Thị Thanh Hà	Nữ	30/01/1998	Bình Phước	KN02: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN09: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
237	1628501010028	Ngô Thị Hồng Hà	Nữ	01/01/1998	Bình Định	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
238	1523801010290	Tô Ngọc Hà	Nữ	19/01/1997	Gia Lai	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,5	KN08: 9,0	8,0	Giỏi
239	1623401010057	Mai Thị Hà	Nữ	14/11/1997	Thái Bình	KN02: 7,0	KN03: 6,5	KN05: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
240	1523401010046	Nguyễn Thanh Hà	Nam	25/10/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 9,5	KN06: 8,5	KN07: 7,0	8,0	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
241	1525202010147	Nguyễn Văn Hải	Nam	16/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
242	1623801010512	Nguyễn Thanh Hải	Nam	14/12/1998	Quảng Ngãi	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
243	1625202010063	Bùi Minh Hải	Nam	22/08/1998	Tp Hồ Chí Minh	KN02: 8,0	KN07: 8,5	KN08: 7,0	KN09: 7,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
244	1522202010104	Trần Bích Hạnh	Nữ	09/06/1996	Bạc Liêu	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN07: 7,5	KN09: 9,5	8,5	Giỏi
245	1524401120124	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	25/09/1997	Đồng Nai	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN06: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
246	1621401010013	Hoàng Thị Hạnh	Nữ	17/07/1998	Bình Dương	KN02: 9,5	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
247	1621402020064	Huỳnh Thị Ngọc Hạnh	Nữ	11/01/1998	Lâm Đồng	KN02: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
248	1622202010064	Đỗ Thị Thu Hạnh	Nữ	06/01/1998	Dak Nong	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 6,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
249	1623401010061	Nguyễn Kim Hạnh	Nữ	24/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 6,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	7,5	Khá
250	1624401120027	Phạm Thị Hạnh	Nữ	03/09/1998	Bình Phước	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 6,0	7,5	Khá
251	1524403010155	Nguyễn Anh Hào	Nam	16/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN07: 7,5	7,5	Khá
252	1525106010033	Nguyễn Thanh Hào	Nam	06/12/1997	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
253	1625106010167	Phạm Quốc Hào	Nam	10/4/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 7,5	KN08: 7,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
254	1527601010024	Trần Thị Như Hào	Nữ	01/09/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 9,5	8,0	Giỏi
255	1622202010066	Chung Thanh Hào	Nữ	12/04/1998	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
256	1521402010144	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ	29/11/1997	Gia Lai	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 6,0	KN09: 8,0	7,5	Khá
257	1523402010208	Nguyễn Thu Hằng	Nữ	31/08/96	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
258	1523403010215	Nguyễn Thuý Hằng	Nữ	16/07/1997	Tây Ninh	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN06: 5,5	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
259	1523801010063	Trần Thị Hằng	Nữ	17/05/1995	Quảng Trị	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 6,0	7,5	Khá
260	1527601010002	Đỗ Thị Hằng	Nữ	27/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN04: 7,0	KN06: 7,5	7,5	Khá
261	1621402020070	Từ Thị Thu Hằng	Nữ	06/07/1998	Lâm Đồng	KN02: 8,5	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi

AV

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
262	1623401010063	Lê Thị Hằng	Nữ	10/10/1998	Bình Phước	KN02 6,0	KN05 8,5	KN07 7,5	KN08 7,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
263	1623402010031	Trần Thị Thu Hằng	Nữ	13/05/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03 8,0	KN06 8,0	KN08 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
264	1623403010063	Ngô Thị Hằng	Nữ	04/10/1997	Quảng Nam	KN02 7,5	KN03: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
265	1624401120029	Trần Diệu Hằng	Nữ	25/07/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08 7,5	KN10: 5,0	7,5	Khá
266	1624601010018	Đào Thanh Hằng	Nữ	27/01/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 8,5	KN08: 9,5	KN09: 10,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
267	1624601010019	Đỗ Thị Hằng	Nữ	21/11/1998	Bình Phước	KN02 8,0	KN03: 8,0	KN06 8,5	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
268	1624601010020	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	24/11/1998	Ninh Bình	KN02 7,5	KN05: 7,0	KN08: 10,0	KN09 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
269	1624601010021	Phạm Ánh Nguyệt Hằng	Nữ	25/08/1998	Bình Phước	KN02 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN09 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
270	1423801010281	Huỳnh Gia Hân	Nữ	17/07/1996	Long An	KN01 8,0	KN02: 7,5	KN03 8,5	KN07: 7,0	KN08: 8,5	8,0	Giỏi
271	1621402170022	Phan Thị Ngọc Hân	Nữ	04/11/1998	Bến Tre	KN02 8,0	KN05: 8,0	KN06: 10,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
272	1624401120031	Vũ Thị Đình Hân	Nữ	22/10/1997	Tây Ninh	KN02 8,0	KN05: 7,0	KN06: 10,0	KN08: 10,0	KN10 6,0	8,0	Giỏi
273	1524401120144	Lê Nguyễn Đức Hậu	Nam	11/09/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 6,0	KN07: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
274	1525801050084	Lê Thị Minh Hậu	Nữ	02/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03 8,5	KN06 7,0	KN10 9,5	8,0	Giỏi
275	1623401010066	Nguyễn Thị Ngọc Hậu	Nữ	11/06/1998	Bình Định	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN09: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
276	1623801010105	Nguyễn Phạm Trung Hậu	Nam	30/07/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
277	1522202040099	Vũ Thị Hiền	Nữ	29/01/1997	Hưng Yên	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
278	1625106010041	Phạm Thị Hiền	Nữ	12/05/1998	Phú Yên	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
279	1321402020081	Đặng Minh Hiền	Nam	26/01/1995	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 6,5	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
280	1521402010051	Đinh Thị Thu Hiền	Nữ	16/04/1997	Kon Tum	KN01 5,0	KN02: 7,5	KN06: 9,5	KN07: 8,5	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
281	1521402020072	Trương Thị Thu Hiền	Nữ	13/01/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 9,0	KN03: 9,0	KN06 9,0	KN08: 9,5	8,5	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
282	1523402010158	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	08/08/1997	Hà Tĩnh	KN01 8,5	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN04 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
283	1523403010150	Phạm Thanh Hiền	Nam	17/10/1997	Quang Bình	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05 7,5	KN06: 9,0	8,0	Giỏi
284	1523801010350	Nông Thị Hiền	Nữ	25/11/1996	Đaklak	KN01 8,0	KN02: 6,5	KN03: 8,0	KN06 8,0	KN08 7,0	7,5	Khá
285	1525801050047	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	27/10/1997	Thanh Hóa	KN01 7,0	KN02: 9,5	KN05: 7,5	KN09 8,5	KN10 9,0	8,5	Giỏi
286	1527601010065	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Nữ	06/01/1997	Bình Thuận	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN08: 8,0	KN09: 9,0	8,5	Giỏi
287	1527601010098	Phạm Thị Ngọc Hiền	Nữ	15/09/1996	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
288	1621401010016	Nguyễn Thanh Hiền	Nữ	03/05/1998	Bình Dương	KN02 9,0	KN06: 7,0	KN08: 7,5	KN09 7,5	KN10 9,0	8,0	Giỏi
289	1621402010050	Vũ Thị Hiền	Nữ	24/12/1998	Bình Dương	KN02 8,5	KN03 8,0	KN06: 9,0	KN08 7,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi
290	1621402020073	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	19/02/1998	Bình Phước	KN02 7,0	KN05 8,0	KN06 9,0	KN08: 10,0	KN10 7,0	8,0	Giỏi
291	1622202010074	Lê Thị Xuân Hiền	Nữ	01/02/1998	Bình Dương	KN02 8,5	KN05 5,0	KN08 9,5	KN09 8,5	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
292	1623401010071	Phạm Thị Thu Hiền	Nữ	26/11/1998	Phú Yên	KN02 8,0	KN06 9,0	KN07 8,0	KN08 8,5	KN10 5,0	7,5	Khá
293	1623401010074	Trần Thu Hiền	Nữ	13/10/1995	Gia Lai	KN02 9,0	KN05: 7,0	KN08 7,0	KN09: 7,5	KN10 7,5	7,5	Khá
294	1623402010034	Hoàng Thị Hiền	Nữ	25/12/1998	Gia Lai	KN02 7,5	KN03 7,5	KN06 8,0	KN08: 8,5	KN10 9,5	8,0	Giỏi
295	1623403010074	Nguyễn Thị Thúy Hiền	Nữ	08/03/1998	Khánh Hòa	KN02 8,0	KN05: 8,5	KN06 10,0	KN08: 8,5	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
296	1525106010022	Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	Nữ	28/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
297	1625202010077	Nguyễn Văn Hiệp	Nam	26/03/1997	Bình Dương	KN02 7,0	KN06 9,0	KN07: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
298	1625106010166	Đàm Hồng Hiền	Nam	17/10/1998	Hà Nội	KN02 7,5	KN03 10,0	KN08: 10,0	KN09 9,0	KN10: 8,0	9,0	Xuất sắc
299	1521402170164	Bùi Nguyễn Chí Hiếu	Nam	06/08/1996	Đồng Nai	KN01 7,0	KN02: 8,0	KN05: 10,0	KN06: 6,0	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
300	1523401010173	Nguyễn Xuân Thanh Hiếu	Nam	29/10/1997	Nam Định	KN01 7,5	KN02: 8,5	KN06 7,0	KN08 9,5	KN10 9,0	8,5	Giỏi
301	1523801010204	Nguyễn Trọng Hiếu	Nam	13/12/1995	Bình Phước	KN01 8,0	KN02: 8,0	KN04 7,5	KN06 8,5	KN07 8,0	8,0	Giỏi
302	1528501010058	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	Nữ	15/02/1996	Bình Dương	KN01 8,5	KN02 7,5	KN04: 9,5	KN05 8,0	KN08: 9,0	8,5	Giỏi

du

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
303	1623403010080	Trương Thị Minh Hiếu	Nữ	08/12/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
304	1624601010117	Dương Nguyễn Phúc Hiếu	Nữ	26/09/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
305	1624801040020	Phạm Trung Hiếu	Nam	01/10/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
306	1625202010083	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	25/02/1998	Tp Hồ Chí Minh	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
307	1523801010351	Y Trọng H'long	Nam	15/04/1995	Đaklak	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
308	1623801010469	Nay H'lúót	Nữ	19/02/1996	Gia Lai	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
309	1521402010103	Trần Thị Hoa	Nữ	23/05/1997	Hà Nam	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN08: 9,5	KN09: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
310	1524401120168	Nguyễn Trần Hồng Hoa	Nữ	30/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
311	1621402010054	Thân Thị Hoa	Nữ	14/07/1998	Bắc Giang	KN02: 9,5	KN03: 8,5	KN05: 6,0	KN08: 7,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
312	1621402010056	Vương Thị Thu Hoa	Nữ	08/11/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN07: 7,0	KN08: 6,0	KN10: 10,0	7,5	Khá
313	1621402020085	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10/08/1998	Thanh Hóa	KN02: 6,5	KN07: 7,5	KN08: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
314	1621402020086	Phan Thị Thanh Hoa	Nữ	08/03/1998	Hà Tĩnh	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
315	1623401010077	Lê Thị Hoa	Nữ	18/10/1998	Bình Phước	KN02: 9,0	KN05: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 5,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
316	1623402010039	Trần Thị Hoa	Nữ	27/05/1997	Hà Tĩnh	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
317	1624401120034	Lê Thị Hồng Hoa	Nữ	05/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 5,0	7,0	Khá
318	1624401120035	Trịnh Thị Kim Hoa	Nữ	19/04/1998	Tp.Hcm	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
319	1622202010079	Trần Gia Hoà	Nam	02/03/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN07: 8,5	KN08: 8,0	KN09: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
320	1622202040027	Đoàn Thị Yến Hoà	Nữ	10/08/1998	Phú Yên	KN02: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 9,5	KN08: 8,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
321	1521402010114	Hoàng Thị Hòa	Nữ	10/01/1997	Nghê An	KN01: 6,5	KN02: 8,5	KN06: 6,5	KN07: 7,5	KN10: 9,0	7,5	Khá
322	1521402010188	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Nữ	16/11/1997	Bình Thuận	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
323	1525202010007	Hoàng Thái Hòa	Nam	03/03/1995	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN04: 8,0	KN06: 7,5	KN08: 7,0	8,0	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
324	1621402020089	Phùng Thị Thu Hòa	Nữ	17/02/1997	Lâm Đồng	KN02 7,0	KN04 7,5	KN05 5,5	KN08 8,0	KN10 9,0	7,5	Khá
325	1623801010121	Phùng Thanh Hòa	Nam	10/11/1998	Ninh Thuận	KN02 7,5	KN07 7,5	KN08 9,5	KN09 6,0	KN10 10,0	8,0	Giỏi
326	1523801010353	Dương Thị Thu Hoài	Nữ	01/06/1996	Ninh Thuận	KN01 8,0	KN02 8,0	KN06 7,0	KN08 7,5	KN10 7,0	7,5	Khá
327	1621402170028	Nguyễn Châu Hoài	Nữ	24/04/1997	Daklak	KN02 7,0	KN03 9,0	KN05 9,0	KN08 8,0	KN10 8,0	8,0	Giỏi
328	1623403010086	Trần Thị Hoài	Nữ	11/05/1998	Hà Tĩnh	KN02 7,0	KN06 8,0	KN07 7,0	KN08 8,5	KN10 9,0	8,0	Giỏi
329	1623801010124	Trần Thị Thu Hoài	Nữ	08/08/1998	Phú Yên	KN02 7,0	KN05 9,0	KN06 8,0	KN08 9,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi
330	1624401120038	Lê Thanh Hoài	Nam	21/10/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN05 8,0	KN07 8,0	KN08 8,5	KN10 5,0	7,5	Khá
331	1624401120041	Vũ Thị Hoài	Nữ	15/11/1998	Nghệ An	KN02 8,0	KN03 9,0	KN05 8,5	KN08 9,0	KN10 6,0	8,0	Giỏi
332	1521402020256	Nguyễn Thị Hoan	Nữ	26/10/1996	Hà Nam	KN01 7,5	KN02 7,0	KN06 8,0	KN09 9,5	KN10 9,0	8,0	Giỏi
333	1523402010104	Nguyễn Bá Hải Hoàng	Nam	01/01/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 10,0	KN03 9,0	KN09 9,5	KN10 9,5	9,0	Xuất sắc
334	1524403010166	Trần Minh Hoàng	Nam	03/11/1997	Tây Ninh	KN01 8,0	KN02 6,5	KN03 7,0	KN05 8,0	KN08 7,0	7,5	Khá
335	1623801010129	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	10/03/1997	Nghệ An	KN02 8,0	KN06 9,0	KN08 5,5	KN09 9,0	KN10 7,0	7,5	Khá
336	1523801010285	Nguyễn Thái Học	Nam	14/03/1996	Tây Ninh	KN01 8,0	KN02 8,0	KN05 8,0	KN06 8,5	KN08 9,0	8,5	Giỏi
337	1522202010117	Bùi Thị Hải Hồng	Nữ	03/10/1997	Bình Phước	KN01 8,0	KN02 8,0	KN08 10,0	KN09 9,5	KN10 8,0	8,5	Giỏi
338	1523402010018	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	30/07/1996	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 10,0	KN06 7,0	KN08 9,0	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
339	1524401120041	Bùi Thị Mỹ Hồng	Nữ	22/03/1997	Thừa Thiên - Huế	KN01 7,0	KN02 8,0	KN06 7,0	KN08 10,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
340	1621402010062	Phạm Thị Xuân Hồng	Nữ	04/04/1998	Bình Dương	KN02 8,5	KN05 8,0	KN07 7,5	KN08 7,0	KN10 9,5	8,0	Giỏi
341	1622202040029	Trần Thị Hồng	Nữ	17/01/1997	Bình Dương	KN02 6,0	KN03 8,5	KN05 6,0	KN08 6,5	KN10 10,0	7,5	Khá
342	1623102050031	Nguyễn Mông Hồng	Nữ	11/08/1998	Bình Dương	KN02 8,5	KN05 8,5	KN07 7,5	KN08 8,0	KN10 9,0	8,5	Giỏi
343	1623401010084	Vương Thanh Hồng	Nữ	13/02/1998	Tp Hồ Chí Minh	KN02 8,0	KN03 6,5	KN05 8,0	KN08 7,5	KN10 10,0	8,0	Giỏi

Ar

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
344	1623403010089	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	15/05/1997	Quảng Nam	KN02 10,0	KN05: 8,0	KN06 10,0	KN08: 9,0	KN10 10,0	9,5	Xuất sắc
345	1623801010133	Phan Thị Thu Hồng	Nữ	09/04/1997	Ninh Thuận	KN02: 9,0	KN06: 7,0	KN07: 7,5	KN08: 7,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
346	1624401020012	Lê Vương Tú Hồng	Nữ	18/01/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
347	1523401010070	Lý Ái Huệ	Nữ	21/06/1997	Tp Hồ Chí Minh	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
348	1521402170021	Lê Thị Ngọc Huệ	Nữ	17/03/1997	Tây Ninh	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
349	1621402020094	Nguyễn Thị Thanh Kim Huệ	Nữ	11/04/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
350	1621402170030	Đỗ Thị Kim Huệ	Nữ	27/07/1996	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN08: 7,0	KN09: 8,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
351	1621402170032	Trương Thị Huệ	Nữ	15/02/1998	Thanh Hóa	KN02: 6,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
352	1623402010045	Lê Thị Huệ	Nữ	14/01/1998	Bình Phước	KN02: 8,0	KN07: 7,0	KN08: 7,0	KN09: 8,5	KN10 10,0	8,0	Giỏi
353	1623403010092	Đinh Thị Huệ	Nữ	11/11/1998	Quảng Ninh	KN02: 10,0	KN03: 10,0	KN06: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
354	1623403010093	Hoàng Thị Kim Huệ	Nữ	03/04/1998	Bình Định	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 8,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
355	1623801010445	Đỗ Thị Huệ	Nữ	25/3/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 7,5	7,5	Khá
356	1624401020013	Lê Thị Ngọc Huệ	Nữ	15/01/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN07: 7,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
357	1523401010105	Lý Nguyễn Thế Hùng	Nam	19/04/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 7,5	KN08: 8,5	8,0	Giỏi
358	1523402010103	Nguyễn Anh Hùng	Nam	27/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
359	1524401120122	Nguyễn Phi Hùng	Nam	09/05/1997	Tây Ninh	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
360	1525106010041	Nguyễn Huy Hùng	Nam	20/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
361	1621401010060	Võ Tiến Hùng	Nam	16/8/1998	Quảng Ngãi	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN09: 8,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
362	1625202010096	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	16/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
363	1625202010097	Phạm Minh Hùng	Nam	04/01/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
364	1523402010004	Mai Đăng Huy	Nam	24/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 10,0	KN03: 9,5	KN04 10,0	KN06 7,0	9,0	Xuất sắc
365	1621402020096	Dương Nhật Huy	Nam	29/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 7,5	KN07: 8,5	KN08: 8,0	KN10 7,0	7,5	Khá
366	1624401120172	Nguyễn Trường Huy	Nam	5/12/1998	Nam Định	KN02 7,0	KN05: 9,5	KN06: 9,0	KN08 9,0	KN10 9,0	8,5	Giỏi
367	1522202010028	Nguyễn Ngọc Minh Huyền	Nữ	18/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN08: 7,5	KN09 9,0	KN10 8,5	8,5	Giỏi
368	1521401010036	Trần Thị Thu Huyền	Nữ	22/07/1996	Bình Dương	KN01 7,0	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN07 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
369	1521401010044	Phạm Thị Mỹ Huyền	Nữ	23/05/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
370	1521402010095	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	02/09/1997	Dak Nong	KN01: 7,5	KN02 10,0	KN05: 9,0	KN08 10,0	KN10 10,0	9,5	Xuất sắc
371	1521402010130	Phạm Thị Xuân Huyền	Nữ	29/11/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN08 8,0	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
372	1521402010178	Phạm Thị Lê Huyền	Nữ	12/02/1996	Quảng Ngãi	KN01: 6,5	KN02: 9,0	KN05 7,5	KN06: 7,0	KN07 8,0	7,5	Khá
373	1521402020093	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	10/01/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02: 9,0	KN04 7,5	KN06: 9,0	KN10 9,0	8,5	Giỏi
374	1521402170082	Võ Thị Huyền	Nữ	31/10/1988	Bến Tre	KN01: 9,0	KN02: 9,5	KN06 10,0	KN08 9,5	KN10: 8,0	9,0	Xuất sắc
375	1523403010031	Lê Thị Huyền	Nữ	24/09/1997	Hải Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03 8,0	KN06: 7,0	KN10 8,0	7,5	Khá
376	1524401120048	Tôn Ngọc Huyền	Nữ	08/10/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 9,0	KN03 7,0	KN08 9,0	KN09: 6,0	7,5	Khá
377	1527601010013	Mai Thị Thu Huyền	Nữ	15/09/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 8,0	KN05 7,5	KN08: 9,0	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
378	1621401010018	Hoàng Thị Thanh Thanh Huyền	Nữ	08/07/1998	Thanh Hóa	KN02 9,0	KN06 7,0	KN08: 7,5	KN09 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
379	1621402010067	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	18/07/1997	Hà Tĩnh	KN02 8,0	KN05 8,5	KN06 9,0	KN08 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
380	1621402020097	Lương Thị Huyền	Nữ	18/12/1997	Bắc Giang	KN02: 6,0	KN06 8,0	KN07 7,5	KN08: 9,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
381	1621402020101	Phạm Thị Huyền	Nữ	09/07/1998	Hải Dương	KN02 8,5	KN06: 8,5	KN07: 8,0	KN08 8,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
382	1621402020102	Trần Thị Thanh Huyền	Nữ	05/10/1998	Hà Tĩnh	KN02: 7,0	KN06 8,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10 7,0	7,5	Khá
383	1622202010090	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	19/02/1998	Bình Dương	KN02 7,0	KN03: 9,0	KN08: 6,5	KN09 8,5	KN10 7,5	7,5	Khá
384	1623401010089	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	16/09/1998	Gia Lai	KN02 7,0	KN05: 9,0	KN07: 7,0	KN08: 9,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
385	1623401010090	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	11/06/1998	Bình Định	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
386	1623401010091	Võ Thị Thanh Huyền	Nữ	19/07/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 10,0	KN08: 8,0	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
387	1624401120045	Lê Thị Huyền	Nữ	12/08/1997	Nghệ An	KN02: 8,0	KN07: 6,5	KN08: 7,5	KN09: 9,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
388	1624401120046	Lê Thị Mỹ Huyền	Nữ	23/08/1998	Long An	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN09: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
389	1423801010055	Phạm Hồng Hương	Nữ	02/06/1996	Phú Yên	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 9,5	KN07: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
390	1521402010064	Hồ Thị Hương	Nữ	08/10/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN08: 9,0	KN09: 9,0	8,5	Giỏi
391	1521402010090	Nguyễn Thị Hương	Nữ	26/01/1997	Nam Định	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN08: 7,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
392	1522202010007	Lê Ngọc Hương	Nữ	01/01/1997	Phú Thọ	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
393	1523402010060	Phạm Thị Thanh Hương	Nữ	12/11/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 7,5	KN06: 7,0	KN07: 7,0	KN08: 8,0	7,0	Khá
394	1523801010203	Nguyễn Thị Hương	Nữ	08/06/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 9,0	KN08: 8,5	8,5	Giỏi
395	1621402010069	Bùi Thị Thùy Hương	Nữ	08/10/1997	Bình Dương	KN02: 8,5	KN05: 6,0	KN07: 7,0	KN08: 7,5	KN10: 9,5	7,5	Khá
396	1621402010070	Hoàng Thị Mỹ Hương	Nữ	05/02/1998	Quảng Nam	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
397	1621402010073	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	Nữ	24/04/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
398	1621402010075	Võ Thị Mỹ Hương	Nữ	26/12/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN08: 7,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
399	1621402020106	Ngô Thị Ngọc Hương	Nữ	24/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
400	1621402020108	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	01/01/1997	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
401	1621402170036	Đinh Thị Xuân Hương	Nữ	11/10/1998	Quảng Ngãi	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
402	1622202010098	Nguyễn Phan Thanh Hương	Nữ	15/12/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 5,0	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 9,0	7,5	Khá
403	1623102050035	Trần Thị Thu Hương	Nữ	08/04/1997	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 7,5	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
404	1623401010095	Nguyễn Thị Hương	Nữ	06/07/1998	Bình Định	KN02: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN09: 10,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
405	1623401010409	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	17/04/1998	Quảng Trị	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN08: 7,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi

Handwritten signature

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
406	1623402010054	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	21/03/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
407	1623402010055	Vũ Thị Ngọc Hương	Nữ	12/07/1998	Bình Phước	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
408	1623403010099	Đặng Thị Hương	Nữ	26/06/1998	Hà Tĩnh	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 7,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
409	1623801010151	Hồ Thị Thanh Hương	Nữ	03/05/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
410	1623801010433	Nguyễn Thị Hương	Nữ		Bình Phước	KN02: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 6,0	7,5	Khá
411	1625106010049	Nguyễn Thị Mộng Hương	Nữ	15/05/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
412	1511402190019	Trần Thị Bích Hương	Nữ	01/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 5,0	KN06: 7,0	KN08: 7,0	7,0	Khá
413	1521402170068	Nguyễn Thị Ngọc Hương	Nữ	06/07/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 9,5	8,5	Giỏi
414	1527601010019	Trần Thị Cẩm Hương	Nữ	15/09/1996	Cần Thơ	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 7,0	KN07: 7,0	KN08: 10,0	8,0	Giỏi
415	1528501010169	Trần Thị Thu Hương	Nữ	15/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
416	1621402010077	Nguyễn Ngọc Hương	Nữ	30/11/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN05: 8,5	KN07: 10,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
417	1623102050036	Nguyễn Thị Hương	Nữ	16/08/1998	Nam Định	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 5,0	KN09: 9,0	KN10: 7,5	7,5	Khá
418	1623801010157	Đỗ Thị Hương	Nữ	05/05/1998	Quảng Ngãi	KN02: 6,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
419	1624401120174	Lê Nguyễn Hoàng Kiên	Nam	22/02/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
420	1511402090088	Trịnh Thanh Kiệt	Nam	15/05/1997	Phú Yên	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 8,5	KN08: 7,0	8,0	Giỏi
421	1524401120090	Lê Tuấn Kiệt	Nam	17/06/1996	Tp Hồ Chí Minh	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	7,5	Khá
422	1524403010059	Nguyễn Tuấn Kiệt	Nam	03/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN05: 6,0	KN06: 7,0	KN08: 7,0	7,5	Khá
423	1621402170037	Ngô Anh Kiệt	Nam	10/12/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
424	1625202010109	Võ Tuấn Kiệt	Nam	27/11/1998	Đồng Tháp	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN09: 8,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
425	1523401010171	Nguyễn Thị Kiều	Nữ	30/03/1997	Bình Định	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN04: 8,5	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
426	1523801010073	Phạm Thị Phương Kiều	Nữ	20/02/1997	Bình Phước	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
427	1524401120111	Nguyễn Thị Thanh Kiều	Nữ	05/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN07: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
428	1621401010019	Nguyễn Thị Thủy Kiều	Nữ	17/01/1998	Tp Hồ Chí Minh	KN02: 9,5	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
429	1621402020112	Hương Thị Diễm Kiều	Nữ	25/05/1998	Tp.Hcm	KN02: 7,5	KN07: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 10,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
430	1623401010098	Trương Thị Diễm Kiều	Nữ	09/06/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN03: 6,5	KN05: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
431	1625106010053	Trần Thị Thủy Kiều	Nữ	20/06/1998	Bình Định	KN02: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 7,5	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
432	1521402170004	Đinh Thị Hoàng Kim	Nữ	07/06/1995	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN09: 10,0	9,0	Xuất sắc
433	1523801010035	Cao Trần Hồng Kim	Nữ	04/04/1997	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
434	1625202010110	Huỳnh Hữu Kha	Nam	12/02/1998	Bình Định	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
435	1625202010111	Nguyễn Thái Dương Kha	Nam	20/04/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 7,0	KN08: 9,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
436	1525801020016	Lâm Duy Khang	Nam	22/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
437	1528501010066	Phan Thị Kim Khánh	Nữ	07/10/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
438	1528501010137	Vương Minh Khánh	Nam	26/02/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 7,5	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
439	1623801010170	Phạm Thị Như Khánh	Nữ	19/09/1998	Quảng Trị	KN02: 7,5	KN05: 8,5	KN06: 10,0	KN08: 7,0	KN10: 5,0	7,5	Khá
440	1624801040027	Huỳnh Duy Khánh	Nam	22/09/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN06: 9,0	KN07: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 7,5	7,5	Khá
441	1528501010098	Trần Thiên Khiêm	Nam	26/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
442	1623401010101	Huỳnh Nguyễn Anh Khoa	Nam	19/11/1997	Dong Nai	KN02: 8,0	KN07: 8,5	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
443	1625106010056	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	20/06/1997	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 6,0	7,5	Khá
444	1522202010116	Phạm Nguyễn Thụy Khuê	Nữ	24/09/1993	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 10,0	KN03: 10,0	KN07: 8,0	KN09: 10,0	9,0	Xuất sắc
445	1623401010343	Hoàng Thị Khuyến	Nữ	19/05/1998	Thanh Hóa	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
446	1524403010135	Nguyễn Hoàng Khương	Nam	18/04/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN08: 9,5	KN09: 8,5	8,5	Giỏi
447	1621402020117	Lê Lâm Bảo Khương	Nam	06/04/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi

✓

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
448	1621402010079	Nguyễn Thị Minh Lài	Nữ	23/06/1998	Tp Hồ Chí Minh	KN02: 7,0	KN06 9,0	KN08: 8,0	KN09 8,5	KN10 8,0	8,0	Giỏi
449	1521402010159	Nguyễn Thị Lam	Nữ	14/04/1997	Nghê An	KN01 8,0	KN02 9,0	KN03: 9,0	KN04 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
450	1621402020118	Lê Thị Hồng Lam	Nữ	15/01/1998	Bình Dương	KN02 7,5	KN05: 8,0	KN07 7,5	KN08: 8,0	KN10 9,0	8,0	Giỏi
451	1623403010108	Nguyễn Thị Thanh Lam	Nữ	02/04/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 10,0	KN08 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
452	1624401020014	Ngô Thị Hồng Lam	Nữ	04/04/1998	Ninh Thuận	KN02 8,0	KN05: 8,0	KN07 8,0	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
453	1521402010157	Trần Thị Diệu Lan	Nữ	25/10/1997	Bình Định	KN01 7,0	KN02: 9,0	KN05: 5,0	KN06: 6,0	KN07 7,0	7,0	Khá
454	1521402170032	Hoàng Thị Lan	Nữ	20/08/1997	Thanh Hóa	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
455	1521402170080	Nguyễn Tiết Hoàng Lan	Nữ	18/09/1997	Đồng Nai	KN01: 8,0	KN02 8,5	KN05 8,0	KN08 8,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
456	1621402010081	Nguyễn Thị Hoài Lan	Nữ	14/02/1997	Tp Hồ Chí Minh	KN02 7,0	KN05: 8,0	KN06 9,0	KN08 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
457	1621402170039	Lưu Thị Ly Lan	Nữ	12/12/1996	Ninh Thuận	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07 10,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
458	1623403010111	Nguyễn Thị Thanh Lan	Nữ	02/05/1998	Đàklak	KN02 6,0	KN05 7,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10 7,5	7,5	Khá
459	1624401120050	Nguyễn Thị Hương Lan	Nữ	05/05/1998	Bình Dương	KN02 8,5	KN03 9,0	KN05 9,5	KN08 9,0	KN10 6,0	8,5	Giỏi
460	1625106010058	Đặng Thị Mỹ Lan	Nữ	04/11/1998	Tây Ninh	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN07 8,0	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
461	1625106010168	Lê Hồng Hoàng Lan	Nữ	3/7/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN06: 8,5	KN08 8,5	KN09 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
462	1625202010122	Đoàn Thanh Lâm	Nam	14/07/1997	Bình Dương	KN02 8,0	KN06: 8,5	KN07: 8,5	KN08 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
463	1623401010109	Trần Ngọc Lân	Nam	07/04/1998	Kiên Giang	KN02: 7,0	KN05: 9,5	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
464	1523401010161	Nguyễn Thị Hoài Lệ	Nữ	10/10/1997	Đắk Lắk	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN08: 9,0	KN09 8,5	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
465	1621402010086	Bùi Thị Mỹ Lệ	Nữ	18/08/1998	Bình Dương	KN02 7,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08 10,0	KN10 9,5	8,5	Giỏi
466	1621402020121	Bùi Nhật Lê	Nữ	02/03/1997	Lâm Đồng	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN06 10,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
467	1621402020123	Nguyễn Thị Bảo Lê	Nữ	11/11/1998	Bình Dương	KN02 7,5	KN05 7,0	KN06: 8,5	KN08 8,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi

Ấn

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
468	1623401010110	Phạm Nhật Lệ	Nữ	26/04/1998	Daklak	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN07: 7,5	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
469	1625106010060	Trần Thị Xuân Lệ	Nữ	05/05/1998	Bình Định	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
470	1524801040085	Nguyễn Tiến Lên	Nam	14/05/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	7,5	Khá
471	1621402020124	Nguyễn Thị Thanh Lịch	Nữ	24/06/1997	Bình Dương	KN02: 6,5	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 6,5	7,5	Khá
472	1511402090087	Đỗ Thị Kim Liên	Nữ	07/10/1997	Phú Yên	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 9,5	KN08: 7,0	8,0	Giỏi
473	1524401120126	Nguyễn Thị Liên	Nữ	10/07/1997	Đắk Lak	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
474	1621402010087	Hoàng Thị Liên	Nữ	20/12/1998	Gia Lai	KN02: 7,5	KN05: 8,5	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
475	1621402020126	Trần Ngọc Liên	Nữ	16/12/1998	Tp Hồ Chí Minh	KN02: 7,5	KN06: 7,5	KN07: 8,5	KN08: 7,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
476	1624401120053	Trần Thị Ngọc Liên	Nữ	02/08/1998	Phú Yên	KN02: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
477	1524401120132	Trương Thị Trúc Liễu	Nữ	01/09/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN06: 6,0	KN08: 7,0	KN10: 10,0	7,5	Khá
478	1521401010017	Lê Thị Thùy Linh	Nữ	13/02/1997	Bình Phước	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN05: 7,5	KN08: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
479	1521401010022	Nguy Trúc Linh	Nữ	18/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN07: 6,5	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
480	1521401010064	Trần Kim Linh	Nữ	20/02/1997	Bình Dương	KN02: 9,5	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
481	1521401010067	Nguyễn Thị Mai Linh	Nữ	30/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 10,0	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
482	1521402010047	Nguyễn Thị Phương Linh	Nữ	26/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
483	1521402010167	Nguyễn Thị Linh	Nữ	02/02/1997	Hà Nam	KN01: 6,5	KN02: 7,5	KN06: 9,5	KN07: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
484	1521402020261	Hồ Thị Ngọc Linh	Nữ	10/05/1996	Bình Định	KN01: 9,0	KN02: 9,5	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN10: 8,5	9,0	Xuất sắc
485	1521402170101	Nguyễn Thị Kiều Linh	Nữ	07/11/1996	Ninh Thuận	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
486	1521402180010	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	10/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN08: 7,5	KN09: 8,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
487	1521402180051	Mai Thị Lâm Linh	Nữ	10/01/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN06: 7,5	KN08: 8,5	8,0	Giỏi
488	1522202010022	Nguyễn Chí Linh	Nam	12/08/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN05: 7,5	KN08: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc

AT

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
489	1522202010118	Nguyễn Vũ Hoài Linh	Nữ	28/04/1997	Bình Thuận	KN01 7,5	KN02 9,0	KN08 8,5	KN09 9,0	KN10 8,5	8,5	Giỏi
490	1523402010195	Nguyễn Văn Khánh Linh	Nữ	02/02/1997	Bình Phước	KN01 8,0	KN02 10,0	KN03 9,0	KN06 8,0	KN08 7,0	8,5	Giỏi
491	1523403010060	Trương Thị Mỹ Linh	Nữ	16/04/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 8,0	KN05 7,0	KN06 9,0	KN10 8,5	8,0	Giỏi
492	1523403010175	Nguyễn Phan Hoài Linh	Nam	26/11/1997	Bình Dương	KN01 7,5	KN02 9,0	KN06 8,5	KN08 9,0	KN10 7,5	8,5	Giỏi
493	1523403010177	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	03/11/1997	Bình Dương	KN01 7,5	KN02 8,0	KN03 9,0	KN06 7,0	KN10 9,0	8,0	Giỏi
494	1523403010193	Phạm Nhật Linh	Nữ	27/01/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 7,0	KN07 6,0	KN08 10,0	KN10 9,5	8,0	Giỏi
495	1524401120016	Nguyễn Hoàng Linh	Nữ	12/05/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 8,5	KN05 8,0	KN07 8,0	KN10 8,5	8,0	Giỏi
496	1524801040021	Lê Trúc Linh	Nữ	15/10/1997	Hồ Chí Minh	KN01 9,0	KN02 7,0	KN03 7,0	KN08 9,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi
497	1525106010109	Hồ Đăng Khánh Linh	Nữ	09/08/1997	Tây Ninh	KN01 6,5	KN02 7,0	KN05 9,0	KN08 9,0	KN10 9,0	8,0	Giỏi
498	1525801020007	Tổng Khánh Linh	Nữ	17/11/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 9,0	KN03 9,0	KN06 8,0	KN08 7,0	8,0	Giỏi
499	1621401010064	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	25/01/1998	Bình Dương	KN02 9,5	KN06 8,0	KN08 7,5	KN09 8,0	KN10 8,0	8,0	Giỏi
500	1621402010091	Đỗ Thị Khánh Linh	Nữ	19/03/1997	Bình Dương	KN02 8,0	KN05 7,0	KN07 8,0	KN08 8,0	KN10 8,0	8,0	Giỏi
501	1621402010094	Nguyễn Thị Phương Linh	Nữ	15/05/1997	Bình Phước	KN02 8,0	KN05 7,0	KN08 8,0	KN09 9,0	KN10 9,5	8,5	Giỏi
502	1621402020127	Bồ Thị Giao Linh	Nữ	13/07/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN05 7,5	KN06 9,0	KN08 8,0	KN10 8,5	8,0	Giỏi
503	1621402020129	Hồ Thị Linh	Nữ	22/06/1998	Nghệ An	KN02 7,5	KN06 8,0	KN08 7,5	KN09 9,0	KN10 9,0	8,0	Giỏi
504	1621402020130	Lê Hoài Linh	Nữ	15/07/1997	Khánh Hòa	KN02 8,0	KN05 8,0	KN08 7,5	KN09 8,0	KN10 6,0	7,5	Khá
505	1621402020135	Phan Thị Thùy Linh	Nữ	05/02/1998	Lâm Đồng	KN02 7,5	KN03 8,0	KN08 8,0	KN09 9,0	KN10 9,0	8,5	Giỏi
506	1621402020136	Vương Hoài Khánh Linh	Nữ	31/08/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN05 6,5	KN06 8,0	KN08 8,5	KN10 8,5	8,0	Giỏi
507	1621402170043	Lâm Thị Thùy Linh	Nữ	18/02/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN05 8,0	KN06 10,0	KN08 7,5	KN10 9,5	8,5	Giỏi
508	1622202010114	Phạm Khánh Linh	Nữ	29/06/1998	Yên Bái	KN02 7,5	KN07 10,0	KN08 10,0	KN09 8,0	KN10 9,0	9,0	Xuất sắc
509	1622202010115	Phan Hoài Linh	Nam	20/12/1998	Quang Trị	KN02 8,5	KN06 9,0	KN08 9,5	KN09 8,5	KN10 9,5	9,0	Xuất sắc
510	1622202010117	Trương Tuyết Linh	Nữ	28/03/1998	Bình Dương	KN02 9,0	KN06 8,0	KN08 8,5	KN09 9,0	KN10 8,0	8,5	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
511	1623401010117	Nguyễn Thị Trúc Linh	Nữ	21/11/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN05: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
512	1623401010119	Phạm Thị Mỹ Linh	Nữ	02/11/1998	Thanh Hóa	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN05: 9,5	KN08: 7,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
513	1623401010120	Phan Bảo Linh	Nữ	21/12/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 6,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
514	1623402010073	Phan Thị Thùy Linh	Nữ	29/11/1998	Đồng Nai	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN07: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
515	1623403010117	Lê Thị Bảo Linh	Nữ	12/10/1998	Bình Phước	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 10,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
516	1623403010119	Ninh Hoàng Thuý Linh	Nữ	27/11/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 9,5	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
517	1623403010122	Nguyễn Thị Linh	Nữ	10/08/1998	Hà Tĩnh	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 7,0	KN08: 9,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
518	1623801010187	Bồ Thị Thùy Linh	Nữ	29/07/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
519	1623801010193	Trần Lê Chi Linh	Nữ	19/05/1998	Tiền Giang	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
520	1623801010521	Trịnh Thị Linh	Nữ	02/02/1998	Thanh Hóa	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
521	1624401120054	Dương Thị Khánh Linh	Nữ	20/01/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
522	1624401120059	Ngô Nhật Linh	Nam	07/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN08: 7,0	KN10: 6,5	7,5	Khá
523	1624601010042	Phạm Mỹ Linh	Nữ	01/06/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN03: 10,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
524	1624801030055	Nguyễn Quang Linh	Nam	25/12/1998	Bình Định	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
525	1625106010061	Bùi Thị Linh	Nữ	28/08/1997	Nam Định	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
526	1625106010062	Đặng Thị Phương Linh	Nữ	16/09/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
527	1625106010065	Phạm Thị Thùy Linh	Nữ	20/12/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 7,5	KN07: 7,5	KN08: 8,0	KN10: 6,0	7,5	Khá
528	1625202010127	Cao Nhật Linh	Nam	06/10/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
529	1522202010134	Chu Thị Hồng Loan	Nữ	09/02/1997	Lâm Đồng	KN01: 6,5	KN02: 9,5	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
530	1523403010203	Thái Thị Kim Loan	Nữ	20/12/1997	Bình Định	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN06: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
531	1621402010101	Nông Thị Loan	Nữ	26/06/1998	Lâm Đồng	KN02 8,5	KN05: 5,5	KN07 7,5	KN08: 7,5	KN10 10,0	8,0	Giỏi
532	1621402020138	Nguyễn Thị Kim Loan	Nữ	01/01/1997	Bình Dương	KN02 8,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10 9,0	8,5	Giỏi
533	1623402010077	Nguyễn Ngọc Phương Loan	Nữ	29/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 8,5	KN08: 8,0	KN09: 7,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
534	1623403010130	Nguyễn Thị Kiều Loan	Nữ	10/09/1998	Khanh Hòa	KN02 7,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
535	1623801010473	Phạm Thị Loan	Nữ	12/08/1996	Quảng Ngãi	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN08: 8,5	KN09 8,0	KN10 9,0	8,0	Giỏi
536	1523401010019	Đình Hoàng Long	Nam	05/06/1997	Hồ Chí Minh	KN01 7,5	KN02 7,0	KN03: 8,5	KN06 9,0	KN10 7,0	8,0	Giỏi
537	1523401010031	Nguyễn Bảo Long	Nam	12/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN06 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
538	1623801010474	Mai Thành Long	Nam	10/12/1997	Bình Định	KN02 9,0	KN05 5,5	KN08 7,0	KN09 8,0	KN10 7,0	7,5	Khá
539	1525802080010	Nguyễn Tấn Lộc	Nam	20/12/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 7,0	KN08: 9,0	KN09 9,0	KN10 7,0	8,0	Giỏi
540	1621402020141	Nguyễn Kim Lộc	Nữ	10/01/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN05 7,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
541	1623403010134	Đình Tấn Lộc	Nam	18/10/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08 8,5	KN09: 9,0	KN10 7,5	8,0	Giỏi
542	1624801040030	Triệu Phước Lộc	Nam	03/06/1998	Bình Phước	KN02 7,0	KN06: 7,5	KN07 7,0	KN08: 7,0	KN10: 8,5	7,5	Khá
543	1523402010178	Nguyễn Khắc Thiên Luân	Nam	09/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02 7,0	KN06 9,0	KN08: 8,0	KN10 9,0	8,0	Giỏi
544	1623801010475	Mai Văn Lực	Nam	24/03/1996	Bình Định	KN02 7,0	KN06 7,5	KN08: 6,0	KN09 7,5	KN10: 7,0	7,0	Khá
545	1624401120065	Lê Văn Lực	Nam	16/02/1998	Thanh Hóa	KN02: 6,0	KN05: 9,0	KN06 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
546	1527601010010	Nguyễn Thị Thanh Lượng	Nữ	08/05/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 10,0	KN03 9,0	KN05 9,0	KN10: 9,5	9,5	Xuất sắc
547	1623801010205	Võ Quốc Lương	Nam	00/00/1998	Long An	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06 10,0	KN08: 7,5	KN10 7,5	8,0	Giỏi
548	1624601010051	Võ Thị Lượng	Nữ	17/06/1997	Bình Dương	KN02 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08 10,0	KN10 9,0	8,5	Giỏi
549	1624801030129	Vũ Minh Lương	Nam	23/2/1998	Hải Dương	KN02 8,0	KN07: 9,0	KN08: 10,0	KN09 8,0	KN10 9,5	9,0	Xuất sắc
550	1623402010082	Nguyễn Thị Hồng Lưu	Nữ	04/04/1998	Bình Dương	KN02 7,5	KN05: 8,5	KN06: 9,5	KN08: 9,0	KN10 7,0	8,5	Giỏi
551	1523403010157	Ta Thi Trúc Ly	Nữ	20/09/1997	Đắk Lắk	KN01 8,5	KN02 8,0	KN07: 10,0	KN08 10,0	KN10 9,0	9,0	Xuất sắc

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
552	1621402020147	Phan Khánh Ly	Nữ	11/10/1998	Thanh Hóa	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
553	1623401010130	Nguyễn Thị Cẩm Ly	Nữ	13/04/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
554	1623403010140	Trần Thanh Ly	Nữ	04/04/1998	Đàklak	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
555	1522202010222	Hà Thu Thuận Lý	Nữ	10/11/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN04: 9,5	KN07: 8,0	KN08: 7,0	8,0	Giỏi
556	1522202040005	Phan Thanh Lý	Nữ	02/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
557	1521402010031	Đặng Thị Mai	Nữ	07/10/1996	Nam Định	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN06: 9,5	KN07: 8,0	KN09: 8,5	8,5	Giỏi
558	1521402010116	Nguyễn Thị Mai	Nữ	06/11/1997	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
559	1521402010209	Phan Thị Tuyết Mai	Nữ	27/11/1997	Bến Tre	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
560	1521402170046	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	21/02/1997	Tây Ninh	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
561	1521402170117	Hoàng Thanh Mai	Nữ	23/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN06: 7,5	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
562	1522202010133	Dương Thị Khánh Mai	Nữ	07/06/1997	Tây Ninh	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 9,5	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
563	1522202010197	Tô Thị Mai	Nữ	27/05/1997	Bình Phước	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN07: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
564	1522202040094	Trần Thị Ngọc Mai	Nữ	28/06/1997	Hà Nam	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
565	1523402010154	Trương Thị Hồng Mai	Nữ	24/01/1996	Phú Yên	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 9,5	KN04: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
566	1525801020023	Nguyễn Thị Kim Mai	Nữ	22/07/1996	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN05: 9,5	KN06: 8,5	8,5	Giỏi
567	1528501010165	Nguyễn Thị Phương Mai	Nữ	06/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
568	1621402010112	Phạm Thị Thúy Mai	Nữ	23/10/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
569	1623401010131	Âu Thị Quỳnh Mai	Nữ	13/02/1998	Tây Ninh	KN02: 6,0	KN05: 8,5	KN07: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
570	1623401010134	Trần Nhật Mai	Nữ	10/05/1998	Quảng Bình	KN02: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
571	1623801010208	Nông Văn Mạnh	Nam	23/12/1997	Bình Phước	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 6,5	7,5	Khá
572	1623801010209	Nguyễn Đức Mạnh	Nam	07/09/1997	Phú Thọ	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 10,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
573	1625802080062	Phạm Đức Mạnh	Nam	15/08/1997	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
574	1623403010144	Nguyễn Thị Tư Mâu	Nữ	20/04/1998	Đaklak	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN07: 7,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
575	1623403010145	Vũ Thị Thanh Mây	Nữ	15/05/1998	Nam Định	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
576	1521401010045	Nguyễn Thị Diễm Mị	Nữ	01/06/1997	Cần Thơ	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN04: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 10,0	8,0	Giỏi
577	1527601010004	Bùi Ngọc Mị	Nữ	26/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
578	1623801010210	Lữ Thị Diễm Mị	Nữ	24/01/1998	Bến Tre	KN02: 7,0	KN03: 9,5	KN05: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
579	1521401010090	Phan Khả Minh	Nữ	25/01/1996	Ninh Thuận	KN01: 7,5	KN02: 6,0	KN05: 9,0	KN06: 7,0	KN08: 8,5	7,5	Khá
580	1523401010169	Nguyễn Chí Minh	Nam	26/12/1996	Bình Phước	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
581	1523401010191	Lê Đăng Công Minh	Nam	01/07/1997	Bắc Ninh	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
582	1523402010188	Nguyễn Hoàng Minh	Nam	20/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
583	1524801030072	Lê Duy Minh	Nam	14/10/1996	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN05: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
584	1525106010019	Lê Vĩnh Minh	Nam	04/12/1995	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
585	1525202010054	Nguyễn Duy Minh	Nam	05/11/1996	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
586	1525801020018	Trương Đình Minh	Nam	02/09/1997	Bình Phước	KN01: 6,5	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 8,0	7,5	Khá
587	1622202010125	Phạm Cát Khởi Minh	Nam	23/02/1998	Long An	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 7,5	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
588	1623401010136	Nguyễn Hoàng Minh	Nam	23/09/1998	Bình Dương	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN08: 7,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
589	1623402010088	Nguyễn Thị Tuyết Minh	Nữ	17/11/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
590	1624401120072	Nguyễn Thị Lê Minh	Nữ	27/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 8,0	KN05: 9,5	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 8,5	9,0	Xuất sắc
591	1624401120073	Trần Cao Minh	Nam	21/02/1998	Dong Nai	KN02: 8,0	KN05: 10,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
592	1624403010029	Huỳnh Văn Minh	Nam	14/03/1998	Tp Hcm	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
593	1623801010476	Y Khuyên Mlô	Nam	20/10/1996	Đăklăk	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN08: 6,0	KN09: 8,0	KN10: 5,0	6,5	Trung bình khá
594	1622202010126	Đỗ Văn Mười	Nam	14/04/1997	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 7,5	KN08: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
595	1521402010128	Trần Thị Diễm My	Nữ	12/12/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
596	1522202010238	Đỗ Thị Kiều My	Nữ	04/01/1997	Thanh Hóa	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN04: 9,0	KN05: 7,0	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
597	1523402010117	Nguyễn Thị My	Nữ	03/03/1997	Đăk Lăk	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 7,5	KN10: 7,0	7,0	Khá
598	1523402010160	Đỗ Thị Hoài My	Nữ	22/03/1997	Khánh Hòa	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
599	1523402010202	Nguyễn Thị Diễm My	Nữ	11/03/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN08: 6,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
600	1524401120117	Lý Hà My	Nữ	19/04/1996	Bình Phước	KN01: 6,0	KN02: 8,0	KN07: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
601	1623401010138	Dương Thị Kiều My	Nữ	28/05/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
602	1624801040076	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	03/12/1998	Dong Nai	KN02: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
603	1522202010237	Phan Thị Mỹ	Nữ	01/09/1997	An Giang	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN03: 6,0	KN09: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
604	1622202040037	Đào Thị Ngọc Mỹ	Nữ	04/07/1998	Hà Tĩnh	KN02: 7,0	KN04: 9,5	KN05: 7,0	KN08: 7,5	KN10: 5,0	7,0	Khá
605	1623102050046	Võ Thị My	Nữ	24/06/1993	Bình Dương	KN02: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN09: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
606	1524401120014	Nguyễn Thái Nam	Nam	25/06/1995	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
607	1525106010047	Hồ Phương Nam	Nam	30/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN07: 6,0	KN08: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
608	1525202010095	Nguyễn Văn Nam	Nam	16/10/1997	Quảng Ngãi	KN01: 7,0	KN02: 6,0	KN05: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
609	1622202010130	Nguyễn Kỳ Nam	Nam	26/10/1998	Đồng Nai	KN02: 8,0	KN06: 6,0	KN07: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
610	1623801010215	Nguyễn Thanh Nam	Nam	10/11/1997	Bình Dương	KN02: 8,0	KN07: 6,0	KN08: 9,5	KN09: 8,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
611	1624202030006	Nguyễn Trần Đại Nam	Nam	14/03/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 6,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 9,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
612	1624801030064	Hà Nhật Nam	Nam	06/10/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
613	1624801030120	Trần Phương Nam	Nam	23/08/1998	Kon Tum	KN02: 9,0	KN07: 9,0	KN08 10,0	KN09 8,5	KN10. 10,0	9,5	Xuất sắc
614	1625202010146	Nguyễn Thành Nam	Nam	03/08/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN06 8,5	KN07 8,5	KN08 10,0	KN10. 8,0	8,5	Giỏi
615	1622202040038	Lê Thị Hoàng Ni	Nữ	15/08/1998	Quảng Nam	KN02. 7,5	KN05 7,5	KN06 8,0	KN08. 9,0	KN10 9,5	8,5	Giỏi
616	1521402020163	Nguyễn Hoàng Cơ Diệu Nương	Nữ	19/02/1997	Bình Thuận	KN01. 8,5	KN02: 7,5	KN05: 6,0	KN06 9,0	KN08 9,0	8,0	Giỏi
617	1521402010092	Mai Thị Nga	Nữ	07/08/1997	Cần Thơ	KN01 8,0	KN02 9,0	KN03 10,0	KN08: 9,5	KN09 9,0	9,0	Xuất sắc
618	1521402180082	Hà Thị Nga	Nữ	29/05/1997	Đắk Lắk	KN01 6,5	KN02 7,5	KN06. 9,0	KN07 7,5	KN10 9,5	8,0	Giỏi
619	1524403010002	Nguyễn Thị Nga	Nữ	20/06/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN09. 8,0	8,0	Giỏi
620	1622202040039	Võ Thị Kiều Nga	Nữ	26/06/1998	Bình Định	KN02 8,0	KN03 9,0	KN05 8,5	KN08 7,0	KN10 7,0	8,0	Giỏi
621	1623401010146	Nguyễn Thúy Nga	Nữ	05/04/1998	Quảng Ngãi	KN02 8,5	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN08 8,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
622	1623402010215	Trần Thị Nga	Nữ	12/09/1998	Hà Tĩnh	KN02 7,0	KN05 8,0	KN06 9,0	KN08 8,5	KN10. 5,0	7,5	Khá
623	1623801010220	Nguyễn Thanh Nga	Nữ	03/02/1998	Hung Yên	KN02 7,0	KN03 8,0	KN06 7,5	KN08 9,0	KN10 7,0	7,5	Khá
624	1624403010032	Trần Thảo Nga	Nữ	24/04/1998	Quảng Trị	KN02 7,0	KN05: 8,0	KN06. 8,0	KN08 8,0	KN10. 7,0	7,5	Khá
625	1624801040033	Trịnh Thị Thúy Nga	Nữ	30/08/1998	Bình Dương	KN02 6,5	KN06 7,0	KN08 8,0	KN09 8,0	KN10 9,0	7,5	Khá
626	1521402170132	Hồ Thị Thu Nga	Nữ	04/01/1997	Khánh Hòa	KN01 7,5	KN02: 10,0	KN05: 8,0	KN08. 7,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
627	1421402010107	Trịnh Thị Kim Ngân	Nữ	09/05/1992	Bình Dương	KN01 8,5	KN02. 9,0	KN06 8,5	KN08 9,5	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
628	1521401010097	Trần Thị Ngân	Nữ	22/06/1997	Đắk Lắk	KN01 8,0	KN02 8,0	KN04 9,5	KN05 8,0	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
629	1521402010137	Phạm Kim Ngân	Nữ	10/04/1997	Bình Dương	KN01 5,0	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06 7,0	KN09. 9,0	7,5	Khá
630	1521402020088	Nguyễn Thị Thu Ngân	Nữ	18/12/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 8,0	KN03 9,0	KN06. 9,0	KN08: 9,5	8,5	Giỏi
631	1521402020202	Nguyễn Thị Hải Ngân	Nữ	08/12/1997	Lâm Đồng	KN01 9,0	KN02 8,0	KN04: 8,5	KN06 8,5	KN08 8,0	8,5	Giỏi
632	1522202010054	Trần Thị Thanh Ngân	Nữ	26/10/1997	Bình Phước	KN01. 9,0	KN02. 7,5	KN07 7,5	KN08 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
633	1523402010199	Trần Phạm Minh Ngân	Nữ	18/07/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02. 7,0	KN03. 9,5	KN08. 7,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi

Handwritten signature

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
634	1523402010206	Phạm Thị Thanh Ngân	Nữ	25/07/1997	Vĩnh Long	KN01 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN09: 8,5	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
635	1524401120079	Trần Thị Kim Ngân	Nữ	18/06/1997	Thừa Thiên Huế	KN01 8,5	KN02: 9,5	KN08: 9,0	KN09: 10,0	KN10: 10,0	9,5	Xuất sắc
636	1525106010016	Lê Thụy Khánh Ngân	Nữ	17/10/1997	Bình Dương	KN01 9,0	KN02: 10,0	KN03: 9,0	KN06: 10,0	KN10: 10,0	9,5	Xuất sắc
637	1525801020001	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	Nữ	23/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
638	1525801050015	Nguyễn Ngọc Ngân	Nữ	12/11/1996	Bình Dương	KN01 8,5	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN06 8,5	KN09 8,0	8,5	Giỏi
639	1621402010126	Nguyễn Thị Thu Ngân	Nữ	12/12/1997	Tp HCM	KN03: 10,0	KN06 7,5	KN08: 9,0	KN09: 10,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
640	1622202010137	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	20/02/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 8,5	KN09: 9,5	KN10 7,5	8,0	Giỏi
641	1622202010138	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	Nữ	21/04/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
642	1622202010141	Trần Đoàn Kim Ngân	Nữ	20/04/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
643	1623401010148	Biện Thị Kim Ngân	Nữ	19/05/1998	Bình Dương	KN02 8,5	KN07: 9,0	KN08 8,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
644	1623401010149	Bùi Thị Thanh Ngân	Nữ	30/08/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN05: 7,0	KN07: 8,5	KN08: 8,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
645	1623401010150	Hồ Thị Thủy Ngân	Nữ	28/08/1998	Bình Định	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
646	1623403010156	Võ Thị Quỳnh Ngân	Nữ	06/05/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN04: 7,0	KN06 7,5	KN08 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
647	1624403010034	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	Nữ	19/02/1998	Bình Dương	KN02: 9,5	KN05: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
648	1624403010071	Phan Thị Thu Ngân	Nữ	15/03/1997	Bình Dương	KN02 7,0	KN05: 8,5	KN06: 7,0	KN08: 7,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
649	1625106010076	Võ Thị Thanh Ngân	Nữ	21/11/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 9,5	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
650	1627601010028	Lê Thị Tuyết Ngân	Nữ	01/06/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 7,5	KN09: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
651	1627601010030	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	19/01/1998	Cần Thơ	KN02: 7,0	KN04: 7,0	KN08: 8,0	KN09 8,0	KN10: 8,5	7,5	Khá
652	1628501010063	Huỳnh Thị Như Ngân	Nữ	16/05/1998	Quảng Nam	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 8,5	7,5	Khá
653	1623403010157	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	01/01/1998	Thanh Hóa	KN02: 7,0	KN04: 8,0	KN06: 10,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
654	1323801010304	Trần Trung Nghĩa	Nam	19/05/1995	Bình Dương	KN01 8,5	KN02 9,5	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN10 9,0	8,5	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
655	1521402170179	Nguyễn Thị Hiếu Nghĩa	Nữ	20/10/1997	Quảng Bình	KN01 8,0	KN02 7,0	KN05 6,5	KN07 7,0	KN10 7,0	7,0	Khá
656	1523401010026	Huỳnh Minh Nghĩa	Nam	28/04/1997	Bình Dương	KN01 7,5	KN02 7,5	KN03 9,5	KN04 9,5	KN07 9,0	8,5	Giỏi
657	1525202010031	Trần Xuân Nghĩa	Nam	12/05/1997	Dak Lak	KN01 7,5	KN02 9,0	KN04 7,0	KN06 7,5	KN08 10,0	8,0	Giỏi
658	1525202010042	Bùi Văn Nghĩa	Nam	15/11/1997	Ninh Bình	KN01 8,0	KN02 8,0	KN04 7,5	KN08 7,5	KN09 8,0	8,0	Giỏi
659	1528501010009	Nguyễn Hiếu Nghĩa	Nam	23/10/1997	Bình Dương	KN01 8,5	KN02 9,0	KN03 8,5	KN06 9,0	KN10 8,5	8,5	Giỏi
660	1623402010099	Nguyễn Hữu Nghĩa	Nam	19/01/1998	Bình Dương	KN02 6,0	KN05 8,0	KN06 9,0	KN08 9,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi
661	1624601010129	Nguyễn Văn Nghĩa	Nam	03/06/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN03 10,0	KN08 10,0	KN09 9,5	KN10 9,5	9,5	Xuất sắc
662	1624801030069	Lý Quang Nghĩa	Nam	27/03/1998	Daklak	KN02 9,0	KN05 7,5	KN06 7,5	KN08 7,0	KN10 9,0	8,0	Giỏi
663	1625802080069	Trần Trọng Nghĩa	Nam	22/03/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN03 9,0	KN08 10,0	KN09 9,0	KN10 5,0	8,0	Giỏi
664	1521402180042	Nguyễn Văn Ngoan	Nam	02/06/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 7,0	KN03 8,0	KN06 9,0	KN08 8,0	8,0	Giỏi
665	1521402010126	Đinh Thị Bích Ngọc	Nữ	04/07/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 8,0	KN08 6,0	KN09 8,0	KN10 10,0	8,0	Giỏi
666	1523401010014	Huỳnh Hồng Ngọc	Nữ	22/05/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 8,0	KN05 8,0	KN06 9,0	KN10 8,0	8,0	Giỏi
667	1523402010097	Cao Thị Bích Ngọc	Nữ	07/01/1996	Quảng Bình	KN01 8,0	KN02 8,5	KN04 7,0	KN07 8,0	KN10 7,5	8,0	Giỏi
668	1523801010202	Lê Thị Thúy Ngọc	Nữ	27/10/1996	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 7,5	KN06 9,0	KN08 8,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
669	1621401010027	Ngô Như Ngọc	Nữ	07/02/1998	Tp Hồ Chí Minh	KN02 8,0	KN05 8,5	KN07 9,0	KN08 7,0	KN10 9,0	8,5	Giỏi
670	1621402020174	Đinh Thị Ngọc	Nữ	20/06/1998	Thái Bình	KN01 7,5	KN02 8,0	KN03 8,0	KN08 7,0	KN10 6,5	7,5	Khá
671	1622202040044	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Nữ	29/03/1998	Ninh Bình	KN02 7,5	KN06 9,0	KN07 9,0	KN08 9,5	KN10 9,5	9,0	Xuất sắc
672	1623401010333	Vũ Thị Hồng Ngọc	Nữ	28/07/1998	Thanh Hóa	KN02 8,0	KN05 8,5	KN06 7,5	KN08 7,5	KN10 9,5	8,0	Giỏi
673	1623402010101	Đông Như Ngọc	Nữ	18/08/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN06 7,0	KN08 9,0	KN09 9,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
674	1625106010079	Nguyễn Trúc Ngọc	Nữ	24/09/1998	Bình Dương	KN02 6,0	KN03 9,0	KN06 10,0	KN08 10,0	KN10 5,0	8,0	Giỏi
675	1521402020007	Lý Thảo Nguyên	Nữ	17/12/1997	Bình Dương	KN01 5,0	KN02 8,5	KN03 9,0	KN05 7,0	KN08 7,5	7,5	Khá

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
676	1521402020253	Tô Thị Thảo Nguyên	Nữ	14/12/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
677	1521402180018	Lê Thảo Nguyên	Nữ	14/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
678	1521402180060	Lâm Thái Nguyên	Nam	17/10/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN08: 9,5	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
679	1525802080062	Nguyễn Trung Nguyên	Nam	22/12/1997	Cà Mau	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN05: 7,5	KN07: 8,0	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
680	1528501010028	Lê Hoàng Nguyên	Nam	13/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
681	1623401010157	Lê Trọng Nguyên	Nam	09/03/1997	Gia Lai	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN09: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
682	1623401010158	Mai Thảo Nguyên	Nữ	24/12/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
683	1623401010159	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	01/09/1997	Bình Dương	KN02: 8,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
684	1623401010160	Trần Thị Kim Nguyên	Nữ	30/09/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN05: 8,5	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
685	1623403010168	Phạm Thị Tú Nguyên	Nữ	18/07/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
686	1624401020023	Nguyễn Ngọc Nguyên	Nữ	08/02/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
687	1624403010037	Lê Huỳnh Thảo Nguyên	Nữ	25/10/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	KN08: 7,5	KN10: 5,0	7,5	Khá
688	1521402020026	Nguyễn Thanh Nguyệt	Nữ	08/11/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN04: 7,0	KN05: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
689	1521402020271	Hoàng Thị Nguyệt	Nữ	30/04/1996	Đắk Lắk	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN05: 5,5	KN06: 7,0	7,5	Khá
690	1524801040080	Dương Thị Nguyệt	Nữ	11/09/1997	Nghệ An	KN01: 8,0	KN02: 10,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
691	1623402010207	Hà Thị Ánh Nguyệt	Nữ	19/2/1997	Vũng Tàu	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
692	1624401120083	Nguyễn Thị Lê Nguyệt	Nữ	27/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 8,0	KN05: 10,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 8,5	9,0	Xuất sắc
693	1624401120084	Phan Thị Ánh Nguyệt	Nữ	08/01/1998	Phú Yên	KN02: 8,0	KN05: 6,5	KN06: 9,5	KN08: 7,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
694	1625801050006	Phạm Biên Minh Nguyệt	Nữ	28/04/1998	Tây Ninh	KN02: 8,0	KN07: 8,5	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 6,5	8,0	Giỏi
695	1523401010231	Phạm Thanh Nhã	Nữ	14/08/1997	Quy Nhơn	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN07: 9,0	KN08: 8,5	8,5	Giỏi
696	1523801010014	Lê Thanh Nhã	Nam	24/10/1997	Quảng Ngãi	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	8,5	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
697	1523801010193	Hồ Thị Nhân	Nữ	05/02/1996	Nghệ An	KN01 8,5	KN02: 9,0	KN06 8,5	KN08 6,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi
698	1621402020187	Phan Thị Thanh Nhân	Nữ	14/06/1998	Bình Dương	KN02 7,5	KN06 8,0	KN07 7,5	KN08 9,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
699	1625106010083	Nguyễn Thị Nhân	Nữ	24/07/1998	Bình Dương	KN02 8,5	KN06 9,5	KN07 8,0	KN08 9,0	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
700	1521402020171	Phan Thị Trúc Nhân	Nữ	24/11/1996	Lâm Đồng	KN01 9,0	KN02: 8,0	KN04 7,5	KN05 9,0	KN06 9,0	8,5	Giỏi
701	1523402010120	Lê Khắc Nhân	Nam	28/09/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 8,0	KN05 8,5	KN06 8,5	KN08 8,5	8,5	Giỏi
702	1528501010135	Vũ Thị Nhân	Nữ	02/01/1996	Bình Dương	KN01 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN08 8,5	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
703	1621402180038	Nguyễn Hoàng Nhân	Nam	06/08/1998	Tp Hcm	KN02 7,0	KN05: 7,0	KN06 9,0	KN08 6,0	KN10: 8,5	7,5	Khá
704	1623401010361	Trần Thanh Nhân	Nam	11/11/1997	Bình Thuận	KN02 7,5	KN05 9,0	KN07 6,5	KN08 7,5	KN10 8,0	7,5	Khá
705	1623801010243	Nguyễn Trọng Nhân	Nam	17/03/1998	Bình Dương	KN02 7,0	KN05 9,0	KN08 9,5	KN09 9,5	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
706	1625202010167	Nguyễn Quý Nhân	Nam	03/05/1998	Bình Phước	KN02 6,0	KN05: 7,0	KN06 9,5	KN08 10,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
707	1628501010069	Nguyễn Trọng Nhân	Nam	18/12/1998	Hà Tĩnh	KN02 8,5	KN05 6,5	KN06 7,5	KN08 8,0	KN10 8,0	7,5	Khá
708	1524403010124	Vũ Văn Nhất	Nam	20/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02 9,0	KN03 7,0	KN08 7,0	KN10 5,0	7,0	Khá
709	1623801010245	Trần Đức Nhất	Nam	31/10/1997	Tp Hcm	KN02 7,0	KN05: 9,5	KN07 9,0	KN08 7,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi
710	1625802080073	Thân Hữu Nhất	Nam	21/05/1998	Bình Định	KN02 8,0	KN06 7,0	KN08 9,5	KN09 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
711	1521401010099	Phạm Yến Nhi	Nữ	16/01/1997	Đồng Nai	KN01 6,0	KN02: 8,5	KN05: 9,5	KN08 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
712	1521402010048	Phan Vũ Hoài Nhi	Nữ	22/06/1997	Đồng Nai	KN01 8,0	KN02: 9,0	KN03 7,0	KN05: 6,5	KN07 7,0	7,5	Khá
713	1521402010083	Hoàng Thị Mai Nhi	Nữ	27/12/1996	Bình Dương	KN01 7,5	KN02 8,0	KN05 6,5	KN06 8,0	KN08 9,5	8,0	Giỏi
714	1521402010180	Trương Thị Yến Nhi	Nữ	18/04/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 7,5	KN03 8,0	KN05 7,5	KN07 7,0	7,5	Khá
715	1521402020185	Nguyễn Thị Kiều Nhi	Nữ	08/07/1996	Tây Ninh	KN01 9,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06 8,0	KN10: 5,0	7,5	Khá
716	1521402020190	Hoàng Lê Hồng Nhi	Nữ	01/07/1997	Tp Hồ Chí Minh	KN01 8,0	KN02: 9,0	KN05 6,0	KN06 7,5	KN08 8,5	8,0	Giỏi
717	1523403010127	Đạo Thị Cẩm Nhi	Nữ	27/10/1997	Ninh Thuận	KN01 5,0	KN02 7,0	KN07 7,0	KN08 8,0	KN10 7,0	7,0	Khá

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
718	1621402010141	Lê Thị Tuyết Nhi	Nữ	21/11/1997	Bình Dương	KN02: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 7,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
719	1621402020191	Đặng Kim Nhi	Nữ	17/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
720	1621402020193	Lê Hoàng Tuyết Nhi	Nữ	11/01/1998	Đồng Nai	KN02: 7,0	KN04: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
721	1622202010153	Nguyễn Thị Phương Nhi	Nữ	20/06/1998	Đồng Nai	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
722	1622202040045	Lê Nguyễn Bảo Nhi	Nữ	13/09/1997	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 8,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
723	1622202040046	Vân Nguyễn Tuyết Nhi	Nữ	04/07/1998	Bến Tre	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN07: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
724	1623401010170	Trần Phương Nhi	Nữ	22/02/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN07: 7,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
725	1623401010173	Võ Thị Ý Nhi	Nữ	25/03/1998	An Giang	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
726	1623402010114	Võ Huỳnh Nhi	Nữ	03/06/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN06: 9,5	KN08: 10,0	KN09: 9,5	KN10: 10,0	9,5	Xuất sắc
727	1623403010173	Lê Yến Nhi	Nữ	03/02/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN04: 8,0	KN06: 10,0	KN08: 7,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
728	1623403010176	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	29/04/1998	Dong Nai	KN02: 7,5	KN03: 10,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
729	1623403010180	Từ Thị Kim Nhi	Nữ	24/04/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
730	1625106010088	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	12/12/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
731	1625106010090	Bùi Thị Yến Nhi	Nữ	03/08/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
732	1625802080075	Phạm Mộng Nhi	Nữ	17/11/1998	Tây Ninh	KN02: 8,5	KN05: 6,5	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
733	1625202010170	Lê Văn Nhi	Nam	16/03/1997	Sóc Trăng	KN02: 6,0	KN06: 9,0	KN07: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
734	1521402010049	Nguyễn Thị Kiều Nhung	Nữ	08/08/1996	Tp.Hcm	KN01: 6,5	KN02: 10,0	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
735	1521402020085	Nguyễn Thị Mĩ Nhung	Nữ	21/08/1996	Sông Bé	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN07: 7,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
736	1523402010124	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	24/03/1997	Bình Định	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 7,5	KN08: 9,5	8,0	Giỏi
737	1523801010015	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	24/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN04: 7,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
738	1527601010062	Lê Thị Tuyết Nhung	Nữ	18/05/1995	Sông Bé	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 9,5	8,0	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
739	1621402020203	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	11/08/1998	Bình Dương	KN02 6,0	KN05 8,5	KN06 7,0	KN08 10,0	KN10 9,0	8,0	Giỏi
740	1623102050058	Lê Đức Hồng Nhung	Nữ	01/08/1998	Bình Dương	KN02 7,5	KN06 8,5	KN08 8,0	KN09 9,0	KN10 9,5	8,5	Giỏi
741	1623401010175	Lê Hồng Tuyết Nhung	Nữ	01/12/1998	Bình Phước	KN02 7,0	KN06 8,0	KN07 7,5	KN08 8,5	KN10 7,5	7,5	Khá
742	1623401010334	Nguyễn Ngọc Nhung	Nữ	13/6/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN03 9,0	KN07 9,0	KN08 5,5	KN10 9,0	8,0	Giỏi
743	1623402010116	Hà Phi Nhung	Nữ	21/04/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN03 10,0	KN05 9,0	KN08 7,0	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
744	1623403010186	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Nữ	18/10/1998	Vĩnh Phúc	KN02 7,0	KN04 10,0	KN07 7,0	KN08 8,0	KN10 9,0	8,0	Giỏi
745	1624401120088	Nguyễn Hoàng Tuyết Nhung	Nữ	14/01/1998	Tp Hồ Chí Minh	KN02 8,0	KN03 8,0	KN08 10,0	KN09 8,5	KN10 6,0	8,0	Giỏi
746	1625106010091	Đinh Thị Hồng Nhung	Nữ	10/12/1998	Tp HCM	KN02 7,0	KN06 9,0	KN07 8,5	KN08 8,0	KN10 7,0	8,0	Giỏi
747	1625106010092	Trịnh Thị Hồng Nhung	Nữ	05/06/1998	Thanh Hóa	KN02 7,0	KN06 8,0	KN08 7,0	KN09 9,5	KN10 7,5	8,0	Giỏi
748	1521401010027	Dương Quỳnh Như	Nữ	19/11/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 8,0	KN04 8,0	KN06 8,0	KN08 9,0	8,0	Giỏi
749	1521402020228	Trần Thị Hoài Như	Nữ	16/12/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 9,0	KN06 6,0	KN07 9,0	KN08 8,0	8,0	Giỏi
750	1521402170040	Huỳnh Như	Nữ	09/11/1996	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 8,0	KN03 8,0	KN06 9,0	KN09 9,0	8,5	Giỏi
751	1522202010011	Nguyễn Thị Xuân Như	Nữ	02/03/1997	Đaklak	KN01 8,0	KN02 9,0	KN03 8,5	KN09 9,0	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
752	1522202010250	Huỳnh Đăng Thảo Như	Nữ	12/09/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 10,0	KN03 6,0	KN08 9,0	KN09 9,5	8,5	Giỏi
753	1522202040008	Đăng Thảo Như	Nữ	04/07/1996	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 7,5	KN03 8,0	KN06 8,5	KN08 10,0	8,0	Giỏi
754	1522202040034	Phạm Huỳnh Như	Nữ	07/03/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 10,0	KN03 7,5	KN09 10,0	KN10 9,5	9,0	Xuất sắc
755	1523403010014	Bành Ngọc Quỳnh Như	Nữ	29/04/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 9,0	KN03 8,0	KN06 9,0	KN07 8,5	8,5	Giỏi
756	1525106010029	Phạm Ngọc Quỳnh Như	Nữ	26/06/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 7,5	KN07 8,5	KN08 10,0	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
757	1621402010156	Võ Hà Tuyết Như	Nữ	28/07/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN03 8,0	KN05 9,0	KN08 8,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi
758	1621402180041	Chu Quỳnh Như	Nữ	12/08/1998	Tp HCM	KN02 7,0	KN05 7,5	KN06 9,0	KN08 8,0	KN10 8,5	8,0	Giỏi

Handwritten signature

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
759	1623102050060	Trần Thị Hồng Như	Nữ	29/07/1997	Bình Thuận	KN02: 9,0	KN07: 7,5	KN08: 10,0	KN09: 7,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
760	1623401010182	Nguyễn Thị Yến Như	Nữ	08/10/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
761	1623401010183	Phan Thị Hồng Như	Nữ	16/09/1998	Phú Yên	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
762	1623403010188	Đặng Phương Như	Nữ	31/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN04: 8,0	KN06: 10,0	KN08: 7,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
763	1624401120091	Phạm Quỳnh Như	Nữ	10/05/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 9,5	KN07: 8,0	KN08: 6,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
764	1624801030072	Trần Thị Huỳnh Như	Nữ	05/11/1998	Bến Tre	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 6,5	8,5	Giỏi
765	1523402010025	Trương Minh Nhut	Nam	29/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN06: 8,5	KN09: 7,5	8,5	Giỏi
766	1525802080028	Võ Văn Nhựt	Nam	01/01/1997	Quảng Ngãi	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN06: 7,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
767	1622202010165	Lê Minh Nhut	Nam	11/02/1997	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
768	1521402010062	Nguyễn Trần Hoàng Oanh	Nữ	07/11/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN05: 7,5	KN09: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
769	1523403010092	Nguyễn Thị Tú Oanh	Nữ	02/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
770	1524801040030	Vũ Thị Kiều Oanh	Nữ	16/11/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN06: 6,5	KN09: 9,5	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
771	1525202010065	Hà Kiều Oanh	Nữ	10/12/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 7,5	KN08: 7,5	8,0	Giỏi
772	1623401010186	Phạm Thị Oanh	Nữ	16/02/1998	Đăklăk	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN05: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
773	1522202010081	Đỗ Thị Châu Pha	Nữ	10/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN05: 10,0	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
774	1523801010293	Đỗ Châu Pha	Nữ	25/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,5	KN08: 9,0	8,0	Giỏi
775	1521402180008	Huỳnh Thành Phát	Nam	11/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN07: 8,5	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
776	1623401010188	Lê Thành Phát	Nam	15/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN09: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
777	1623401010189	Thái Tiến Phát	Nam	24/11/1997	Khánh Hòa	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
778	1625202010175	Nguyễn Thanh Phát	Nam	09/01/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
779	1625202010176	Nguyễn Thiên Phát	Nam	26/02/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
780	1628501010077	Lưu Hưng Phát	Nam	13/01/1998	Bình Dương	KN02 7,5	KN03 8,5	KN08 9,0	KN09 9,5	KN10 9,0	8,5	Giỏi
781	1623801010260	Huỳnh Tấn Phi	Nam	19/02/1998	Bình Dương	KN02 7,0	KN05: 8,5	KN08: 9,0	KN09 8,5	KN10 8,5	8,5	Giỏi
782	1624601010073	Nguyễn Thị Yến Phi	Nữ	20/12/1998	Trà Vinh	KN02 6,5	KN03 9,0	KN06 8,0	KN08 8,5	KN10 8,5	8,0	Giỏi
783	1625202010178	Đình Văn Phi	Nam	29/03/1998	Nam Định	KN02 7,5	KN06: 9,0	KN07: 7,5	KN08 8,5	KN10 7,0	8,0	Giỏi
784	1323402010088	Huỳnh Thanh Phong	Nam	1/1/1995		KN01. 8,5	KN02: 8,0	KN03 10,0	KN08 7,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
785	1525106010021	Đào Xuân Phong	Nam	03/02/1997	Hải Dương	KN01 7,5	KN02: 9,0	KN07 6,0	KN08: 8,5	KN10 9,0	8,0	Giỏi
786	1525802080075	Nguyễn Thanh Phong	Nam	02/12/1995	Bình Dương	KN01 7,0	KN02: 9,0	KN08: 7,0	KN09 7,0	KN10 9,5	8,0	Giỏi
787	1624401120096	Nguyễn Chí Phong	Nam	01/12/1998	Bình Thuận	KN02 8,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN08 7,0	KN10 6,5	7,5	Khá
788	1625202010182	Nguyễn Hoài Phong	Nam	14/11/1998	Sóc Trăng	KN02 7,0	KN06 9,0	KN07. 8,0	KN08. 10,0	KN10 7,0	8,0	Giỏi
789	1625202010184	Nguyễn Thanh Phong	Nam	06/12/1997	Bình Dương	KN02 8,0	KN03: 8,0	KN08. 7,5	KN09 9,0	KN10 6,5	8,0	Giỏi
790	1628501010078	Nguyễn Thanh Phong	Nam	09/07/1998	Bình Dương	KN02 7,5	KN03. 8,5	KN05. 7,0	KN08 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
791	1521402180040	Cao Văn Phú	Nam	09/08/1996	Bình Dương	KN01 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN08 9,5	8,5	Giỏi
792	1523402010164	Ngô Trần An Phú	Nữ	21/08/1997	Bình Dương	KN01 7,5	KN02: 8,0	KN03. 7,5	KN04 7,0	KN08. 7,0	7,5	Khá
793	1523801010058	Nguyễn Ngọc Thiên Phú	Nữ	20/11/1997	Bình Dương	KN01 7,5	KN02. 8,5	KN03 8,5	KN04 8,5	KN06 9,0	8,5	Giỏi
794	1623102050066	Nguyễn Thế Phú	Nam	08/05/1998	Phú Yên	KN02: 8,0	KN05. 7,0	KN07: 8,0	KN08. 8,0	KN10. 8,0	8,0	Giỏi
795	1623402010124	Nguyễn Thanh Phú	Nam	22/02/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN06: 9,5	KN08: 9,5	KN09 7,5	KN10. 10,0	9,0	Xuất sắc
796	1521402170048	Nguyễn Thiên Phúc	Nam	01/05/1996	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02. 8,0	KN04: 7,0	KN05. 9,5	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
797	1523401010232	Nguyễn Đình Phúc	Nam	12/01/1990	Phú Yên	KN01. 9,0	KN02 7,5	KN03. 8,0	KN08 8,0	KN10 7,0	8,0	Giỏi
798	1523801010047	Huỳnh Bá Phúc	Nam	13/09/1997	Đồng Nai	KN01 8,0	KN02: 9,0	KN03 8,5	KN06. 9,0	KN09: 8,0	8,5	Giỏi
799	1524801030005	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	17/04/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02 7,5	KN07. 8,0	KN08 8,5	KN10. 9,5	8,0	Giỏi
800	1528501010140	Tô Hồng Phúc	Nam	05/02/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02: 8,0	KN08: 6,5	KN09 7,0	KN10. 8,0	7,5	Khá
801	1621402010159	Nguyễn Thị Hồng Phúc	Nữ	24/08/1998	Bình Dương	KN02 9,5	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN08 9,0	KN10 6,5	8,0	Giỏi

Handwritten signature

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
802	1623402010127	Võ Hoàng Phúc	Nam	05/01/1997	Long An	KN02 8,5	KN06 9,0	KN08 9,5	KN09 8,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
803	1623402010206	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	26/8/1998	Đồng Nai	KN02 7,0	KN06 8,0	KN08 9,5	KN09 6,5	KN10 5,0	7,0	Khá
804	1623801010262	Đặng Thiên Phúc	Nam	23/06/1998	Bình Dương	KN02 7,5	KN05 7,5	KN07 7,0	KN08 8,0	KN10 8,5	7,5	Khá
805	1624601010074	Huỳnh Ngọc Phúc	Nữ	09/09/1998	Bình Dương	KN02 7,0	KN05 7,5	KN06 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
806	1624801030077	Phạm Minh Phúc	Nam	29/05/1998	Bình Dương	KN02 9,0	KN07 9,0	KN08 10,0	KN09 8,0	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
807	1624801040074	Hoàng Phúc	Nam	20/4/1997	Bình Dương	KN02 7,0	KN06 9,0	KN07 9,0	KN08 7,5	KN10 6,0	7,5	Khá
808	1625202010189	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	04/10/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN06 9,0	KN07 8,0	KN08 10,0	KN10 9,0	9,0	Xuất sắc
809	1521402020013	Vương Phi Phụng	Nữ	30/05/1997	Tphcm	KN01 8,0	KN02 8,0	KN03 9,0	KN05 7,0	KN08 9,0	8,0	Giỏi
810	1523801010263	Nguyễn Châu Anh Phụng	Nữ	13/06/1997	Tp. Hcm	KN01 9,0	KN02 8,0	KN06 8,0	KN07 8,0	KN10 9,5	8,5	Giỏi
811	1621401010033	Nguyễn Văn Phụng	Nam	22/04/1995	Bình Dương	KN02 9,5	KN06 9,0	KN08 8,0	KN09 7,0	KN10 9,0	8,5	Giỏi
812	1624401120192	Huỳnh Thu Phụng	Nữ	15/08/1998	Bình Định	KN02 9,0	KN05 7,5	KN06 9,0	KN08 7,0	KN10 8,0	8,0	Giỏi
813	1624801030121	Phạm Văn Phụng	Nam	16/1/1998	Bình Phước	KN02 8,0	KN07 9,0	KN08 10,0	KN09 8,0	KN10 9,5	9,0	Xuất sắc
814	1621402020220	Trịnh Thị Hồng Phương	Nữ	10/12/1998	Bình Định	KN02 8,0	KN05 9,0	KN07 8,0	KN08 10,0	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
815	1525801020012	Nguyễn Hữu Phước	Nam	04/12/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 9,0	KN03 9,0	KN05 7,0	KN06 8,0	8,0	Giỏi
816	1522202010039	Bùi Thu Phương	Nữ	12/01/1997	Long An	KN01 7,5	KN02 8,0	KN06 7,5	KN07 8,0	KN08 7,5	7,5	Khá
817	1522202040098	Hồng Thị Mỹ Phương	Nữ	21/11/1997	Đồng Nai	KN01 7,0	KN02 7,0	KN08 8,0	KN09 8,5	KN10 10,0	8,0	Giỏi
818	1523801010322	Lê Thị Minh Phương	Nữ	16/06/1997	Bình Phước	KN01 7,0	KN02 7,0	KN06 8,0	KN08 7,0	KN10 9,5	7,5	Khá
819	1621401010034	Trần Thanh Phương	Nam	30/03/1996	Bình Dương	KN02 9,0	KN06 8,0	KN07 8,0	KN08 7,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi
820	1622202010172	Huỳnh Thị Thanh Phương	Nữ	24/03/1998	Bình Dương	KN02 7,0	KN06 8,0	KN07 9,0	KN08 9,0	KN10 6,0	8,0	Giỏi
821	1623401010195	Lê Thùy Phương	Nữ	07/12/1997	Daklak	KN02 9,5	KN03 9,0	KN06 9,0	KN08 8,5	KN10 8,0	9,0	Xuất sắc
822	1623402010129	Nguyễn Hồng Phương	Nữ	21/11/1996	Đồng Nai	KN02 8,5	KN06 9,0	KN08 9,5	KN09 8,0	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc

Handwritten signature

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
823	1623402010131	Trịnh Thị Mai Phương	Nữ	06/12/1998	Bình Dương	KN02 8,5	KN06: 9,0	KN08. 9,5	KN09 8,0	KN10 9,0	9,0	Xuất sắc
824	1623403010196	Nguyễn Thanh Phương	Nữ	10/08/1998	Bình Dương	KN02 7,0	KN04 8,5	KN07 8,0	KN08 7,5	KN10 9,0	8,0	Giỏi
825	1623403010197	Nguyễn Thị Phương	Nữ	03/10/1998	Bắc Giang	KN02 7,0	KN04 8,0	KN06. 10,0	KN08 8,0	KN10 8,5	8,5	Giỏi
826	1623403010198	Nguyễn Thị Phương	Nữ	20/04/1998	Nghệ An	KN02 7,0	KN04. 8,5	KN06. 10,0	KN08: 7,5	KN10 7,0	8,0	Giỏi
827	1423401010139	Phạm Thị Mỹ Phương	Nữ	22/10/1996	Bình Phước	KN01 7,0	KN02: 7,0	KN06 7,5	KN08 8,5	KN09 9,0	8,0	Giỏi
828	1523801010069	Nguyễn Thị Thu Phương	Nữ	01/09/1997	Quảng Ngãi	KN01 8,0	KN02: 8,5	KN03 9,0	KN05 8,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
829	1621402020226	Mai Thị Phương	Nữ	04/07/1996	Thái Bình	KN02 8,5	KN05. 8,0	KN06 9,5	KN08 7,0	KN10 9,0	8,5	Giỏi
830	1621402020228	Sầm Thị Minh Phương	Nữ	13/10/1998	Bình Phước	KN02 8,5	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08. 6,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
831	1623401010198	Lê Thị Bích Phương	Nữ	16/05/1998	Bình Phước	KN02 7,5	KN06 7,5	KN07: 7,0	KN08: 9,0	KN10 6,0	7,5	Khá
832	1524403010107	Nguyễn Nhật Quang	Nam	01/07/1997	Bến Tre	KN01: 7,5	KN02. 7,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
833	1525202010110	Nguyễn Đình Quang	Nam	30/06/1997	Đồng Nai	KN01 7,5	KN02: 8,0	KN03 8,0	KN06: 9,0	KN08. 7,5	8,0	Giỏi
834	1623402010133	Phạm Minh Quang	Nam	18/04/1998	Đồng Tháp	KN02 8,0	KN06: 8,0	KN07 7,5	KN08 9,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
835	1623801010275	Đỗ Phú Quang	Nam	25/09/1998	Bình Dương	KN02. 7,0	KN05: 8,5	KN07: 8,0	KN08 8,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
836	1623801010276	Huỳnh Ngọc Quang	Nam	06/03/1998	Bình Dương	KN02 9,0	KN07 10,0	KN08 9,5	KN09 8,5	KN10 10,0	9,5	Xuất sắc
837	1521402170162	Đặng Thanh Quân	Nam	06/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02. 8,0	KN04: 7,5	KN05: 9,0	KN09. 8,5	8,0	Giỏi
838	1523402010174	Nguyễn Thị Lê Quân	Nữ	24/02/1997	Bình Định	KN01 8,0	KN02. 8,0	KN03: 9,0	KN08 7,5	KN10. 9,5	8,5	Giỏi
839	1523801010205	Trần Văn Quân	Nam	03/09/1995	Bình Phước	KN01 7,0	KN02: 10,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10 9,5	9,0	Xuất sắc
840	1525106010015	Lê Hoàng Quân	Nam	04/04/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 9,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
841	1525202010114	Nguyễn Trung Quốc	Nam	28/09/1996	Ninh Thuận	KN01 7,0	KN02 6,0	KN06 8,0	KN08: 7,5	KN10 9,0	7,5	Khá
842	1528501010057	Lê Nguyễn Ái Quốc	Nam	12/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02 9,0	KN05: 9,0	KN08 8,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
843	1623801010279	Lưu Đình Quốc	Nam	28/08/1997	Bình Dương	KN02. 7,5	KN05: 8,5	KN06 6,5	KN08 9,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng				ĐTB	Xếp loại	
844	1624601010077	Nguyễn Tiến Quốc	Nam	25/08/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN03: 9,5	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
845	1623102050071	Nguyễn Thanh Quy	Nam	08/10/1998	Bến Tre	KN02: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
846	1523401010166	Nguyễn Văn Quý	Nam	01/01/1997	Đồng Tháp	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 5,5	8,0	Giỏi
847	1628501010084	Nguyễn Văn Quý	Nam	02/07/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
848	1621402010171	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Nữ	04/03/1997	Bình Phước	KN02: 8,5	KN03: 7,5	KN06: 5,5	KN08: 7,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
849	1525106010008	Trần Minh Quyền	Nam	27/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
850	1521401010024	Lâm Thị Hồng Quyên	Nữ	20/02/1997	Trà Vinh	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN07: 8,5	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
851	1521402170028	Hồ Như Quỳnh	Nữ	04/02/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	8,5	Giỏi
852	1521402170168	Phạm Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	25/10/1996	Hồ Chí Minh	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
853	1521402180075	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	20/03/1997	Bình Thuận	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 7,0	KN07: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
854	1522202010082	Long Thị Quỳnh	Nữ	04/10/1997	Thái Nguyên	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN06: 7,5	KN08: 9,5	KN10: 6,5	7,5	Khá
855	1522202010095	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	12/09/1997	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,5	KN07: 7,0	KN09: 9,0	8,5	Giỏi
856	1522202010195	Tô Ngọc Quỳnh	Nữ	21/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
857	1523402010123	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	02/12/1997	Thái Bình	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN04: 7,5	KN08: 9,0	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
858	1523402010153	Phạm Thị Như Quỳnh	Nữ	06/04/1997	Bến Tre	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN06: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
859	1523801010295	Trần Thị Ngọc Quỳnh	Nữ	16/07/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN05: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 9,0	8,0	Giỏi
860	1525106010072	Hồ Thụy Phương Quỳnh	Nữ	09/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
861	1528501010079	Trương Thái Như Quỳnh	Nữ	19/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN04: 9,5	KN05: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
862	1621402020234	Nguyễn Bảo Ngọc Xuân Quỳnh	Nữ	09/01/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 6,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
863	1623403010208	Văn Thị Như Quỳnh	Nữ	18/03/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 6,0	7,5	Khá
864	1624601010126	Phạm Thị Như Quỳnh	Nữ	15/5/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
865	1624801040047	Lê Thị Như Quỳnh	Nữ	08/08/1998	Bình Định	KN02: 6,5	KN07: 7,0	KN08: 10,0	KN09: 7,0	KN10: 7,5	7,5	Khá
866	1625106010108	Trần Thanh Quỳnh	Nữ	18/06/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 9,5	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
867	1625802080087	Nguyễn Trúc Quỳnh	Nam	19/06/1998	Trà Vinh	KN02: 8,5	KN05: 7,5	KN07: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
868	1627601010044	Mai Thị Ngọc Quỳnh	Nữ	27/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN04: 5,5	KN08: 7,0	KN09: 7,5	KN10: 8,5	7,0	Khá
869	1523801010360	Alê Hồ Rái	Nữ	20/10/1994	Phú Yên	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
870	1525106010070	Huỳnh Phước Sang	Nam	01/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
871	1525202010087	Lưu Trần Kim Sang	Nam	30/03/1995	Tp. HCM	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 9,5	8,0	Giỏi
872	1623801010289	Nguyễn Thanh Sang	Nam	05/08/1998	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
873	1624801030085	Nguyễn Ngọc Minh Sang	Nam	16/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 9,0	KN07: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 7,5	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
874	1624801040049	Nguyễn Châu Sang	Nam	22/01/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
875	1521402020263	Đinh Thị Sáu	Nữ	10/12/1997	Quảng Bình	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 6,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
876	1623403010210	Nguyễn Thị Sen	Nữ	20/10/1998	Hà Tĩnh	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN09: 8,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
877	1623402010139	Huỳnh Văn Sĩ	Nam	06/12/1998	Vĩnh Long	KN02: 8,0	KN06: 7,5	KN07: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 6,0	7,5	Khá
878	1521401010082	Ksor H' Sin	Nữ	16/12/1995	Gia Lai	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
879	1521401010032	Nguyễn Thanh Sơn	Nam	05/12/1996	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN06: 8,5	KN07: 6,0	KN08: 8,0	7,5	Khá
880	1523801010166	Lê Văn Sơn	Nam	29/01/1997	Đắk Lak	KN01: 7,0	KN02: 5,5	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
881	1525801020004	Hoàng Sơn	Nam	16/11/1997	Đồng Nai	KN01: 5,0	KN02: 10,0	KN05: 6,5	KN06: 8,0	KN09: 8,0	7,5	Khá
882	1525802080012	Nguyễn Trường Sơn	Nam	30/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
883	1623403010211	Hồ Thái Sơn	Nam	24/10/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
884	1623801010292	Phạm Huỳnh Hải Sơn	Nam	27/05/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
885	1625202010208	Hồ Sĩ Sơn	Nam	10/01/1998	Quảng Trị	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 8,5	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
886	1521402020270	Đặng Thị Ngọc Sương	Nữ	04/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN06: 6,0	KN07: 8,5	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
887	1527601010022	Nguyễn Thị Mỹ Sương	Nữ	07/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 10,0	8,0	Giỏi
888	1621402020236	Kỳ Thị Diễm Sương	Nữ	02/10/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 10,0	KN08: 7,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
889	1623801010295	Hồ Thị Huyền Sương	Nữ	29/12/1997	An Giang	KN02: 6,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
890	1523402010186	Nguyễn Vũ Thành Tài	Nam	22/08/1997	Tp HCM	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	8,0	Giỏi
891	1525202010120	Nguyễn Bá Tài	Nam	07/08/1997	Hà Nam	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN06: 8,5	KN07: 9,0	8,0	Giỏi
892	1623401010213	Bùi Hữu Tài	Nam	19/03/1998	Đồng Nai	KN02: 8,0	KN07: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
893	1623801010297	Lâm Phước Tài	Nam	08/11/1998	Cà Mau	KN02: 9,0	KN07: 7,5	KN08: 7,5	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
894	1624801030088	Đinh Tấn Tài	Nam	18/10/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
895	1625202010210	Trần Ngọc Tài	Nam	28/03/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 6,5	KN08: 9,0	KN09: 7,0	KN10: 6,0	7,0	Khá
896	1621402180053	Bùi Ba Tàu	Nam	28/02/1997	Bình Dương	KN02: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 9,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
897	1521401010039	Đỗ Thị Thanh Tâm	Nữ	16/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
898	1521402010141	Tô Nữ Thanh Tâm	Nữ	02/01/1997	Gia Lai	KN01: 6,0	KN02: 9,0	KN06: 7,5	KN07: 7,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
899	1521402170157	Hà Văn Tâm	Nam	05/08/1996	Daklak	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
900	1521402180017	Trần Thị Minh Tâm	Nữ	12/09/1996	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN05: 10,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,5	Xuất sắc
901	1523401010110	Hồ Tuyết Tâm	Nữ	12/08/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN08: 8,5	KN09: 7,5	8,0	Giỏi
902	1523403010018	Đinh Thị Thanh Tâm	Nữ	05/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
903	1523403010223	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Nữ	02/05/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
904	1525802080009	Nguyễn Minh Tâm	Nam	12/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 8,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
905	1622202010188	Ngô Thị Minh Tâm	Nữ	27/04/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
906	1622202010191	Trần Văn Tâm	Nam	02/01/1998	Tây Ninh	KN02: 7,0	KN07: 5,0	KN08: 10,0	KN09: 10,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
907	1623401010215	Bồ Thanh Tâm	Nam	03/05/1998	Bình Phước	KN02: 6,5	KN06: 8,0	KN07: 7,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
908	1623401010216	Đỗ Thị Thanh Tâm	Nữ	21/03/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 6,0	7,5	Khá
909	1623403010215	Trần Thị Tâm	Nữ	21/01/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 8,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
910	1624403010049	Đỗ Thị Minh Tâm	Nữ	06/08/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 6,0	KN08: 8,0	KN10: 6,5	7,5	Khá
911	1624801040051	Huỳnh Thanh Tâm	Nam	28/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN04: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
912	1625106010171	Nguyễn Thị Linh Tâm	Nữ	23/4/1997	Bình Dương	KN02: 8,5	KN06: 8,5	KN08: 7,0	KN09: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
913	1523801010325	Nguyễn Thị Kim Tân	Nữ	04/04/1996	Đồng Nai	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN05: 6,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
914	1525802080014	Bùi Thanh Tân	Nam	13/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
915	1621401010037	Lê Minh Tân	Nam	21/01/1998	Bình Dương	KN02: 9,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
916	1623403010216	Dương Thị Tân	Nữ	09/08/1998	Bình Phước	KN02: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
917	1511402190034	Trần Đức Tấn	Nam	20/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN04: 7,0	KN06: 7,5	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
918	1521401010069	Nguyễn Thị Kim Tiên	Nữ	00/00/1996	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
919	1521402010139	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	Nữ	12/06/1997	Bình Thuận	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
920	1521402180016	Huỳnh Thị Thùy Tiên	Nữ	02/08/1996	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN05: 10,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
921	1521402180020	Nguyễn Thị Tiên	Nữ	28/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
922	1523401010158	Phạm Ngọc Kiều Tiên	Nữ	08/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN03: 8,0	KN04: 7,0	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
923	1523403010179	Ngô Thu Thùy Tiên	Nữ	26/08/1997	Đồng Nai	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN06: 6,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
924	1621402010176	Lê Thị Cẩm Tiên	Nữ	28/11/1997	Bình Thuận	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
925	1623801010303	Nguyễn Thị Tiên	Nữ	17/04/1997	Tây Ninh	KN02: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
926	1625106010205	Võ Thị Cẩm Tiên	Nữ	5/5/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 9,5	KN10: 7,5	9,0	Xuất sắc

AN

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
927	1628501010087	Trần Thị Thùy Tiên	Nữ	29/08/1998	Bình Phước	KN02: 6,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
928	1525801050027	Mai Thu Kiều Tiên	Nữ	07/04/1997	Tây Ninh	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 6,0	7,5	Khá
929	1624801030092	Nguyễn Thanh Tiên	Nam	10/07/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 6,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
930	1621401010039	Trần Thị Tiên	Nữ	05/12/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 7,5	KN09: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
931	1523801010021	Nguyễn Trường Tiên	Nam	21/10/1997	Phú Yên	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN08: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
932	1523801010022	Trần Ngọc Tiên	Nam	09/10/1996	Quảng Ngãi	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN06: 8,0	KN09: 10,0	8,5	Giỏi
933	1525106010048	Phạm Minh Tiến	Nam	05/06/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 10,0	KN03: 9,0	KN06: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
934	1623102050076	Lê Nhật Tiến	Nam	07/01/1996	Bình Dương	KN02: 8,0	KN07: 9,0	KN08: 9,5	KN09: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
935	1623401010223	Nguyễn Minh Tiến	Nam	01/11/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
936	1624403010072	Nguyễn Văn Tiến	Nam	22/3/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN09: 7,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
937	1522202010056	Nguyễn Văn Tín	Nam	24/01/1997	Đồng Tháp	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN06: 10,0	KN08: 8,0	KN09: 8,5	8,5	Giỏi
938	1622202010195	Hồ Trung Tín	Nam	23/01/1994	Tiền Giang	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
939	1623401010225	Phạm Thị Tình	Nữ	01/05/1998	Nghê An	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
940	1523801010107	Nguyễn Khắc Toàn	Nam	07/11/1997	Bình Phước	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
941	1623401010336	Phạm Hữu Toàn	Nam	24/7/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 7,0	KN03: 6,0	KN05: 9,0	KN08: 6,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
942	1623402010144	Nguyễn Minh Toàn	Nam	16/10/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN06: 9,5	KN08: 10,0	KN09: 8,5	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
943	1624801030094	Nguyễn Văn Toàn	Nam	27/09/1998	Thái Bình	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
944	1625202010224	Nguyễn Bá Toàn	Nam	28/03/1998	Bình Thuận	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
945	1625801020074	Nguyễn Bảo Tổ	Nam	18/03/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 6,5	KN06: 9,5	KN08: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
946	1623801010309	Phan Văn Tới	Nam	18/10/1998	Bình Phước	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN09: 9,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc

Handwritten signature

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
947	1515103010097	Nguyễn Huỳnh Anh Tú	Nam	05/08/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02: 9,5	KN04 9,5	KN05. 7,5	KN06 9,0	8,5	Giỏi
948	1524403010019	Nguyễn Thành Tú	Nam	01/03/1996	Bình Dương	KN01 8,5	KN02: 8,5	KN03 8,5	KN05 8,0	KN08 7,0	8,0	Giỏi
949	1622202010197	Dương Lê Thanh Tú	Nữ	21/10/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN06: 9,0	KN08 8,5	KN09 9,0	KN10 9,5	9,0	Xuất sắc
950	1622202040060	Đông Thanh Tú	Nữ	26/09/1998	Bình Phước	KN02. 8,0	KN07: 9,0	KN08 9,5	KN09. 9,0	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
951	1622202040061	Võ Cẩm Tú	Nữ	19/08/1998	Quang Nam	KN02 7,5	KN05: 7,0	KN06 8,0	KN08 9,5	KN10 8,5	8,0	Giỏi
952	1622202040062	Vũ Thị Cẩm Tú	Nữ	01/03/1998	Bình Dương	KN02. 8,0	KN06: 9,0	KN07 8,5	KN08 8,5	KN10 9,5	8,5	Giỏi
953	1623801010310	Dương Quốc Tuấn Tú	Nam	18/10/1997	Daklak	KN02 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08 9,5	KN10 8,5	8,5	Giỏi
954	1523401010198	Trần Minh Tuấn	Nam	28/12/1997	Bình Dương	KN01 7,5	KN02: 8,5	KN05: 9,0	KN08. 9,0	KN09 9,5	8,5	Giỏi
955	1523401010217	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	02/12/1997	Đồng Nai	KN01 6,5	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN08 8,0	KN10 6,0	7,5	Khá
956	1525202010127	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	25/04/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02: 9,0	KN05: 6,5	KN06 9,0	KN08 10,0	8,5	Giỏi
957	1622202010198	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	Nam	18/11/1998	Vũng Tàu	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN08 8,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi
958	1622202010199	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	27/07/1998	Bình Dương	KN02 8,5	KN05. 9,5	KN06: 8,0	KN08 9,0	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
959	1623102050079	Phạm Văn Tuấn	Nam	12/01/1998	Bình Dương	KN02. 8,0	KN07: 8,5	KN08: 10,0	KN09 7,5	KN10. 8,0	8,5	Giỏi
960	1623401010230	Nguyễn Trương Minh Tuấn	Nam	05/10/1998	Long An	KN02 8,5	KN06 10,0	KN08 8,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
961	1624801030123	Châu Quốc Tuấn	Nam	5/4/1998	Bình Dương	KN02 7,0	KN05 6,0	KN06 8,0	KN08 6,5	KN10 8,0	7,0	Khá
962	1625106010179	Hoàng Anh Tuấn	Nam	10/2/1998	Thanh Hóa	KN02 7,0	KN06 7,5	KN07 9,0	KN08 10,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
963	1625202010227	Cái Anh Tuấn	Nam	13/04/1998	Bình Dương	KN02. 7,5	KN06: 6,5	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10. 9,5	8,0	Giỏi
964	1625202010229	Hoàng Tuấn Tuấn	Nam	17/08/1998	An Giang	KN02 6,0	KN06: 8,0	KN07 7,5	KN08 7,0	KN10 9,5	7,5	Khá
965	1625202010236	Phạm Thanh Tuấn	Nam	17/12/1998	Bình Dương	KN02. 7,0	KN06 8,0	KN08. 9,5	KN09 8,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi
966	1625202010239	Trương Nguyễn Anh Tuấn	Nam	22/08/1998	Tp HCM	KN02 7,5	KN03 8,0	KN07 7,0	KN08 8,0	KN10 7,0	7,5	Khá
967	1624801030097	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	29/03/1998	Bình Dương	KN02 7,0	KN05 7,0	KN06 7,5	KN08 9,0	KN10 9,0	8,0	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
968	1511402190031	Nguyễn Đoàn Cẩm Tuyền	Nữ	06/08/1997	Đồng Nai	KN01: 8,0	KN02: 10,0	KN03: 6,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	8,0	Giỏi
969	1521401010104	Lưu Thị Tuyền	Nữ	15/01/1996	Ninh Thuận	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
970	1522202010097	Trinh Thị Mộng Tuyền	Nữ	20/03/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 9,5	KN08: 8,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
971	1522202010236	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Nữ	28/01/1997	Tây Ninh	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 7,0	KN08: 9,0	8,0	Giỏi
972	1523403010020	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nữ	07/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN06: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
973	1523403010115	Vũ Thị Mông Tuyền	Nữ	21/03/1997	Đồng Nai	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 7,0	KN07: 7,0	7,5	Khá
974	1523403010130	Huỳnh Thị Mỹ Tuyền	Nữ	09/01/1997	Ninh Thuận	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
975	1528501010069	Trần Vương Thanh Tuyền	Nữ	23/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 7,0	8,5	Giỏi
976	1621402020248	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nữ	12/03/1993	Đaklak	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 5,5	7,5	Khá
977	1621402020250	Trần Thị Xuân Tuyền	Nữ	26/03/1998	Ninh Thuận	KN02: 8,0	KN05: 6,5	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
978	1621402170084	Nguyễn Thị Mông Tuyền	Nữ	23/09/1998	Tây Ninh	KN02: 7,5	KN07: 7,5	KN08: 7,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
979	1623401010232	Đinh Ngọc Bội Tuyền	Nữ	11/12/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
980	1623403010226	Ngô Thị Thanh Tuyền	Nữ	08/07/1998	An Giang	KN05: 8,0	KN07: 7,5	KN08: 9,5	KN09: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
981	1623403010228	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nữ	24/08/1998	Bình Định	KN02: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 9,5	KN08: 10,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
982	1624401120190	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	Nữ	22/09/1998	Quảng Ngãi	KN02: 7,0	KN05: 6,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
983	1625106010123	Lý Thanh Tuyền	Nữ	14/01/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
984	1625802080105	Huỳnh Thanh Tuyền	Nữ	20/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 7,5	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
985	1521402010127	Nguyễn Thị Diệu Tuyền	Nữ	09/12/1995	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN06: 8,0	KN07: 8,5	KN08: 10,0	9,0	Xuất sắc
986	1523801010029	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nữ	04/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 6,0	KN06: 8,0	8,0	Giỏi
987	1622202040064	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nữ	29/06/1998	Bình Phước	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
988	1624401120120	Lê Thị Mỹ Tuyết	Nữ	01/01/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN03: 10,0	KN08: 9,5	KN09: 7,5	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc

An

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
989	1624601010086	Nguyễn Thị Hồng Tươi	Nữ	08/12/1998	Bình Dương	KN02: 6,5	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
990	1624601010120	Nguyễn Thị Tươi	Nữ	12/4/1997	Thanh Hóa	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
991	1624801030098	Nguyễn Hữu Tường	Nam	16/09/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN07: 10,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
992	1521402010019	Nguyễn Thị Ngọc Tỳ	Nữ	13/09/1996	Bến Tre	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	KN08: 9,6	8,0	Giỏi
993	1522202010196	Nguyễn Thanh Tỳ	Nữ	24/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
994	1624401120123	Nguyễn Vũ Hoàng Thái	Nam	12/04/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
995	1521402010029	Vũ Thị Thanh Thanh	Nữ	25/06/1996	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN05: 8,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
996	1522202010088	Nguyễn Thị Hồng Thanh	Nữ	19/11/1997	Quảng Ngãi	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN06: 8,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
997	1523403010168	Ngô Thị Phương Thanh	Nữ	26/08/1997	Đồng Nai	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN06: 6,5	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
998	1525106010040	Nguyễn Phương Thanh	Nữ	01/09/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 10,0	KN03: 10,0	KN06: 9,0	KN10: 10,0	9,5	Xuất sắc
999	1525801020008	Nguyễn Quế Thanh	Nữ	23/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 9,5	KN06: 9,5	8,5	Giỏi
1000	1623401010240	Hoàng Thị Kim Thanh	Nữ	16/04/1998	Đăklăk	KN02: 8,5	KN03: 10,0	KN05: 9,5	KN08: 9,0	KN10: 8,0	9,0	Xuất sắc
1001	1623401010241	Nguyễn Lan Thanh	Nữ	13/03/1998	Quảng Ngãi	KN02: 6,0	KN05: 9,5	KN06: 7,5	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1002	1623401010242	Nguyễn Nguyễn Băng Thanh	Nữ	23/08/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN07: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1003	1623401010246	Vũ Thị Thanh	Nữ	10/02/1998	Phú Thọ	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1004	1623402010152	Trần Thị Yến Thanh	Nữ	18/01/1998	Hà Tĩnh	KN02: 9,5	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1005	1623403010230	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	Nữ	11/12/1998	Nam Định	KN02: 8,0	KN06: 6,5	KN08: 8,0	KN09: 8,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1006	1623801010324	Lê Thị Thanh	Nữ	20/03/1998	Bình Phước	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1007	1628501010100	Trương Ngọc Thanh	Nam	27/10/1998	Đồng Nai	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN05: 7,5	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1008	1523402010037	Hoàng Văn Thành	Nam	01/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 10,0	KN03: 10,0	KN04: 9,5	KN06: 7,5	9,0	Xuất sắc
1009	1524801040087	Phạm Xuân Thành	Nam	22/05/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN09: 8,5	8,5	Giỏi

Av

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1010	1621402180060	Đoàn Khánh Thành	Nam	22/10/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN05 8,0	KN06 8,0	KN08 8,0	KN10 7,5	8,0	Giỏi
1011	1623401010247	Huỳnh Hiệp Thành	Nam	13/02/1997	Bình Dương	KN02 7,5	KN05 8,0	KN07 8,0	KN08 7,5	KN10 8,0	8,0	Giỏi
1012	1623402010153	Phạm Ngọc Công Thành	Nam	16/12/1998	Tp Hồ Chí Minh	KN02 7,0	KN06 9,0	KN08 7,5	KN09 8,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi
1013	1624403010054	Bùi Hoàng Thành	Nam	14/11/1998	Bình Dương	KN02 9,0	KN05 7,5	KN06 8,0	KN08 8,0	KN10 8,0	8,0	Giỏi
1014	1624801040061	Trình Trọng Thành	Nam	27/06/1998	Tp Hồ Chí Minh	KN02 7,0	KN05 7,5	KN08 7,0	KN09 7,5	KN10 10,0	8,0	Giỏi
1015	1628501010101	Huỳnh Thế Thành	Nam	29/12/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN03 8,5	KN05 7,0	KN08 10,0	KN10 9,0	8,5	Giỏi
1016	1623801010328	Nguyễn Thị Thành	Nữ	16/12/1998	Đàklak	KN02 8,0	KN05 9,0	KN06 7,5	KN08 7,0	KN10 8,5	8,0	Giỏi
1017	1521402010173	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Nữ	29/05/1997	Lâm Đồng	KN01 7,5	KN02 9,5	KN05 8,5	KN06 6,5	KN08 9,5	8,5	Giỏi
1018	1521402010183	Hứa Thị Thanh Thảo	Nữ	27/11/1997	Long An	KN01 7,0	KN02 8,0	KN03 8,0	KN05 8,5	KN06 8,0	8,0	Giỏi
1019	1521402020223	Hoàng Thị Thảo	Nữ	18/02/1997	Hà Tĩnh	KN01 7,0	KN02 8,0	KN05 7,0	KN06 8,0	KN07 9,0	8,0	Giỏi
1020	1521402020258	Nguyễn Thị Lan Thảo	Nữ	26/06/1997	Đăklăk	KN01 8,5	KN02 9,0	KN07 9,0	KN08 10,0	KN10 9,0	9,0	Xuất sắc
1021	1522202010025	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	31/12/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 7,5	KN08 8,5	KN09 8,5	KN10 9,0	8,5	Giỏi
1022	1522202010027	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	05/05/1997	Tiền Giang	KN01 8,0	KN02 6,5	KN03 8,5	KN05 7,0	KN10 10,0	8,0	Giỏi
1023	1522202010030	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	08/03/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 9,5	KN05 7,5	KN08 10,0	KN10 9,0	9,0	Xuất sắc
1024	1522202010065	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	12/08/1997	Ninh Bình	KN01 7,5	KN02 9,5	KN03 7,0	KN04 7,0	KN10 6,0	7,5	Khá
1025	1522202010069	Lê Thị Thảo	Nữ	21/08/1997	Thanh Hóa	KN01 8,0	KN02 7,0	KN05 8,5	KN07 9,0	KN10 9,5	8,5	Giỏi
1026	1523401010140	Phạm Phương Thảo	Nữ	10/11/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 6,5	KN03 8,0	KN06 8,0	KN08 8,5	8,0	Giỏi
1027	1523403010050	Nguyễn Hà Phương Thảo	Nữ	09/04/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 8,0	KN08 9,0	KN09 9,0	KN10 9,5	8,5	Giỏi
1028	1523801010217	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	29/01/1997	Đăk Lăk	KN01 9,0	KN02 8,0	KN03 9,0	KN05 7,5	KN06 8,5	8,5	Giỏi
1029	1621401010042	Lê Thị Hoàng Thảo	Nữ	31/10/1998	Bình Dương	KN02 9,5	KN05 8,0	KN06 8,0	KN08 8,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
1030	1621401010044	Trần Thị Thanh Thảo	Nữ	21/04/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN07 8,0	KN08 7,5	KN09 8,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi

4

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1031	1621402010191	Đinh Thị Phương Thảo	Nữ	17/04/1998	Nghê An	KN02 6,0	KN05: 9,0	KN06 8,0	KN08 10,0	KN10 9,0	8,5	Giỏi
1032	1621402020260	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	04/09/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05 9,0	KN06: 8,0	KN08: 6,5	KN10 9,0	8,0	Giỏi
1033	1621402020262	Nguyễn Thị Bích Thảo	Nữ	05/06/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN05 10,0	KN06: 8,0	KN08 7,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1034	1621402020264	Nguyễn Thị Như Thảo	Nữ	01/06/1998	Bình Dương	KN02 8,5	KN05: 9,0	KN06 8,5	KN08 6,5	KN10 9,5	8,5	Giỏi
1035	1621402020269	Trần Thu Thảo	Nữ	14/04/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN08 6,5	KN10 9,0	8,5	Giỏi
1036	1621402170089	Nông Thị Thảo	Nữ	03/02/1998	Bình Phước	KN02 9,5	KN03 9,0	KN06 8,0	KN08 7,5	KN10 9,0	8,5	Giỏi
1037	1622202010206	Bùi Nguyễn Dạ Thảo	Nữ	14/12/1998	Bình Dương	KN02 6,5	KN05 7,0	KN06 8,0	KN08 8,5	KN10: 8,5	7,5	Khá
1038	1622202010216	Trịnh Ngọc Thảo	Nữ	17/04/1998	Tp.Hcm	KN02: 8,0	KN05: 6,5	KN06: 8,5	KN08 8,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi
1039	1623401010252	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	22/03/1998	Bình Dương	KN02 10,0	KN05: 9,0	KN06: 7,5	KN08 8,5	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
1040	1623401010254	Trần Thị Phương Thảo	Nữ	20/10/1998	Ninh Thuận	KN02 7,5	KN05 9,0	KN07 9,0	KN08 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1041	1623401010255	Trần Thị Phương Thảo	Nữ	22/10/1998	Bình Dương	KN02 7,0	KN05: 8,0	KN06 9,0	KN08 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1042	1623401010258	Trương Thị Thu Thảo	Nữ	19/02/1998	Quảng Ngãi	KN02 8,0	KN06: 7,5	KN08: 9,0	KN09 8,5	KN10 6,0	8,0	Giỏi
1043	1623403010235	Nguyễn Như Thảo	Nữ	18/01/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05 6,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10 10,0	7,5	Khá
1044	1623801010329	Đỗ Thị Thanh Thảo	Nữ	07/05/1998	Bình Phước	KN02 7,0	KN03 8,0	KN05 8,5	KN08 9,0	KN10 8,0	8,0	Giỏi
1045	1624401120126	Dương Hồng Thảo	Nữ	11/01/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 9,5	KN08 7,5	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
1046	1624401120128	Điêu Thị Thảo	Nữ	14/01/1996	Bình Phước	KN02 7,0	KN06 8,0	KN08: 10,0	KN09 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1047	1624601010090	Đinh Thị Phương Thảo	Nữ	09/10/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN06 8,0	KN08 9,5	KN09 8,0	KN10 9,5	8,5	Giỏi
1048	1624601010093	Phạm Thu Thảo	Nữ	04/03/1998	Thái Bình	KN02 7,0	KN07: 7,5	KN08: 10,0	KN09 9,0	KN10 9,0	8,5	Giỏi
1049	1625106010127	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	30/07/1998	Bình Dương	KN02 8,5	KN05 7,5	KN06: 8,0	KN08 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1050	1625801020081	Ngô Thùy Phương Thảo	Nữ	27/04/1998	Bình Phước	KN02: 9,5	KN05 9,0	KN06: 9,5	KN08 9,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1051	1523401010017	Nguyễn Hồng Thảo	Nữ	22/07/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 7,0	KN06 6,5	KN09 8,0	KN10 10,0	8,0	Giỏi

Handwritten signature

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1052	1523401010040	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	12/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN07: 9,0	KN09: 6,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1053	1622202040089	Huỳnh Thị Ngọc Thắm	Nữ	16/08/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 7,0	KN07: 7,5	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1054	1521402180050	Vũ Văn Thắng	Nam	04/02/1996	Sông Bé	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 9,0	8,0	Giỏi
1055	1624801030103	Nguyễn Hữu Thắng	Nam	29/06/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1056	1525106010113	Lê Thị Út Thêm	Nữ	22/09/1997	Bình Định	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1057	1523801010183	Võ Thị Bảo Thi	Nữ	07/11/1997	Gia Lai	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN07: 8,0	KN09: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1058	1524403010086	Phạm Lê Kim Thi	Nữ	28/01/1997	Tây Ninh	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	8,0	Giỏi
1059	1623801010338	Lê Thị Thi	Nữ	28/02/1998	Quảng Ngãi	KN02: 8,5	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1060	1528501010016	Nguyễn Đình Thiên	Nam	05/10/1997	Thanh Hóa	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 6,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
1061	1524403010097	Nguyễn Văn Thiên	Nam	22/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN05: 6,5	KN06: 8,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1062	1524801030068	Nguyễn Minh Thiện	Nam	16/03/1997	Tp. HCM	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN04: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	7,5	Khá
1063	1623801010340	Đỗ Quốc Thiên	Nam	16/04/1998	Bình Thuận	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1064	1624801030105	Phạm Nguyễn Hữu Thiện	Nam	10/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
1065	1625202010260	Trần Duy Thiện	Nam	07/12/1997	Bình Định	KN02: 7,0	KN06: 7,5	KN08: 10,0	KN09: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1066	1627601010054	Mai Minh Thiện	Nam	26/08/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1067	1523402010146	Nguyễn Đạt Thịnh	Nam	30/07/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
1068	1624801030131	Phan Văn Thịnh	Nam	9/5/1998	Nghệ An	KN02: 8,0	KN07: 9,0	KN08: 9,5	KN09: 7,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1069	1624801040062	La Ngọc Phú Thịnh	Nữ	26/10/1998	Bình Dương	KN02: 5,0	KN03: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 8,0	KN10: 7,0	7,0	Khá
1070	1625802080116	Lê Quốc Thịnh	Nam	27/06/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN05: 8,5	KN06: 7,0	KN08: 7,0	7,5	Khá
1071	1525801020020	Nguyễn Tấn Tho	Nam	12/09/1997	Tây Ninh	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN08: 7,0	KN09: 8,0	7,5	Khá
1072	1521402170160	Cù Thị Kim Thoa	Nữ	22/06/1997	Bến Tre	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 10,0	KN09: 9,5	8,5	Giỏi

AN

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1073	1525106010032	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	19/11/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02: 8,0	KN03 8,0	KN06: 9,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
1074	1621402010199	Chu Phan Kim Thoa	Nữ	02/05/1998	Bình Dương	KN02 7,0	KN03: 8,0	KN05 9,0	KN08 9,0	KN10 7,5	8,0	Giỏi
1075	1621402170095	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	08/08/1997	Quảng Nam	KN02: 7,0	KN05: 5,0	KN06 7,5	KN08: 7,0	KN10: 7,0	6,5	Trung bình khá
1076	1523801010370	Nguyễn Đắc Thông	Nam	01/03/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 7,5	KN05 6,0	KN07 6,0	KN10: 10,0	7,5	Khá
1077	1525802080037	Nguyễn Minh Thông	Nam	04/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN08: 7,0	KN10 9,5	8,0	Giỏi
1078	1625202010263	Trần Văn Thông	Nam	16/01/1998	Quảng Ngãi	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08 10,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1079	1623801010478	Hiền Minh Thông	Nam	16/01/1997	Quảng Nam	KN02 7,0	KN03 9,0	KN06: 6,0	KN08: 9,0	KN10 9,0	8,0	Giỏi
1080	1521402010135	Nguyễn Thị Thơ	Nữ	21/12/1996	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 7,0	KN06: 8,0	KN08 6,0	KN09 8,0	7,5	Khá
1081	1523801010284	Nguyễn Anh Thơ	Nữ	16/12/1997	Đăklăk	KN01 7,5	KN02: 7,0	KN05 9,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
1082	1525801050037	Ngô Hoàng Thơ	Nữ	22/06/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	8,0	Giỏi
1083	1621402010201	Thượng Thành Thơ	Nữ	20/09/1997	Bình Dương	KN02 9,0	KN05: 6,5	KN06 8,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1084	1623401010266	Nguyễn Minh Anh Thơ	Nữ	08/04/1998	Bình Dương	KN02 9,0	KN05 9,0	KN06: 9,0	KN08 6,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1085	1621402010202	Nguyễn Thị Thơm	Nữ	15/05/1998	Hà Tĩnh	KN02 8,0	KN06 6,5	KN08: 6,5	KN09 9,0	KN10 8,0	7,5	Khá
1086	1521402020143	Vũ Thị Thu	Nữ	14/09/1997	Thanh Hóa	KN01 7,0	KN02: 7,5	KN05: 6,0	KN06 7,0	KN09 9,0	7,5	Khá
1087	1521402170064	Nguyễn Thị Thu	Nữ	17/02/1997	Bình Thuận	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN04: 7,0	KN06: 9,0	KN09 8,5	8,5	Giỏi
1088	1522202010026	Thái Ngọc Thu	Nữ	07/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02 8,0	KN03 7,5	KN09 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1089	1522202010063	Nguyễn Thị Lê Thu	Nữ	09/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN08: 7,5	KN09: 7,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
1090	1522202010084	Hoàng Thị Hồng Thu	Nữ	28/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN04: 7,0	KN06: 8,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1091	1523401010196	Vũ Thị Yến Thu	Nữ	14/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1092	1528501010132	Lê Thị Thu	Nữ	27/06/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02: 8,0	KN08 8,5	KN09 8,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi
1093	1621402020278	Phạm Thị Cẩm Thu	Nữ	08/02/1998	Tiền Giang	KN02: 9,0	KN05 8,0	KN06: 8,0	KN08: 6,0	KN10: 7,0	7,5	Khá

4

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1094	1622202010225	Trần Thị Hồng Thu	Nữ	08/12/1998	Bình Định	KN02: 6,5	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1095	1623403010247	Vũ Thị Hương Thu	Nữ	11/12/1998	Nam Định	KN02: 9,0	KN06: 7,0	KN08: 7,5	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1096	1627601010070	Nguyễn Thị Thu	Nữ	10/1/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN06: 10,0	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1097	1523401010012	Nguyễn Tứ Thủ	Nam	18/12/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN06: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1098	1524403010083	Phạm Thế Thuận	Nam	07/01/1997	Bình Phước	KN01: 7,5	KN02: 6,0	KN05: 6,5	KN06: 7,0	KN10: 10,0	7,5	Khá
1099	1623403010248	Trần Ngọc Thuận	Nữ	30/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 8,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1100	1623801010352	Nguyễn Hoàng Hiếu Thuận	Nam	26/03/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 7,0	KN08: 7,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	7,5	Khá
1101	1623801010536	Trần Văn Thuận	Nam	13/05/1995	Bến Tre	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN07: 5,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1102	1625106010131	Đỗ Thanh Thuận	Nữ	22/10/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1103	1623403010318	Nguyễn Trung Thuật	Nam	22/11/1997	Phú Yên	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 7,0	KN08: 9,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1104	1623402010163	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	01/07/1998	Lâm Đồng	KN02: 7,0	KN07: 8,5	KN08: 9,0	KN09: 9,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1105	1525202010063	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	06/06/1997	Đăklăk	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN04: 7,0	KN07: 8,0	KN09: 9,5	8,0	Giỏi
1106	1521402170129	Phạm Thị Thùy	Nữ	05/05/1995	Nghê An	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 8,0	8,5	Giỏi
1107	1521402170147	La Thị Ngọc Thùy	Nữ	05/10/1995	Ninh Thuận	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
1108	1523402010017	Phạm Thị Thanh Thùy	Nữ	09/12/1996	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN09: 9,0	9,0	Xuất sắc
1109	1524401120085	Đặng Thị Kim Thùy	Nữ	12/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	8,5	Giỏi
1110	1528501010116	Kim Phước Thùy	Nữ	06/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN08: 7,0	KN10: 6,5	7,0	Khá
1111	1621402020360	Nguyễn Thanh Thùy	Nữ	25/10/1998		KN02: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1112	1421402010159	Nguyễn Thị Minh Thùy	Nữ	07/02/1996	Sông Bé	KN01: 7,5	KN02: 6,0	KN03: 7,5	KN06: 7,0	KN07: 6,0	7,0	Khá
1113	1521401010088	Ngô Thanh Thùy	Nữ	21/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1114	1521402020018	Lý Thu Thùy	Nữ	05/07/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN05: 7,0	KN08: 10,0	8,5	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1115	1521402170081	Hoàng Thị Thanh Thủy	Nữ	20/01/1996	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 8,0	KN06 8,5	KN08 7,0	KN09 8,5	8,0	Giỏi
1116	1521402170151	Võ Lê Thanh Thủy	Nữ	02/05/1997	Lâm Đồng	KN01 8,0	KN02 8,0	KN05 9,5	KN06 8,0	KN10 9,0	8,5	Giỏi
1117	1523401010108	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	20/12/1997	Đồng Nai	KN01 9,5	KN02 9,0	KN05 8,0	KN06 7,0	KN07 8,0	8,5	Giỏi
1118	1523401010116	Trương Thị Hồng Thủy	Nữ	28/02/1997	Bình Dương	KN01 8,5	KN02 9,0	KN05 8,5	KN06 9,5	KN07 8,0	8,5	Giỏi
1119	1523801010020	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	09/08/1997	Kon Tum	KN01 8,0	KN02 9,0	KN03 7,5	KN06 9,0	KN08 8,0	8,5	Giỏi
1120	1523801010253	Dương Thị Thủy	Nữ	18/05/1997	Hà Tĩnh	KN01 7,5	KN02 8,0	KN07 8,0	KN08 9,0	KN09 9,0	8,5	Giỏi
1121	1527601010033	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	10/06/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 8,5	KN03 8,5	KN04 7,0	KN06 7,0	8,0	Giỏi
1122	1527601010049	Trần Thị Thủy	Nữ	30/09/1997	Bình Phước	KN01 7,5	KN02 7,5	KN05 6,5	KN08 9,0	KN09 8,0	7,5	Khá
1123	1621402010208	Đoàn Thị Xuân Thủy	Nữ	30/10/1998	Quảng Ngãi	KN02 7,0	KN06 8,5	KN08 8,0	KN09 8,0	KN10 8,5	8,0	Giỏi
1124	1621402010210	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	27/01/1997	Quảng Ngãi	KN02 7,5	KN06 8,0	KN08 9,0	KN09 8,5	KN10 7,5	8,0	Giỏi
1125	1623401010272	Phạm Thu Thủy	Nữ	02/02/1998	Bình Dương	KN02 7,0	KN05 8,0	KN06 9,0	KN08 9,0	KN10 8,5	8,5	Giỏi
1126	1623401010273	Trần Thị Thu Thủy	Nữ	07/12/1998	Bình Dương	KN02 7,0	KN05 8,5	KN06 9,0	KN08 9,0	KN10 8,5	8,5	Giỏi
1127	1623403010252	Võ Thị Thanh Thủy	Nữ	17/10/1998	Bình Dương	KN02 7,5	KN06 8,0	KN08 8,0	KN09 9,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
1128	1624401120135	Đinh Thị Thủy	Nữ	26/01/1998	Quảng Bình	KN02 9,0	KN06 9,0	KN07 8,5	KN08 9,0	KN10 8,0	8,5	Giỏi
1129	1521402020117	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	25/06/1997	Lâm Đồng	KN01 7,5	KN02 9,0	KN03 9,0	KN06 8,0	KN08 8,0	8,5	Giỏi
1130	1521402170003	Lâm Ngọc Thủy	Nữ	10/02/1996	Ninh Thuận	KN01 9,0	KN02 8,5	KN03 9,0	KN06 9,0	KN08 9,0	9,0	Xuất sắc
1131	1523403010072	Trần Thị Diễm Thủy	Nữ	16/06/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 8,0	KN07 8,0	KN08 9,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi
1132	1523801010208	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	27/04/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 7,5	KN06 7,5	KN08 9,5	KN10 8,5	8,0	Giỏi
1133	1523801010298	Phạm Thị Ngọc Thủy	Nữ	02/04/1997	Đăklăk	KN01 7,0	KN02 7,5	KN06 8,0	KN08 9,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi
1134	1622202040094	Nguyễn Thị Diễm Thủy	Nữ	08/06/1996	An Giang	KN02 7,5	KN03 9,0	KN06 8,0	KN08 8,0	KN10 8,0	8,0	Giỏi
1135	1623403010255	Trần Thị Kim Thủy	Nữ	29/05/1998	Bình Định	KN02 8,0	KN06 9,0	KN08 7,5	KN09 8,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
1136	1625106010135	Lê Thị Thủy	Nữ	03/08/1998	Thanh Hóa	KN02 8,0	KN03 9,0	KN08 10,0	KN09 9,5	KN10 10,0	9,5	Xuất sắc

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1137	1622202040070	Nguyễn Thị Bích Thuần	Nữ	14/06/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN07: 9,0	KN08: 9,5	KN09: 7,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
1138	1522202010247	Võ Thị Anh Thư	Nữ	04/03/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN05: 6,0	KN07: 8,0	KN09: 8,0	7,0	Khá
1139	1523402010173	Nguyễn Anh Thư	Nữ	30/09/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN08: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1140	1523403010156	Trần Thị Minh Thư	Nữ	15/09/1997	Nghệ An	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1141	1528501010131	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	19/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1142	1621402020294	Nguyễn Thị Phương Thư	Nữ	14/11/1998	Tp HCM	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 5,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
1143	1621402020295	Tô Vũ Anh Thư	Nữ	15/07/1998	Tp Hồ Chí Minh	KN02: 9,0	KN05: 9,5	KN06: 7,5	KN08: 9,5	KN10: 6,0	8,5	Giỏi
1144	1621402170099	Đào Thị Anh Thư	Nữ	20/10/1998	Long An	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1145	1623401010278	Đỗ Thị Minh Thư	Nữ	19/09/1998	Tiền Giang	KN02: 6,0	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1146	1623401010279	Nguyễn Thị Ánh Thư	Nữ	06/11/1998	Bến Tre	KN02: 9,0	KN06: 9,5	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1147	1623801010362	Lê Thị Anh Thư	Nữ	30/01/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1148	1623801010364	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	10/06/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1149	1625106010138	Nguyễn Thị Ánh Thư	Nữ	20/11/1998	Đồng Tháp	KN02: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1150	1623801010365	Huỳnh Trọng Thức	Nam	24/11/1998	Cà Mau	KN02: 7,0	KN06: 6,0	KN08: 6,0	KN09: 8,0	KN10: 9,5	7,5	Khá
1151	1623801010366	Phan Trí Thức	Nam	16/01/1997	Tây Ninh	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 6,0	KN09: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1152	1521402170119	Lê Thị Hoài Thương	Nữ	06/04/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	8,0	Giỏi
1153	1521402170143	Nguyễn Thị Thương	Nữ	07/09/1995	Quảng Bình	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	7,5	Khá
1154	1523403010006	Bùi Thị Ngọc Thương	Nữ	30/08/1997	Bến Tre	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 8,5	KN06: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1155	1621401010066	Lê Thị Phương Thương	Nữ	27/10/1998	Quảng Ngãi	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1156	1621402010216	Trần Thị Hoài Thương	Nữ	28/04/1998	Đồng Nai	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN08: 7,0	KN09: 8,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
1157	1622202010237	Nguyễn Thị Thương	Nữ	11/07/1998	Thanh Hóa	KN02: 9,0	KN05: 10,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 7,0	9,0	Xuất sắc

Star

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1158	1622202010239	Trần Thị Hoài Thương	Nữ	20/05/1998	Đăk Nông	KN02 7,5	KN06 8,0	KN08 8,0	KN09 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1159	1623403010258	Bùi Thị Thương Thương	Nữ	20/04/1998	Đăklăk	KN02 6,5	KN05 6,5	KN06 8,0	KN08 8,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
1160	1623403010259	Cao Hoài Thương	Nam	30/10/1998	Bình Dương	KN02 9,0	KN03 9,0	KN06 8,0	KN08 7,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1161	1623403010260	Đàm Thị Hoài Thương	Nữ	13/01/1998	Bình Phước	KN02 7,0	KN05 8,0	KN08 9,5	KN09 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1162	1623403010265	Trinh Thị Thương	Nữ	24/03/1998	Bình Phước	KN02 7,5	KN05 7,5	KN06 8,5	KN08 9,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
1163	1623801010369	Nguyễn Như Thương Thương	Nữ	27/07/1998	Bình Phước	KN02 7,0	KN07 7,0	KN08 8,0	KN09 9,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1164	1623801010370	Thái Thị Thu Thương	Nữ	17/03/1998	Kon Tum	KN02 8,0	KN07 10,0	KN08 7,5	KN09 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1165	1624401120142	Phan Thị Mỹ Thương	Nữ	02/06/1998	Phú Yên	KN02 8,0	KN05 7,0	KN06 9,5	KN08 7,0	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
1166	1522202040013	Trương Thị Yến Thy	Nữ	23/02/1997	Bình Dương	KN01 6,5	KN02 9,0	KN03 8,0	KN04 7,5	KN06 9,0	8,0	Giỏi
1167	1522202040018	Trần Đỗ Mai Thy	Nữ	10/04/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 7,0	KN05 8,0	KN07 8,0	KN10 9,5	8,0	Giỏi
1168	1523401010124	Phạm Thị Cẩm Thy	Nữ	28/06/1997	Tây Ninh	KN01 9,0	KN02 9,0	KN05 8,0	KN06 9,5	KN07 7,5	8,5	Giỏi
1169	1523801010215	Dương Thy Thy	Nữ	20/03/1997	Khánh Hòa	KN01 8,5	KN02 9,0	KN03 8,0	KN06 8,5	KN07 7,5	8,5	Giỏi
1170	1525801020011	Trần Hồng Quỳnh Thy	Nữ	21/03/1997	Bình Dương	KN01 7,5	KN02 8,0	KN03 8,5	KN05 6,5	KN06 7,0	7,5	Khá
1171	1622202010241	Hồ Kim Thy	Nữ	15/10/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN07 8,0	KN08 7,5	KN09 8,5	KN10 5,0	7,5	Khá
1172	1622202010242	Huỳnh Thị Thanh Thy	Nữ	16/06/1998	Bình Thuận	KN02 8,5	KN06 8,0	KN07 8,0	KN08 7,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
1173	1622202010243	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	Nữ	26/08/1998	Tp HCM	KN02 8,0	KN03 8,0	KN05 7,0	KN08 8,0	KN10 9,0	8,0	Giỏi
1174	1622202010244	Trần Minh Thy	Nữ	16/04/1998	Bình Dương	KN02 7,0	KN06 9,5	KN07 8,0	KN08 8,0	KN10 7,0	8,0	Giỏi
1175	1623403010266	Nguyễn Thị Hương Trà	Nữ	08/12/1998	Bình Dương	KN02 7,5	KN06 8,0	KN08 8,5	KN09 8,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
1176	1521402010124	Đinh Thị Thu Trang	Nữ	04/09/1997	Tp HCM	KN01 7,0	KN02 6,0	KN03 8,0	KN06 8,0	KN10 7,0	7,0	Khá
1177	1521402020078	Lê Thị Thùy Trang	Nữ	12/11/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 9,0	KN05 6,0	KN06 9,0	KN10 10,0	8,0	Giỏi
1178	1521402170113	Bùi Thị Trang	Nữ	30/11/1997	Đăk Lăk	KN01 8,0	KN02 8,5	KN07 7,0	KN09 8,0	KN10 8,0	8,0	Giỏi

Handwritten signature

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1179	1522202010120	Lê Thị Trang	Nữ	10/07/1997	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 10,0	KN03: 9,5	KN07: 7,5	KN09: 10,0	9,0	Xuất sắc
1180	1523401010058	Nguyễn Trần Văn Trang	Nữ	31/03/1997	Tp Hồ Chí Minh	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN07: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1181	1523401010143	Đặng Thiên Trang	Nữ	13/04/1997	Tây Ninh	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN05: 8,5	KN07: 8,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
1182	1523401010164	Phạm Thị Kiều Trang	Nữ	23/08/1997	Đăklăk	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN04: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1183	1523401010192	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	14/03/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN04: 8,5	KN07: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1184	1523402010106	Hoàng Thị Thùy Trang	Nữ	21/07/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 6,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
1185	1523403010089	Trần Thị Ngọc Trang	Nữ	29/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1186	1523403010129	Phan Thị Trang	Nữ	14/04/1997	Gia Lai	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1187	1523801010147	Ngô Thị Kim Trang	Nữ	09/07/1997	Thanh Hóa	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN06: 10,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,5	Xuất sắc
1188	1523801010331	Trần Thị Như Trang	Nữ	26/04/1997	Bình Phước	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
1189	1523801010335	Trần Thị Trang	Nữ	21/03/1995	Hà Tĩnh	KN01: 8,0	KN02: 6,5	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 6,0	7,5	Khá
1190	1524403010160	Hồ Thị Thủy Trang	Nữ	09/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN06: 7,5	KN10: 6,5	7,5	Khá
1191	1525106010007	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	27/04/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1192	1621402010221	Đoàn Thị Thùy Trang	Nữ	10/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1193	1621402010224	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	05/04/1998	Đồng Nai	KN02: 7,0	KN04: 8,0	KN05: 6,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1194	1621402010225	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	06/10/1998	Ben Tre	KN02: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN09: 9,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
1195	1621402010230	Trần Thị Thu Trang	Nữ	28/09/1996	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1196	1621402020306	Lê Ngọc Thanh Trang	Nữ	26/10/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 7,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1197	1621402020311	Nguyễn Thị Trang	Nữ	23/10/1998	Thanh Hóa	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
1198	1621402020313	Phạm Thị Thùy Trang	Nữ	21/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 9,5	KN08: 8,5	KN09: 7,5	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
1199	1621402020314	Võ Thị Trang	Nữ	07/02/1998	Đaklak	KN02: 7,0	KN07: 9,0	KN08: 6,5	KN09: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1200	1622202010245	Bùi Thị Trang	Nữ	02/03/1998	Thái Bình	KN02 8,0	KN05: 8,0	KN07 8,0	KN08: 8,0	KN10 7,5	8,0	Giỏi
1201	1622202010248	Kiều Huyền Trang	Nữ	04/04/1998	Vĩnh Phúc	KN02 8,0	KN05: 9,5	KN06 9,0	KN08 7,0	KN10 7,0	8,0	Giỏi
1202	1622202010250	Lê Thị Thùy Trang	Nữ	01/07/1998	Bình Dương	KN02 7,0	KN05: 9,5	KN06 8,0	KN08 7,0	KN10 7,5	8,0	Giỏi
1203	1622202010254	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	27/01/1998	Thái Bình	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN07 8,0	KN08: 8,0	KN10 10,0	8,0	Giỏi
1204	1623102050089	Vương Linh Trang	Nữ	29/11/1998	Bình Dương	KN02: 10,0	KN05: 10,0	KN06 8,0	KN08 9,5	KN10: 10,0	9,5	Xuất sắc
1205	1623401010290	Lý Thị Thùy Trang	Nữ	29/11/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1206	1623401010295	Võ Thị Thùy Trang	Nữ	04/11/1998	Bình Dương	KN02: 8,5	KN03 9,0	KN08: 7,0	KN09 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1207	1623403010267	Cao Thị Thùy Trang	Nữ	09/01/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05 8,5	KN06: 8,5	KN08 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1208	1623403010270	Lê Thị Thu Trang	Nữ	03/02/1998	Thanh Hóa	KN02: 9,0	KN07 8,0	KN08: 9,5	KN09: 8,0	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
1209	1623403010271	Lê Thiên Trang	Nữ	02/07/1998	Bình Dương	KN02 7,0	KN07 7,5	KN08 9,0	KN09: 10,0	KN10 9,0	8,5	Giỏi
1210	1623801010379	Lã Thị Huyền Trang	Nữ	21/01/1998	Lâm Đồng	KN02 6,5	KN03 8,0	KN06: 5,0	KN08 9,0	KN10 9,0	7,5	Khá
1211	1623801010382	Lê Thị Trang	Nữ	31/01/1998	Hà Tĩnh	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05 6,0	KN08 10,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
1212	1624401120148	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	25/03/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN04 7,5	KN05 8,5	KN08: 7,5	KN10 10,0	8,0	Giỏi
1213	1624601010099	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	09/06/1997	Bắc Ninh	KN02 6,5	KN03 9,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1214	1624801030108	Lê Thị Thùy Trang	Nữ	26/06/1998	Thanh Hóa	KN02: 8,0	KN05 7,5	KN08: 8,0	KN09 9,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi
1215	1625106010142	Huỳnh Hồng Trang	Nữ	15/02/1997	Tp.Hcm	KN02 9,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN08 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1216	1625106010143	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	10/10/1998	Thanh Hóa	KN02 8,5	KN03: 8,5	KN08: 9,5	KN09: 8,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
1217	1625106010169	Lê Thị Thu Trang	Nữ	24/8/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN09 9,5	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
1218	1521402010147	Hà Thị Thanh Trâm	Nữ	02/08/1996	Quảng Ngãi	KN01 8,5	KN02: 8,0	KN04: 8,5	KN08: 7,5	KN09 9,0	8,5	Giỏi
1219	1521402170051	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	11/05/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 9,0	KN05: 8,0	KN08: 9,5	KN09 9,5	9,0	Xuất sắc

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1220	1521402170121	Bùi Thị Thanh Trâm	Nữ	07/11/1997	Tp HCM	KN01: 5,0	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN07: 7,0	KN08: 7,0	7,0	Khá
1221	1522202010132	Nguyễn Nhật Quỳnh Trâm	Nữ	22/10/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN06: 9,5	KN08: 9,0	KN09: 9,5	9,0	Xuất sắc
1222	1522202040007	Phan Ngọc Bích Trâm	Nữ	17/02/1997	Tp Hồ Chí Minh	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN03: 8,0	KN04: 7,5	KN06: 9,0	8,5	Giỏi
1223	1523403010066	Lê Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ	23/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 7,0	KN07: 8,0	7,5	Khá
1224	1523403010111	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	18/07/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1225	1523403010122	Phạm Huỳnh Bảo Trâm	Nữ	07/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN04: 10,0	KN05: 7,5	KN06: 8,5	8,0	Giỏi
1226	1523801010114	Bùi Thị Trâm	Nữ	28/02/1997	Bình Phước	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 6,5	8,0	Giỏi
1227	1528501010092	Phùng Ngọc Trâm	Nữ	18/07/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1228	1621402010233	Trịnh Thị Minh Trâm	Nữ	16/05/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1229	1621402020315	Hoàng Ngọc Trâm	Nữ	14/07/1998	Thanh Hóa	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1230	1621402020317	Nguyễn Ngọc Mai Trâm	Nữ	07/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1231	1621402020318	Nguyễn Thị Mai Trâm	Nữ	16/10/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 8,5	7,5	Khá
1232	1621402170105	Lê Thị Hồng Trâm	Nữ	06/03/1998	Bình Dương	KN02: 6,0	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 6,0	7,5	Khá
1233	1622202010259	Bùi Ngọc Trâm	Nữ	09/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1234	1623102050090	Huỳnh Dương Ngọc Trâm	Nữ	28/12/1996	Sông Bé	KN02: 9,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1235	1623401010296	Trần Thị Mỹ Trâm	Nữ	26/06/1997	Thừa Thiên Huế	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1236	1623403010278	Đinh Thị Mai Trâm	Nữ	10/04/1997	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 6,5	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
1237	1623403010279	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	19/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1238	1625106010203	Trần Thị Bích Trâm	Nữ	07/08/1998	Trà Vinh	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN07: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1239	1523801010074	Lê Thị Ngọc Trâm	Nữ	05/08/1996	Long An	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 7,5	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
1240	1525106010092	Lê Thị Ngọc Trâm	Nữ	10/11/1995	Long An	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1241	1527601010044	Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ	26/02/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
1242	1621401010050	Huỳnh Thị Ngọc Trâm	Nữ	31/01/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1243	1623403010281	Huỳnh Thị Phương Trâm	Nữ	14/05/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1244	1521402010207	Giur Bảo Trân	Nữ	29/06/1997	Tp HCM	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN05: 7,0	KN09: 7,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1245	1527601010023	Trần Thị Bảo Trân	Nữ	02/10/1997	Tây Ninh	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN06: 7,0	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
1246	1621402170106	Phạm Thị Huyền Trân	Nữ	13/03/1998	Đồng Nai	KN02: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 7,5	7,5	Khá
1247	1622202040080	Lê Hoàng Bảo Trân	Nữ	26/08/1998	Tp Hồ Chí Minh	KN02: 9,0	KN07: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 9,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
1248	1624601010102	Đào Thị Bảo Trân	Nữ	15/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1249	1523401010203	Nguyễn Quốc Trí	Nam	19/05/1997	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
1250	1525202010098	Võ Cao Trí	Nam	06/03/1995	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 10,0	8,0	Giỏi
1251	1621401010052	Nguyễn Bảo Trí	Nam	02/11/1996	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1252	1622202010264	Lê Thị Thanh Trí	Nữ	15/05/1998	Ninh Thuận	KN02: 8,5	KN07: 7,0	KN08: 7,5	KN09: 7,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
1253	1624403010063	Trần Minh Trí	Nam	21/05/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 10,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1254	1624801030110	Võ Minh Trí	Nam	01/08/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
1255	1625106010146	Lê Minh Trí	Nam	18/07/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 8,0	9,0	Xuất sắc
1256	1628501010116	Hồ Quốc Trí	Nam	02/05/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1257	1625202010269	Trần Hải Triều	Nam	22/08/1998	Quảng Trị	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1258	1625801020087	Nguyễn Quốc Triều	Nam	25/08/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,5	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1259	1521402010122	Nguyễn Thị Thu Trinh	Nữ	02/01/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN06: 8,0	KN08: 8,0	KN09: 9,5	8,5	Giỏi
1260	1522202010188	Bùi Thị Diễm Trinh	Nữ	21/10/1997	Bình Thuận	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1261	1523401010085	Ngô Thu Ngọc Trinh	Nữ	20/03/1997	Kiên Giang	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 9,5	KN07: 9,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi

Handwritten signature

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1262	1523403010053	Nguyễn Thị Mộng Trinh	Nữ	30/08/1995	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 8,0	KN06: 7,0	8,0	Giỏi
1263	1525801050082	Đỗ Thị Ngọc Trinh	Nữ	03/11/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	7,5	Khá
1264	1621402010239	Lê Thị Huyền Trinh	Nữ	19/12/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1265	1621402020321	Đỗ Ngọc Trinh	Nữ	04/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1266	1621402020327	Phan Phương Trinh	Nữ	14/07/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1267	1622202010270	Lê Nguyễn Anh Trinh	Nữ	24/03/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 7,5	KN08: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1268	1623401010298	Lê Thiện Hồng Trinh	Nữ	11/02/1998	Tp HCM	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN08: 7,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1269	1623401010299	Nguyễn Lê Trinh	Nữ	20/07/1998	Phú Yên	KN02: 7,5	KN05: 6,5	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 7,5	7,5	Khá
1270	1623401010300	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	Nữ	27/11/1998	Bình Dương	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN05: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1271	1623401010301	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	Nữ	24/03/1998	Tp.Hcm	KN02: 8,5	KN03: 8,5	KN05: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1272	1623801010397	Phạm Thu Mai Trinh	Nữ	06/10/1998	Gia Lai	KN02: 7,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1273	1623102050093	Nguyễn Bảo Trọng	Nam	25/07/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN09: 7,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
1274	1521402010037	Lê Phương Trúc	Nữ	02/11/1995	Bình Dương	KN01: 6,5	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN06: 8,0	KN09: 7,5	8,0	Giỏi
1275	1521402170067	Nguyễn Võ Thanh Trúc	Nữ	23/10/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 8,0	KN09: 10,0	9,0	Xuất sắc
1276	1521402180071	Huỳnh Thị Ngọc Trúc	Nữ	19/08/1997	Dầu Tiếng	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN08: 9,0	KN09: 7,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1277	1523402010205	Mai Thanh Trúc	Nữ	07/08/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 9,0	8,5	Giỏi
1278	1523403010186	Lưu Phạm Thu Thanh Trúc	Nữ	01/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN06: 7,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1279	1523801010101	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	Nữ	30/03/1997	Bình Dương	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1280	1621402010244	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Nữ	08/03/1997	Tây Ninh	KN02: 7,0	KN05: 6,5	KN08: 7,0	KN09: 8,0	KN10: 7,0	7,0	Khá
1281	1621402020332	Trần Thị Mỹ Trúc	Nữ	08/09/1998	Kon Tum	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
1282	1622202010296	Lương Yến Trúc	Nữ	23/06/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1283	1622202040093	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Nữ	13/4/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 9,5	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
1284	1623403010287	Trần Thị Hương Trúc	Nữ	22/12/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 9,5	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1285	1625106010165	Phạm Thị Thanh Trúc	Nữ	25/7/1998	Bình Dương	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 10,0	KN10: 7,0	9,0	Xuất sắc
1286	1625106010206	Nguyễn Thị Nhã Trúc	Nữ	12/12/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1287	1627601010061	Nguyễn Thị Anh Trúc	Nữ	26/11/1997	Đồng Nai	KN02: 7,0	KN05: 6,0	KN08: 7,0	KN09: 8,5	KN10: 9,5	7,5	Khá
1288	1523403010229	Đỗ Trần Trung	Nam	21/09/1997	Bình Phước	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
1289	1524403010070	Phạm Trung	Nam	20/12/1995	Bình Dương	KN01: 10,0	KN02: 5,0	KN05: 6,0	KN06: 9,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1290	1623102050094	Huỳnh Tấn Trung	Nam	04/07/1998	Bình Dương	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 8,5	9,0	Xuất sắc
1291	1623102050095	Nguyễn Minh Trung	Nam	16/02/1997	Tp Hồ Chí Minh	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN07: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1292	1623801010403	Lê Quốc Trung	Nam	29/01/1998	Ninh Thuận	KN02: 7,0	KN06: 6,0	KN08: 7,0	KN09: 8,5	KN10: 9,0	7,5	Khá
1293	1623801010404	Nguyễn Công Trung	Nam	12/03/1998	Bình Định	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1294	1623801010405	Nguyễn Thành Trung	Nam	06/11/1998	An Giang	KN02: 7,0	KN06: 7,0	KN08: 6,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	7,5	Khá
1295	1623801010406	Nguyễn Xuân Thành Trung	Nam	09/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1296	1624801030114	Phạm Văn Trung	Nam	27/08/1998	Bình Phước	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 9,5	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1297	1624801030115	Trần Thành Trung	Nam	16/12/1997	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 6,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
1298	1625202010271	Lê Quốc Trung	Nam	06/04/1998	Đồng Nai	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1299	1628501010119	Nguyễn Quốc Trung	Nam	10/08/1997	Bình Dương	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN05: 7,5	KN08: 10,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1300	1521402170130	Võ Thị Thanh Truyền	Nữ	28/08/1997	Gia Lai	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN05: 10,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	9,0	Xuất sắc
1301	1625202010273	Phạm Thanh Truyền	Nam	08/02/1998	Phú Yên	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
1302	1623801010407	Lê Thị Huệ Trung	Nữ	05/06/1998	Daklak	KN02: 7,0	KN06: 10,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1303	1523401010013	Huỳnh Thị Kim Trương	Nữ	12/01/1997	Bình Dương	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 6,5	KN10: 7,0	7,5	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1304	1522202010018	Phạm Quang Trường	Nam	12/07/1997	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 9,5	KN08: 9,5	KN09: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1305	1523801010371	Vũ Tiến Trường	Nam	14/08/1997	Bình Thuận	KN01: 7,0	KN02: 10,0	KN05: 6,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1306	1525802080016	Nguyễn Quang Trường	Nam	21/03/1997	Bà Rịa- Vũng Tàu	KN01: 7,0	KN02: 10,0	KN08: 8,5	KN09: 7,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1307	1528501010026	Nguyễn Nhật Trường	Nam	07/10/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN06: 8,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
1308	1621401010056	Nguyễn Nhật Trường	Nam	02/12/1999	Bình Dương	KN02: 7,0	KN05: 6,5	KN07: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1309	1521402170074	Trần Ngọc Nhật Uyên	Nữ	09/08/1996	Bình Thuận	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	8,0	Giỏi
1310	1521402180059	Lâm Thị Mỹ Uyên	Nữ	13/10/1997	Ninh Thuận	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN06: 9,5	KN08: 10,0	KN09: 9,0	8,5	Giỏi
1311	1523402010035	Phạm Thị Phương Uyên	Nữ	15/10/1997	Bình Dương	KN01: 6,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	8,0	Giỏi
1312	1524401120109	Hồ Khánh Uyên	Nữ	24/12/1997	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 10,0	KN05: 10,0	KN08: 9,0	9,5	Xuất sắc
1313	1623403010290	Trần Thị Uyên	Nữ	13/03/1997	Nghê An	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 6,5	KN09: 8,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1314	1623801010409	Bùi Thị Cẩm Uyên	Nữ	04/04/1996	Bình Dương	KN02: 6,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1315	1623801010411	Nguyễn Thị Tố Uyên	Nữ	10/11/1997	Gia Lai	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN04: 7,0	KN08: 7,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1316	1625106010153	Nguyễn Thị Kim Uyên	Nữ	22/09/1998	Phú Yên	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1317	1525202010109	Đỗ Văn Vàng	Nam	25/03/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 9,5	KN06: 7,5	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
1318	1521402020216	Hoàng Thị Cẩm Vân	Nữ	05/02/1995	Bình Thuận	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 10,0	8,5	Giỏi
1319	1523403010163	Lê Thị Vân	Nữ	10/07/1996	Gia Lai	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1320	1621402010253	Nguyễn Thị Kiều Vân	Nữ	01/10/1998	Thái Bình	KN02: 7,0	KN05: 6,5	KN08: 7,0	KN09: 9,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
1321	1621402020340	Lê Thị Vân	Nữ	06/09/1998	Thanh Hóa	KN02: 7,5	KN06: 7,0	KN07: 7,5	KN08: 8,5	KN10: 6,0	7,5	Khá
1322	1621402170110	Tô Thị Hồng Vân	Nữ	05/01/1998	Bình Phước	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1323	1623403010291	Đặng Thị Vân	Nữ	13/08/1998	Bình Dương	KN02: 7,5	KN05: 7,5	KN06: 9,5	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi

Ar

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1324	1623403010292	Huyền Thị Mỹ Vân	Nữ	17/04/1998	Quảng Ngãi	KN02 8,0	KN06 9,5	KN08: 8,5	KN09 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
1325	1623801010414	Phan Thị Vân	Nữ	20/12/1998	Bình Định	KN02 7,5	KN05 7,5	KN06: 8,0	KN08 8,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
1326	1624401120158	Hồ Thị Hồng Vân	Nữ	29/07/1998	Bến Tre	KN02 7,0	KN05 6,5	KN06: 9,0	KN08 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1327	1523801010023	Đàm Hồng Vần	Nam	03/03/1996	Đăklăk	KN01 7,5	KN02 8,0	KN05: 6,0	KN07 7,0	KN10. 10,0	7,5	Khá
1328	1521401010046	Nguyễn Thị Tường Vi	Nữ	15/06/1997	Tây Ninh	KN01 7,0	KN02. 9,0	KN04: 7,5	KN08: 9,0	KN09. 9,0	8,5	Giỏi
1329	1523402010068	Trần Đặng Tường Vi	Nữ	29/04/1997	Tiền Giang	KN01: 7,5	KN02 7,0	KN05: 7,5	KN07: 7,5	KN08: 8,0	7,5	Khá
1330	1525802080007	Trần Hoàn Vi	Nam	18/10/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 7,0	KN06: 8,5	KN09 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1331	1525202010033	Trần Thanh Viễn	Nam	12/04/1997	Đồng Nai	KN01: 7,5	KN02 9,0	KN04: 9,5	KN05 6,5	KN06. 9,0	8,5	Giỏi
1332	1623402010189	Võ Thị Bích Viện	Nữ	09/01/1998	Tiền Giang	KN02 7,0	KN03. 7,5	KN06: 8,0	KN08 8,5	KN10 9,5	8,0	Giỏi
1333	1523801010228	Lê Minh Việt	Nam	03/05/1991	Bình Dương	KN01: 9,0	KN02 8,0	KN08 7,5	KN09 9,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
1334	1621402010258	Nguyễn Thị Việt	Nữ	06/02/1998	Thanh Hóa	KN02 7,0	KN05 6,0	KN08: 8,0	KN09. 8,5	KN10 7,0	7,5	Khá
1335	1623801010416	Hoàng Việt	Nam	03/09/1997	Bình Phước	KN02 7,0	KN06 6,0	KN08. 6,0	KN09 8,0	KN10. 9,5	7,5	Khá
1336	1521401010019	Nguyễn Phương Vinh	Nam	04/03/1997	Bình Dương	KN01 6,0	KN02 7,0	KN04. 7,0	KN06. 8,5	KN10: 10,0	7,5	Khá
1337	1622202010283	Nguyễn Quốc Vinh	Nam	23/05/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN05 9,5	KN06 9,0	KN08 7,5	KN10. 7,5	8,5	Giỏi
1338	1625202010283	Nguyễn Đỗ Đức Vinh	Nam	23/09/1998	Bình Thuận	KN02. 6,5	KN06 9,0	KN07 8,0	KN08. 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1339	1523402010207	Trần Quốc Vinh	Nam	28/12/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03. 9,5	KN08: 9,5	KN10. 10,0	9,0	Xuất sắc
1340	1521402170072	Nguyễn Long Hoàng Vũ	Nam	23/09/1997	Tp Hồ Chí Minh	KN01 8,0	KN02 8,5	KN06 9,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	8,5	Giỏi
1341	1523402010107	Phạm Hoàng Vũ	Nam	13/08/1997	Đồng Nai	KN01 7,5	KN02 6,0	KN03 8,0	KN07 9,0	KN09 9,0	8,0	Giỏi
1342	1525801050059	Lê Võ Hoàng Vũ	Nam	22/12/1997	Bình Dương	KN01. 7,0	KN02. 8,0	KN03 9,0	KN06: 8,5	KN09 9,0	8,5	Giỏi
1343	1528501010019	Nguyễn Hoàng Vũ	Nam	30/09/1997	Bình Dương	KN01 8,0	KN02. 7,0	KN03 9,0	KN06: 7,5	KN10. 8,5	8,0	Giỏi
1344	1622202040085	Hoàng Kha Vũ	Nam	24/01/1998	Bình Phước	KN02 7,0	KN07: 9,0	KN08 9,5	KN09 8,0	KN10 10,0	8,5	Giỏi
1345	1624401120163	Đỗ Như Vũ	Nam	10/12/1998	Tp Hồ Chí Minh	KN02: 7,0	KN05 9,5	KN06: 9,0	KN08 9,0	KN10 8,5	8,5	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1346	1624601010111	Nguyễn Hoàng Vũ	Nam	04/05/1998	Tp.Hcm	KN02: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 9,5	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
1347	1525202010108	Đỗ Văn Vững	Nam	25/03/1996	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN09: 7,0	8,0	Giỏi
1348	1523401010020	Tạ Công Quốc Vương	Nam	02/01/1996	Quảng Ngãi	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN04: 10,0	KN06: 8,0	8,5	Giỏi
1349	1524801040043	Nguyễn Quốc Vương	Nam	23/07/1997	Bắc Ninh	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN06: 7,0	KN08: 6,0	KN09: 5,0	7,0	Khá
1350	1525106010030	Đỗ Xuân Vương	Nam	17/11/1997	Hưng Yên	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN03: 7,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1351	1521401010095	Nguyễn Thị Kiều Vy	Nữ	17/04/1997	Bình Phước	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1352	1521402020039	Ngô Lan Vy	Nữ	07/02/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN07: 7,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1353	1522202010199	Phan Thị Tường Vy	Nữ	06/04/1997	Phú Yên	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
1354	1523801010198	Nguyễn Trần Thúy Vy	Nữ	25/09/1997	Bình Dương	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1355	1525106010031	Trần Huỳnh Hạ Vy	Nữ	28/12/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN06: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
1356	1621402020348	Nguyễn Thị Thuý Vy	Nữ	05/05/1998	Quảng Ngãi	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN05: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
1357	1621402020349	Võ Huỳnh Yến Vy	Nữ	07/01/1998	Tp.Hcm	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN07: 6,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
1358	1623403010297	Nguyễn Phương Vy	Nữ	09/10/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 8,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
1359	1623403010298	Phạm Hà Vy	Nữ	18/08/1998	Thanh Hóa	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 6,5	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1360	1627601010064	Lê Thị Tường Vy	Nữ	18/09/1998	Bình Dương	KN02: 7,0	KN04: 7,0	KN08: 7,0	KN09: 8,5	KN10: 8,5	7,5	Khá
1361	1621402020351	Nguyễn Thị Hồng Vỹ	Nữ	06/08/1994	Daklak	KN02: 7,5	KN06: 7,0	KN07: 7,5	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
1362	1621402020352	Trần Khoa Vỹ	Nam	06/03/1997	Long An	KN02: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
1363	1521402170086	Hoàng Văn Xin	Nam	10/06/1996	Hà Tĩnh	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
1364	1523402010140	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	24/10/1997	Thanh Hóa	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
1365	1527601010036	Trần Ong Ái Xuân	Nữ	29/05/1997	Bình Dương	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi

Am

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1366	1621401010059	Trà Thanh Xuân	Nữ	17/11/1998	Bình Dương	KN02 9,5	KN06 9,0	KN08 8,0	KN09 7,5	KN10 10,0	9,0	Xuất sắc
1367	1623402010194	Huỳnh Thanh Xuân	Nữ	22/12/1997	Bình Dương	KN02 7,5	KN05 8,0	KN06 8,0	KN08 9,0	KN10 7,0	8,0	Giỏi
1368	1624401120167	Trần Thị Bích Xuân	Nữ	13/10/1998	Lâm Đồng	KN02 8,0	KN05 9,5	KN06 9,0	KN08 9,0	KN10 7,5	8,5	Giỏi
1369	1624403010069	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Nữ	27/10/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN05 8,5	KN06 8,0	KN08 9,0	KN10 9,5	8,5	Giỏi
1370	1623801010426	Trương Bảo Xuyên	Nam	17/05/1997	Cà Mau	KN02 7,0	KN06 6,0	KN07 8,5	KN08 7,0	KN10 10,0	7,5	Khá
1371	1522202010044	Hoàng Trần Thiên Ý	Nữ	11/12/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 8,0	KN07 9,0	KN08 10,0	KN10 8,0	8,5	Giỏi
1372	1523403010218	Phó Mỹ Ý	Nữ	09/09/1997	An Giang	KN01 9,0	KN02 9,0	KN03 8,0	KN05 8,0	KN10 9,0	8,5	Giỏi
1373	1622202040086	Võ Thị Như Ý	Nữ	26/06/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN06 9,0	KN07 8,5	KN08 8,5	KN10 9,0	8,5	Giỏi
1374	1623401010327	Đỗ Thị Như Ý	Nữ	13/06/1998	Tp Hồ Chí Minh	KN02 6,0	KN07 6,0	KN08 8,5	KN09 8,0	KN10 8,5	7,5	Khá
1375	1623801010427	Ngô Hiệp Ý	Nam	19/09/1998	Bình Dương	KN02 7,0	KN05 7,0	KN06 7,5	KN08 7,0	KN10 8,5	7,5	Khá
1376	1625106010158	Huỳnh Cao Ý	Nam	21/08/1998	Bình Dương	KN02 8,0	KN07 8,0	KN08 8,5	KN09 7,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi
1377	1521402010004	Nguyễn Trần Thảo Yến	Nữ	03/04/1996	Bình Dương	KN01 8,0	KN02 10,0	KN03 10,0	KN04 8,0	KN05 7,0	8,5	Giỏi
1378	1521402010104	Lê Thị Hải Yến	Nữ	10/03/1997	Bình Dương	KN01 7,0	KN02 8,0	KN06 9,5	KN08 9,0	KN10 9,5	8,5	Giỏi
1379	1521402020011	Vương Phi Yến	Nữ	30/05/1997	Tphcm	KN01 8,5	KN02 8,0	KN03 9,0	KN05 7,0	KN08 9,0	8,5	Giỏi
1380	1521402170110	Lê Thị Mỹ Yến	Nữ	21/06/1997	Lâm Đồng	KN01 8,0	KN02 6,5	KN03 8,5	KN05 7,0	KN10 10,0	8,0	Giỏi
1381	1521402180028	Phạm Huỳnh Phi Yến	Nữ	23/09/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01 7,0	KN02 7,0	KN05 10,0	KN08 8,5	KN10 10,0	8,5	Giỏi
1382	1523402010110	Thạch Châu Phượng Yến	Nữ	16/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	KN01 7,5	KN02 9,0	KN04 7,5	KN08 9,0	KN09 9,0	8,5	Giỏi
1383	1525106010052	Đỗ Như Hải Yến	Nữ	14/10/1997	Bình Dương	KN01 9,0	KN02 9,0	KN03 9,0	KN06 10,0	KN10 10,0	9,5	Xuất sắc
1384	1621402020356	Hoàng Yến	Nữ	05/11/1997	Daklak	KN02 6,0	KN05 9,0	KN06 8,5	KN08 9,5	KN10 9,0	8,5	Giỏi
1385	1623401010331	Phạm Thị Oanh Yến	Nữ	20/09/1998	Bình Định	KN02 8,0	KN03 9,0	KN07 8,0	KN08 7,0	KN10 8,0	8,0	Giỏi
1386	1623801010431	Nguyễn Thị Yến	Nữ	15/03/1998	Gia Lai	KN02 9,0	KN07 8,5	KN08 7,0	KN09 7,5	KN10 7,0	8,0	Giỏi

Ar

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1387	1624401120182	Nguyễn Thị Kim Yến	Nữ	28/03/1998	Ninh Thuận	KN02: 7,5	KN05: 8,5	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi

Danh sách này có 1387 sinh viên.

Handwritten signature